

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

PGS. TS. VÕ KHÁNH VINH - TS. NGUYỄN TRUNG TÍN
(Đồng chủ biên)

GIÁO TRÌNH
LIÊN HỢP QUỐC
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
(In lần thứ hai, có sửa chữa bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN
Hà Nội - 2003

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: LIÊN HỢP QUỐC - MỘT TỔ CHỨC QUỐC TẾ CẤP CHÍNH PHỦ	4
I. Khái niệm tổ chức quốc tế cấp chính phủ	4
II. Thành lập và giải thể tổ chức quốc tế cấp chính phủ	5
III. Cơ sở pháp lý của tổ chức quốc tế cấp chính phủ.....	6
IV. Thẩm quyền, quyền hạn và chức năng của tổ chức quốc tế cấp chính phủ.....	8
V. Các cơ quan của tổ chức quốc tế cấp chính phủ.....	9
VI. Thông qua quyết định của tổ chức quốc tế cấp chính phủ	10
VII. Lịch sử ra đời, mục đích, nguyên tắc của LHQ.....	10
VIII. Hiến chương LHQ - một văn bản pháp lý nền tảng	12
CÂU HỎI HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	14
CHƯƠNG II: CÁC CƠ QUAN CHÍNH CỦA LIÊN HỢP QUỐC.....	15
I. Đại hội đồng.....	15
II. Hội đồng Bảo an.....	17
III. Hội đồng kinh tế - xã hội	28
IV. Ban thư ký.....	29
V. Tòa án quốc tế.....	30
VI. Hội đồng quản thác.....	32
CÂU HỎI HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	34
CHƯƠNG III: VAI TRÒ CỦA LIÊN HỢP QUỐC TRONG VIỆC BẢO VỆ HÒA BÌNH VÀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC KINH TẾ - XÃ HỘI.....	35
I. Vai trò của LHQ trong việc bảo vệ hòa bình.....	35
II. Vai trò của LHQ trong sự phát triển kinh tế và xã hội	61
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	78
CHƯƠNG IV: VAI TRÒ CỦA LHQ TRONG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ NHÂN ĐẠO	79
I. Vai trò của liên hợp quốc trong việc bảo vệ quyền con người	79
II. Vai trò của LHQ trong vấn đề nhân đạo	90
CÂU HỎI HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	94
CHƯƠNG V: LIÊN HỢP QUỐC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN LUẬT QUỐC TẾ	95
I. Điều chỉnh pháp lý các tranh chấp quốc tế.....	95
II. Sự phát triển và quá trình pháp điển hóa luật quốc tế	99

CÂU HỎI HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	111
CHƯƠNG VI: CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN CỦA LIÊN HỢP QUỐC.....	112
I. Các tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương mại và năng lượng.....	112
II. Các tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực tài chính.....	125
III. Các tổ chức chuyên môn về giao thông vận tải.....	131
IV. Các tổ chức chuyên môn của LHQ về văn hóa khoa học và giáo dục.	136
V. Các tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực bưu điện	140
VI. Các tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực lao động và sức khỏe.	145
VII. Tổ chức khí tượng quốc tế.....	150
CÂU HỎI HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	153
PHỤ LỤC I.....	154
PHỤ LỤC II	185
PHỤ LỤC III.....	191
PHỤ LỤC IV	195

Chương I

LIÊN HỢP QUỐC - MỘT TỔ CHỨC QUỐC TẾ CẤP CHÍNH PHỦ

I. KHÁI NIỆM TỔ CHỨC QUỐC TẾ CẤP CHÍNH PHỦ

Các tổ chức quốc tế cấp chính phủ là một trong các hình thức hợp tác của các quốc gia đóng một vai trò to lớn trong đời sống quốc tế hiện nay.

Sự xuất hiện của các tổ chức quốc tế cấp chính phủ vào cuối thế kỷ XIX là kết quả của xu hướng quốc tế hóa đời sống nhân loại (Tổ chức Điện tín quốc tế 1865. Tổ chức Bưu chính quốc tế 1874).

Hiện nay trên thế giới có khoảng 4000 tổ chức quốc tế, trong đó khoảng 300 tổ chức quốc tế cấp chính phủ. Trong số các tổ chức quốc tế cấp chính phủ, Liên hợp quốc (LHQ) được coi là tổ chức lớn nhất và quan trọng nhất. Thuật ngữ “Tổ chức quốc tế” được sử dụng để ám chỉ cả tổ chức quốc tế cấp chính phủ và tổ chức quốc tế cấp phi chính phủ. Tuy nhiên cơ sở pháp lý của việc thành lập và hoạt động của chúng có nhiều điểm khác nhau.

Các tổ chức quốc tế cấp chính phủ có những đặc điểm chung sau: Thành viên là các quốc gia; Tôn trọng chủ quyền của các quốc gia thành viên; có điều ước quốc tế dưới dạng văn bản thành lập tổ chức (ví dụ, Hiến chương LHQ); có sự hiện diện của các cơ quan thường trực (điểm cơ bản để phân biệt với hội nghị quốc tế).

Với các điểm trên, tổ chức quốc tế cấp chính phủ được hiểu là sự liên kết giữa các quốc gia, dựa trên cơ sở điều ước quốc tế nhằm đạt những mục đích chung nhất định, có các cơ quan thường trực và hoạt động vì các mục đích chung các quốc gia thành viên với điều kiện tôn trọng chủ quyền của họ. Trong khi đó, đặc điểm cơ bản của các tổ chức quốc tế phi chính phủ thể hiện ở chỗ, chúng được thành lập không dựa trên các điều ước quốc tế mà dựa trên sự liên kết các cá nhân hoặc pháp nhân (ví dụ, Tổ chức Chữ thập đỏ quốc tế). Ở đây chúng tôi chủ yếu tập trung làm sáng tỏ khái niệm các tổ chức quốc tế cấp chính phủ.

Các tổ chức quốc tế cấp chính phủ được phân thành các loại khác nhau căn cứ vào các cơ sở phân loại nhất định.

Căn cứ vào số lượng các thành viên tham gia tổ chức, các tổ chức quốc tế được phân chia thành: tổ chức quốc tế cấp chính phủ phổ biến (ví dụ LHQ và các tổ chức chuyên môn của nó) và tổ chức quốc tế cấp chính phủ không phổ biến (ví dụ, các tổ chức quốc tế cấp chính phủ ở các khu vực, chẳng hạn, tổ chức Đông Nam Á-ASEAN).

Căn cứ vào thẩm quyền (lĩnh vực hoạt động), chúng được phân thành hai loại; tổ chức chung (hoạt động của tổ chức liên quan tới các lĩnh vực, ví dụ như LHQ, Tổ chức Đông Nam Á) và tổ chức chuyên môn (hoạt động của tổ chức liên quan tới một lĩnh vực chuyên môn của đời sống quốc tế, ví dụ, Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, Tổ chức Dầu lửa quốc tế).

Căn cứ vào quyền hạn, các tổ chức quốc tế cấp chính phủ được chia thành hai loại khác nhau: các tổ chức mang tính chất liên quốc gia (mục đích các tổ chức này là tổ chức sự hợp tác quốc tế và quyết định của tổ chức chỉ liên quan trực tiếp tới các quốc gia thành viên, không liên quan trực tiếp tới cá nhân và pháp nhân của họ⁽¹⁾ và các tổ chức mang tính chất trên quốc gia (mục đích của các tổ chức này là quốc tế hóa, do vậy quyết định của chúng có ý nghĩa trực tiếp với các cá nhân và pháp nhân của các cá nhân và pháp nhân của các quốc gia thành viên, ví dụ, Liên minh châu Âu).

Căn cứ vào trật tự kết nạp thành viên, các tổ chức quốc tế cấp chính phủ cũng được chia làm hai loại: mở (bất cứ quốc gia nào cũng có thể trở thành thành viên của tổ chức) và đóng (căn cứ vào mục đích, thẩm quyền của tổ chức, có những quốc gia không thể trở thành thành viên của tổ chức).

II. THÀNH LẬP VÀ GIẢI THỂ TỔ CHỨC QUỐC TẾ CẤP CHÍNH PHỦ

Các tổ chức quốc tế cấp chính phủ được coi là chủ thể phái sinh của luật quốc tế (hay còn được gọi là công pháp quốc tế). Quá trình thành lập tổ chức quốc tế cấp chính phủ được tiến hành qua ba giai đoạn: thông qua văn bản thành lập; tạo dựng cơ sở vật chất cho tổ chức; triệu tập các cơ quan chính để bắt đầu sự hoạt động thực tế của tổ chức.

Sự thoả thuận ý chí của các quốc gia thành viên về thành lập tổ chức quốc tế cấp chính phủ có thể được tiến hành dưới hai phương thức: điều ước

⁽¹⁾ Đa số các tổ chức quốc tế cấp chính phủ hiện nay là loại này, ví dụ như LHQ

quốc tế; quyết định của tổ chức quốc tế đang tồn tại - tổ chức quốc tế sinh ra tổ chức quốc tế.

Phương thức phổ biến nhất được áp dụng là ký kết điều ước quốc tế. Phương thức này thường được tiến hành theo cách tổ chức hội nghị quốc tế để soạn thảo và thông qua văn bản thành lập tổ chức. Tên gọi của các văn bản này có thể rất khác nhau (ví dụ, Hiến chương, quy chế, điều lệ, công ước). Ngày các văn bản đó có hiệu lực là ngày thành lập tổ chức.

Giai đoạn thứ hai trong quá trình thành lập tổ chức là giai đoạn hình thành cơ cấu vật chất của tổ chức.

Để đạt được mục đích trên, các quốc gia thành viên thoả thuận thành lập các cơ quan hỗ trợ chuyên môn. Các cơ quan này tiến hành các công việc sau: soạn thảo quy chế của các cơ quan chính của tổ chức (thường trực, không thường trực); giải quyết các công việc liên quan tới trụ sở chính của tổ chức; soạn thảo chương trình nghị sự cho cuộc họp đầu tiên của các cơ quan chính của tổ chức; chuẩn bị các tài liệu và kiến nghị tới tất cả các vấn đề của chương trình nghị sự.

Các quốc gia không phải là thành viên của các tổ chức quốc tế cấp chính phủ có thể cử quan sát viên tới tham dự các cuộc họp của các cơ quan của tổ chức nếu như điều đó được ghi nhận trong văn bản thành lập của tổ chức. Ở một số tổ chức quốc tế các quốc gia không phải là thành viên có thể cử một phái đoàn quan sát viên thường trực (ví dụ, Vatican và Thụy Sĩ có phái đoàn như vậy tại LHQ)

Sự triệu tập cuộc họp các cơ quan chính của tổ chức và việc bắt đầu của chúng là giai đoạn hoàn tất vấn đề thành lập tổ chức quốc tế cấp chính phủ.

Các tổ chức quốc tế cấp chính phủ chấm dứt mọi hoạt động của mình (sự tồn tại) khi các quốc gia thành viên thoả thuận như vậy. Thông thường việc giải thể các tổ chức quốc tế cấp chính phủ được chính thức hoá bằng một điều ước quốc tế dưới dạng biên bản về giải thể (Ví dụ, Tổ chức Hiệp ước Vacsava đã giải thể trên cơ sở biên bản cuộc họp của Uỷ ban tư vấn chính trị của tổ chức tại Pra-ha ngày 1 tháng 7 năm 1991; Hội đồng Tương trợ kinh tế đã được giải thể trên cơ sở biên bản Bu-đa-pet ngày 28 tháng 6 năm 1991.

III. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA TỔ CHỨC QUỐC TẾ CẤP CHÍNH PHỦ

Một nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế - nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia là một nguyên tắc chỉ đạo trong việc thành lập và hoạt động của các tổ chức quốc tế. Các khía cạnh của nguyên tắc này được thể

hiện ở đây là: văn bản thành lập tổ chức được hình thành trên cơ sở thoả thuận tự nguyện bình đẳng của các quốc gia thành viên; vấn đề tương quan giữa chủ quyền quốc gia thành viên với mục đích và lợi ích chung của tổ chức được giải quyết trong văn bản thành lập tổ chức. Giữa chúng sẽ không tồn tại bất kỳ mâu thuẫn nào, nếu như quốc gia thành viên tự nguyện thực hiện các cam kết phù hợp với điều lệ của tổ chức (văn bản thành lập) và các nguyên tắc được thừa nhận chung.

Trong khoa học pháp lý quốc tế có quan điểm phổ biến cho rằng các quốc gia thành viên khi thành lập tổ chức quốc tế đã trao cho tổ chức quốc tế năng lực pháp lý quốc tế và năng lực hành vi pháp lý quốc tế. Bởi vậy các tổ chức quốc tế có các khả năng sau: tham gia vào xây dựng và thông qua các quy phạm luật quốc tế; đảm bảo tuân thủ các quy phạm đó. Chính vì vậy, các tổ chức quốc tế cấp chính phủ được coi là các chủ thể luật quốc tế.

Việc san sẻ các quyền và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên cho tổ chức quốc tế không có nghĩa là tổ chức quốc tế có tư cách chủ thể luật quốc tế như các quốc gia - chủ thể đầu tiên, cơ bản chủ yếu của luật quốc tế. Quyền năng chủ thể luật quốc tế của tổ chức quốc tế hẹp hơn so với các quốc gia. Việc san sẻ các quyền và nghĩa vụ như vậy phải được tiến hành trên cơ sở hai nguyên tắc sau: quốc gia thành viên chỉ được phép chuyển trao các quyền mà mình có (ở đây có sự hiện diện của nguyên tắc cổ điển của pháp luật La Mã - không ai có thể chuyển trao quyền của mình cho người khác nhiều hơn anh ta có); quốc gia thành viên không thể chuyển trao một số quyền đặc trưng cho quốc gia (ví dụ, chủ quyền về lãnh thổ).

Như vậy quyền năng chủ thể luật quốc tế của các tổ chức quốc tế có hai đặc điểm: mang tính chất mục đích và chức năng; mang tính chất điều ước.

Tính chất mục đích và chức năng đó thể hiện ở chỗ, các quốc gia chuyển trao cho tổ chức các quyền và nghĩa vụ đủ để thực hiện các mục đích và các chức năng đặt ra (ví dụ, LHQ được các quốc gia chuyển trao các quyền để duy trì hoà bình và an ninh nhân loại, các quyền đó được thể hiện rõ nhất qua các quyền hạn của Hội đồng bảo an). Tính điều ước thể hiện ở chỗ, các tổ chức quốc tế có quyền ký các điều ước trong phạm vi thẩm quyền của mình.

Ngoài ra các tổ chức quốc tế còn có quyền: tham gia vào quan hệ ngoại giao (ví dụ, có các đại diện ở các quốc gia; trao đổi các đại diện với các tổ chức quốc tế khác); lựa chọn các nhân viên hành chính, kỹ thuật trên cơ sở hợp đồng.

Với tư cách là chủ thể luật quốc tế, các tổ chức quốc tế cũng phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lý quốc tế trên cơ sở luật quốc tế (các cam kết của

mình phù hợp với luật quốc tế) và phải bị truy cứu trách nhiệm pháp lý quốc tế do hành vi vi phạm pháp luật quốc tế của mình. Mỗi một tổ chức quốc tế đều có nguồn tài chính nhất định được hình thành từ sự đóng góp của các quốc gia thành viên trên cơ sở thoả thuận và được sử dụng vì các mục đích chung mà các tổ chức được các quốc gia thành viên giao phó trong văn bản thành lập. Ngoài ra các tổ chức quốc tế cấp chính phủ còn hoạt động với tư cách là pháp nhân dân sự trên cơ sở pháp luật các quốc gia.

Bởi vậy các tổ chức quốc tế: có quyền ký các hợp đồng mang tính chất dân sự; có quyền sở hữu bất động sản và động sản; có thể là nguyên đơn hoặc bị đơn trước toà án dân sự của các quốc gia. Tuy nhiên trong vấn đề này, các tổ chức cấp chính phủ cũng như các quốc gia thành viên có quyền miễn trừ tư pháp.

IV. THẨM QUYỀN, QUYỀN HẠN VÀ CHỨC NĂNG CỦA TỔ CHỨC QUỐC TẾ CẤP CHÍNH PHỦ.

Để thực hiện các mục đích và nhiệm vụ đặt ra các tổ chức quốc tế cấp chính phủ có thẩm quyền, quyền hạn và chức năng xác định được ghi nhận rõ trong văn bản thành lập của các tổ chức tương ứng.

Thẩm quyền của tổ chức quốc tế cấp chính phủ thường được hiểu là lĩnh vực hoạt động của tổ chức. Tuy nhiên mức độ quyền hạn đó lại phụ thuộc vào quyền hạn của tổ chức (ví dụ, cũng trong lĩnh vực hoà bình và an ninh nhưng thẩm quyền của các tổ chức quốc tế khu vực hạn chế hơn rất nhiều so với LHQ). Bởi vậy, việc xác định khái niệm thẩm quyền một cách chuẩn xác không thể không căn cứ vào quyền hạn của tổ chức. Vì thế thẩm quyền của tổ chức quốc tế cấp chính phủ là lĩnh vực mà ở đó tổ chức tiến hành hoạt động trên cơ sở các quyền hạn được giao.

Chức năng của tổ chức quốc tế cấp chính phủ được hiểu là các phương thức tiến hành hoạt động để đạt được các mục đích và nhiệm vụ được giao trong phạm vi thẩm quyền và quyền hạn của mình. Chức năng cơ bản của tổ chức quốc tế được chia thành ba loại: chức năng điều chỉnh, chức năng kiểm tra và chức năng hành động.

Chức năng điều chỉnh của tổ chức được thể hiện: khi tổ chức ban hành văn bản trong nội bộ tổ chức (ví dụ, các quyết định của các cơ quan tổ chức); ký kết các điều ước quốc tế với các chủ thể khác của luật quốc tế (chức năng điều chỉnh bên ngoài).

Chức năng kiểm tra của tổ chức được thực hiện qua việc cử các đoàn kiểm tra hoặc thu thập thông tin từ các quốc gia thành viên (ví dụ, kiểm tra việc

thực hiện các cam kết qua việc thực hiện chức năng điều chỉnh). Chức năng hành động được tiến hành nhằm mục đích khôi phục lại các quyền trên cơ sở văn bản thành lập, trên cơ sở thực hiện chức năng điều chỉnh và kết quả thu được qua việc thực hiện chức năng kiểm tra (ví dụ, LHQ quyết định đưa lực lượng vũ trang đi bảo vệ hoà bình, thực hiện các biện pháp cấm vận).

V. CÁC CƠ QUAN CỦA TỔ CHỨC QUỐC TẾ CẤP CHÍNH PHỦ

Cơ quan của tổ chức quốc tế được hiểu là bộ phận cấu thành của tổ chức được hình thành và hoạt động trên cơ sở văn bản thành lập hoặc các văn bản khác của tổ chức (ví dụ, Hiến chương LHQ quy định cơ cấu của LHQ gồm sáu cơ quan chính).

Cơ quan của tổ chức quốc tế có: thẩm quyền, quyền hạn và chức năng xác định; cơ cấu bên trong: trật tự thông qua quyết định; quy chế pháp lý.

Về nguyên tắc, thẩm quyền, quyền hạn và chức năng của các cơ quan của tổ chức quốc tế được hình thành từ thẩm quyền, quyền hạn và chức năng của tổ chức. Do vậy các cơ quan của tổ chức có thể có thẩm quyền, quyền hạn và chức năng khác nhau nhưng không bao giờ vượt quá thẩm quyền, quyền hạn và chức năng tổ chức mà chúng là các bộ phận cấu thành. Các cơ quan tổ chức quốc tế được phân chia thành các loại khác nhau.

Căn cứ vào tính chất thành viên, các cơ quan đó có các loại: liên chính phủ, liên quốc hội (ví dụ, Liên minh châu Âu), hành chính (bao gồm những người hoạt động với tư cách cá nhân). Trong số đó, các cơ quan quan trọng nhất là các cơ quan mang tính chất liên chính phủ. Các cơ quan hành chính của tổ chức là yếu tố không thể thiếu của bất kỳ tổ chức quốc tế nào. Chúng bao gồm các thành viên hoạt động với tư cách cá nhân và chỉ chịu trách nhiệm trước tổ chức. Việc bổ nhiệm, tuyển chọn các viên chức đó được tiến hành trên cơ sở thoả thuận của các quốc gia thành viên.

Căn cứ vào số lượng thành viên, các cơ quan của tổ chức quốc tế gồm hai loại: cơ quan chung (gồm đại diện của tất cả quốc gia thành viên) và cơ quan có số lượng hạn chế (gồm đại diện một số quốc gia thường được bầu theo nhiệm kỳ trên cơ sở thoả thuận). Cơ quan chung của tổ chức thường giải quyết các vấn đề quan trọng nhất như: xác định chính sách chung của tổ chức; thông qua các dự thảo điều ước và kiến nghị; giải quyết các vấn đề ngân sách và tài chính; xem xét sửa đổi bổ sung điều lệ; giải quyết các vấn đề liên quan tới thành viên: kết nạp, khai trừ, đình chỉ các quyền và ưu đãi. Cơ quan có số lượng hạn chế thường giải quyết các vấn đề liên quan tới hoạt động thường xuyên của tổ chức.

VI. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC QUỐC TẾ CẤP CHÍNH PHỦ

Các quyết định của tổ chức quốc tế được các cơ quan của nó thông qua. Quyết định của tổ chức chính phủ là sự biểu hiện ý chí chung của các quốc gia thành viên. Quá trình thông qua quyết định phụ thuộc vào một loạt các yếu tố: quy định trong văn bản thành lập; quy chế và thành phần của cơ quan; bầu không khí chính trị trong quan hệ giữa các quốc gia thành viên đại diện tại các cơ quan đưa ra quyết định.

Trình tự đưa ra quyết định của tổ chức được tiến hành qua các bước sau: đưa ra sáng kiến về quyết định; thảo luận về quyết định tại cơ quan; biểu quyết thông qua quyết định. Quyết định được thông qua theo một trong các nguyên tắc sau: nhất trí hoàn toàn, quá bán tối thiểu, quá bán tối đa.

VII. LỊCH SỬ RA ĐỜI, MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC CỦA LHQ

a. Lịch sử ra đời

LHQ là trung tâm của thế giới trong việc giữ gìn hoà bình và an ninh nhân loại, thúc đẩy sự hợp tác kinh tế - xã hội giữa các quốc gia.

Sự ra đời của LHQ là thành quả chiến thắng của các dân tộc thuộc phe đồng minh trong chiến tranh thế giới thứ hai. Tuy nhiên một trong các nguyên nhân khác dẫn tới sự ra đời của tổ chức LHQ có thể kể tới là quá trình phát triển các quan hệ kinh tế, chính trị quốc tế trên quan hệ toàn cầu; cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới.

Sự kiện đầu tiên dẫn tới việc thành lập LHQ là Tuyên bố chung Đại Tây Dương do Tổng thống Mỹ F.D.Ru-dơ-ven và Thủ tướng Anh U. Sớc-sin ký ngày 14 tháng 8 năm 1941 và Tuyên bố của Chính phủ Liên Xô tại hội nghị của phe đồng minh tại London ngày 24 tháng 9 năm 1941. Trong các văn bản pháp lý chính trị quốc tế đó đã hình thành các tư tưởng về sự cần thiết xây dựng trật tự thế giới hoà bình hợp tác sau chiến tranh.

Văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên về tư tưởng thành lập một tổ chức quốc tế mới nhằm duy trì hoà bình và an ninh nhân loại là Tuyên bố chung của Chính phủ Liên Xô và Chính phủ Ba Lan ngày 4 tháng 12 năm 1941. Trong tuyên bố đó có nêu rõ rằng: thế giới hoà bình và công bằng chỉ có thể đảm bảo bằng một tổ chức quốc tế mới dựa trên sự liên kết chặt chẽ của các quốc gia dân chủ.

Bước đi thực tế đầu tiên trong quá trình thành lập LHQ chính là Tuyên bố Matxcơva ngày 30 tháng 10 năm 1943 của đại diện bốn quốc gia là Liên Xô, Mỹ, Anh và Trung Quốc. Tuyên bố nêu rõ sự cần thiết về thành lập một cách nhanh chóng một tổ chức chung nhằm duy trì hoà bình và an ninh nhân loại. Trong tuyên bố còn nêu rõ các nguyên tắc quan trọng của tổ chức quốc tế tương lai như: nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia; nguyên tắc trách nhiệm đặc biệt của các quốc gia siêu cường trong việc duy trì hoà bình và an ninh thế giới. Tại hội nghị này, uỷ ban soạn thảo các vấn đề liên quan tới thành lập một tổ chức quốc tế chung đã được thành lập. Quyết định của Hội nghị Matxcơva đã được Hội nghị Tê-hê-ran khẳng định lại vào cuối năm 1943.

Tháng 10 năm 1944 tại Đum Bác-tơn (Mỹ) các đại diện của bốn quốc gia trên đã thông qua văn bản với tên gọi “Những đề xuất sơ bộ về việc thành lập tổ chức an ninh quốc tế chung”. Những đề xuất đó là cơ sở cho việc soạn thảo Hiến chương LHQ. Tại cuộc Hội nghị này, vấn đề biểu quyết thông qua quyết định của Hội đồng Bảo an LHQ không được giải quyết. Vấn đề này đã được giải quyết tại hội nghị I-an-ta (Crưm - Liên Xô) vào tháng 2 năm 1945 theo nguyên tắc thống nhất hành động của các quốc gia siêu cường khi giải quyết các vấn đề quan trọng tại Hội đồng Bảo an. Nguyên tắc này sau đó đã được ghi nhận trong Điều 27 Hiến chương LHQ. Tại cuộc hội nghị đó, vấn đề ngày giờ, địa điểm tổ chức hội nghị thành lập LHQ cũng đã được giải quyết.

Theo đúng dự kiến, ngày 25 tháng 4 năm 1945, tại San Phran-xit-cô, hội nghị về thành lập LHQ được triệu tập. Hội nghị đã xem xét và thông qua Hiến chương LHQ (ngày 26 tháng 6 năm 1945 Hiến chương được thông qua và theo quy định trong đó ngày 24 tháng 10 năm 1945 Hiến chương có hiệu lực pháp lý).

Theo quyết định của Đại hội đồng LHQ năm 1974, ngày Hiến chương có hiệu lực là ngày thành lập LHQ. Bởi vậy hàng năm cứ đến ngày 24 tháng 10 nhân dân toàn thế giới đã kỷ niệm trọng đại ngày thành lập LHQ như một sự kiện vĩ đại, tiến bộ trong lịch sử nhân loại từ trước tới nay. Đó là sự biểu hiện: của tinh thần hợp tác, đoàn kết vì sự tiến bộ; của tinh thần quyết tâm đấu tranh chống các thế lực cực đoan hiếu chiến đe dọa hoà bình và nền văn minh nhân loại.

b. Mục đích nguyên tắc hoạt động của LHQ

Hiến chương LHQ ghi nhận các mục đích sau:

- Củng cố hoà bình và an ninh quốc tế;

- Phát triển các quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc;

- Tiến hành sự hợp tác trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá và nhân đạo, khuyến khích sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người.

Để đạt các mục đích đặt ra LHQ hoạt động trên cơ sở nguyên tắc:

- Nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia thành viên;

- Nguyên tắc phải tuân thủ có thiện chí các cam kết được ghi nhận trong Hiến chương;

- Nguyên tắc giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình;

- Nguyên tắc không được dùng vũ lực và đe dọa sử dụng nó;

- Nguyên tắc các thành viên LHQ phải giúp đỡ và ủng hộ đầy đủ cho LHQ trong mọi hành động mà nó áp dụng theo đúng Hiến chương và tránh giúp đỡ bất kỳ quốc gia nào bị LHQ áp dụng các biện pháp ngừa hoặc cưỡng chế;

- Nguyên tắc LHQ đảm bảo để các quốc gia không phải là thành viên hành động trên cơ sở các nguyên tắc được ghi nhận trong Hiến chương LHQ nhằm củng cố hoà bình và an ninh thế giới;

- Nguyên tắc LHQ không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia bất kỳ.

Như vậy trong số các nguyên tắc đó, có một số nguyên tắc được coi là nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế. Việc ghi nhận các nguyên tắc ấy có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển tiến bộ của luật quốc tế sau Đại chiến thứ hai.

VIII. HIẾN CHƯƠNG LHQ - MỘT VĂN BẢN PHÁP LÝ NỀN TẢNG

Trước hết Hiến chương tạo dựng một nền tảng pháp lý quốc tế, tính pháp chế và sự công bằng quốc tế. Là một điều ước quốc tế phổ biến quan trọng nhất. Hiến chương Điều chỉnh hoạt động của LHQ, các cơ quan của nó và hành vi của các quốc gia thành viên nhằm đạt các mục đích đặt ra trên cơ sở các nguyên tắc đã nêu.

Hiến chương LHQ là một điều ước quốc tế đặc biệt, do vậy việc thay đổi các quy định của nó không chỉ đụng chạm tới lợi ích của một quốc gia hoặc một nhóm quốc gia mà có thể sẽ gây ra hậu quả tai hại cho sự nghiệp hoà bình và an ninh quốc tế.

Các quy định của Hiến chương tác động tới chính sách của các quốc gia, tới kết quả đàm phán về các vấn đề khác nhau trong đời sống quốc tế, tới nội

dung các điều ước quốc tế. Hiến chương không chỉ là cơ sở quan trọng để hoàn thiện cơ cấu và hoạt động của LHQ mà còn định hướng cho sự củng cố hoà bình thế giới trong tương lai, tránh khỏi thảm họa của các loại vũ khí giết người hàng loạt.

Một trong những đặc điểm của Hiến chương LHQ là ở chỗ, nó không chỉ là cơ sở cho sự củng cố hoà bình và an ninh quốc tế mà còn là nền tảng của sự hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, nhân đạo và các lĩnh vực khác của đời sống quốc tế.

Hiến chương tạo dựng những nhân tố quan trọng cho một tư duy chính trị mới. Đó là việc các quốc gia tiến bộ trên thế giới ngày càng nhiều và sử dụng quy chế biểu quyết trong Hiến chương để quyết định các vấn đề quan trọng của đời sống quốc tế.

CÂU HỎI HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

- 1. Thế nào là tổ chức quốc tế cấp chính phủ?*
- 2. Hãy cho biết trình tự thành lập và giải thể của tổ chức quốc tế cấp chính phủ?*
- 3. Cơ sở pháp lý của tổ chức quốc tế cấp chính phủ là gì?*
- 4. Thẩm quyền, quyền hạn và chức năng của tổ chức quốc tế cấp chính phủ được quy định ra sao?*
- 5. Tổ chức quốc tế cấp chính phủ có những cơ quan gì?*
- 6. Các tổ chức quốc tế cấp chính phủ thông qua quyết định của mình như thế nào?*
- 7. Hãy cho biết lịch sử ra đời, mục đích và nguyên tắc của LHQ?*
- 8. Tại sao nói Hiến chương LHQ là văn bản pháp lý quan trọng?*

Chương II

CÁC CƠ QUAN CHÍNH CỦA LIÊN HỢP QUỐC

LHQ bao gồm 6 cơ quan chính là: Đại hội đồng, Hội đồng Bảo an, Hội đồng Kinh tế-xã hội, Hội đồng Quản thác, Ban thư ký và Tòa án quốc tế. Trong số các cơ quan như vậy. Đại hội đồng là cơ quan toàn thể mang tính chất không thường trực, số còn lại là các cơ quan thường trực. Ngoài ra, trong khuôn khổ LHQ còn có các tổ chức chuyên môn của LHQ. Song các tổ chức này không phải là cơ quan chính của LHQ.

I. ĐẠI HỘI ĐỒNG

Đại hội đồng bao gồm tất cả đại diện của các quốc gia thành viên thực hiện các nhiệm vụ của mình trên cơ sở Hiến chương LHQ.

Đại hội đồng có thẩm quyền thảo luận tất cả các vấn đề hoặc các công việc thuộc phạm vi Hiến chương, hoặc thuộc quyền hạn và chức năng của bất kỳ một cơ quan nào của LHQ được ghi trong Hiến chương trừ những vấn đề được quy định trong Điều 12 của Hiến chương (Điều 10 Hiến chương LHQ). Vấn đề ngoại lệ đó được xác định theo Điều 12 Hiến chương như sau: “Khi Hội đồng Bảo an thực hiện những chức năng được Hiến chương này quy định đối với một vụ tranh chấp hay một tình thế nào đó, thì Đại hội đồng không được đưa ra một kiến nghị nào về tranh chấp hay tình thế ấy, trừ khi được Hội đồng Bảo an yêu cầu.

Trong số các quyền hạn của Hội đồng, quyền hạn quan trọng nhất là việc “xem xét các nguyên tắc chung của sự hợp tác trong công cuộc củng cố hòa bình và an ninh thế giới”. Trên cơ sở tuân thủ Điều 12 Hiến chương, Đại hội đồng có quyền đưa ra khuyến nghị về việc áp dụng các biện pháp thích hợp để giải quyết hòa bình mọi tình thế nảy sinh bất kỳ từ nguồn gốc nào, mà theo sự nhận xét của Đại hội đồng, có thể làm phương hại tới lợi ích chung, gây tổn hại cho các quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc, kể cả những tình thế nảy sinh do vi phạm những quy định về các mục đích và nguyên tắc của LHQ (Điều 14 Hiến chương).

Thẩm quyền rộng lớn của Đại hội đồng được ghi nhận trong Hiến chương có cơ sở hợp lý nhất định. Thứ nhất, Đại hội đồng là một cơ quan dân chủ về sự hợp tác toàn diện giữa các quốc gia có chủ quyền loại trừ mọi sự áp đặt khi thông qua quyết định. Thứ hai, Đại hội đồng không phải là “nghị viện” quốc tế, do vậy, nó có thể thảo luận bất kỳ vấn đề gì liên quan sự hợp tác giữa các quốc gia miễn là không thuộc các công việc nội bộ của chúng. Thứ ba, Đại hội đồng không cần phải thông qua các quyết định về việc áp dụng vũ lực (vấn đề thuộc thẩm quyền riêng biệt của Hội đồng Bảo an).

Một trong những đặc điểm và quy chế pháp lý của Đại hội đồng là ở chỗ, Đại hội đồng là diễn đàn để tiến hành thảo luận thường kỳ tất cả các vấn đề trọng đại của thế giới. Đại hội đồng tiến hành thảo luận thường xuyên các vấn đề củng cố hòa bình và an ninh quốc tế, phát triển quan hệ hợp tác kinh tế - xã hội giữa các quốc gia. Như vậy Đại hội đồng tạo ra những khả năng rộng lớn để trao đổi quan điểm và đạt được thỏa thuận về việc giải quyết các vấn đề cơ bản của cộng đồng. Trên cơ sở đó, Đại hội đồng đã có vai trò to lớn trong việc soạn thảo các điều ước quốc tế phổ biến (Công ước về luật biển quốc tế năm 1982, các công ước về quyền con người). Trong khuôn khổ LHQ, Đại hội đồng tiến hành pháp điển hóa luật quốc tế. Cụ thể, theo Điều 13 Hiến chương, “Đại hội đồng tổ chức nghiên cứu và thông qua những kiến nghị nhằm: a. Phát triển sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chính trị và thúc đẩy pháp điển hóa và sự phát triển tiến bộ của luật quốc tế”.

Hoạt động cơ bản của Đại hội đồng được tiến hành tại các cuộc họp thường kỳ hàng năm, các cuộc họp bất thường và các cuộc họp đặc biệt bình thường. Ngoài ra một khối lượng công việc đáng kể của Đại hội đồng được các cơ quan phụ trợ của nó đảm nhiệm (cỡ trên 200 cơ quan như vậy). Trong các cuộc họp thường kỳ của Đại hội đồng, các cuộc họp toàn thể có ý nghĩa quan trọng nhất. Tại đó, các nguyên thủ quốc gia, chính phủ, các bộ trưởng ngoại giao và các vị lãnh đạo khác của đa số các quốc gia trình bày các quan điểm của mình về các vấn đề khác nhau của đời sống quốc tế. Các cuộc họp toàn thể được tiến hành trong khoảng thời gian ba tuần đầu tiên. Ngoài ra các cuộc họp toàn thể, Đại hội đồng tiến hành hoạt động thông qua các cuộc họp của các uỷ ban như: họp uỷ ban chung, họp uỷ ban kiểm tra tư cách đại biểu, họp của bảy uỷ ban: (giải trừ và an ninh; chính trị; kinh tế - tài chính; xã hội - nhân đạo; xóa bỏ thuộc địa; hành chính - ngân sách; pháp lý).

Đại hội đồng thông qua quyết định trên cơ sở mỗi thành viên một phiếu. Trong đó, các vấn đề quan trọng được thông qua trên cơ sở quá bán tối đa tương đối (2/3 số thành viên có mặt tham gia bỏ phiếu), các vấn đề khác - quá

bán tối thiểu tương đối (50% + 1 phiếu của số thành viên có mặt tham gia bỏ phiếu).

Các vấn đề quan trọng như: bầu uỷ viên không thường trực của Hội đồng Bảo an, các thành viên của Hội đồng Kinh tế - xã hội, Hội đồng Quản thác, kết nạp và bãi miễn thành viên, đình chỉ quyền ưu đãi của thành viên, chức năng hệ thống quản thác, ngân quỹ mang tính chất pháp lý (có ý nghĩa bắt buộc thi hành). Các vấn đề khác (kể cả vấn đề hòa bình và an ninh) chỉ mang tính chất khuyến nghị.

II. HỘI ĐỒNG BẢO AN

Hoạt động của Hội đồng Bảo an là nhân tố quan trọng trong việc phát triển các quan hệ giữa các quốc gia, là công cụ hữu hiệu chung chưa từng có trong lịch sử nhân loại về việc bảo vệ hòa bình, ngăn ngừa chiến tranh. Trong những năm hoạt động của mình (đặc biệt sau thời kỳ chiến tranh lạnh). Hội đồng Bảo an đã xem xét và giải quyết hàng trăm vụ tranh chấp giữa các quốc gia. Thực tế chứng minh rằng công việc mà Hội đồng giải quyết là rất lớn (bình quân mỗi ngày từ 1946 đến 1986 Hội đồng tiến hành họp không ít hơn một cuộc). Bởi vậy ngay trong 40 năm đầu (1945-1985), Hội đồng đã thông qua 580 nghị quyết và quyết định về các vấn đề chính trị khác nhau, trong đó chủ yếu là các vấn đề liên quan hòa bình và an ninh quốc tế. Nhiều trường hợp các quyết định đó không chỉ ngăn chặn sự đổ máu và thiệt hại to lớn về tính mạng cũng như tài sản, mà còn đóng vai trò quyết định trong việc giải quyết các vấn đề cực kỳ phức tạp trên thế giới.

Các quyết định của Hội đồng Bảo an không chỉ là công cụ giải quyết các tranh chấp, mà còn là các văn bản pháp lý quốc tế thể hiện sự dung hòa ý chí của các quốc gia bởi vì chúng có ý nghĩa bắt buộc đối với các quốc gia (Điều 25 của Hiến chương nêu rõ, các thành viên LHQ đồng ý phục tùng và thực hiện các quyết định và nghị quyết của Hội đồng Bảo an).

Theo Hiến chương LHQ, Hội đồng Bảo an có quyền áp dụng các công cụ và các phương thức mà LHQ có được, để giải quyết các vấn đề quan trọng như ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân, hạn chế chạy đua vũ trang, giải trừ quân đội, củng cố và phát triển hệ thống an ninh quốc tế.

Với tư cách là cơ quan lãnh đạo chính trị của LHQ, Hội đồng Bảo an hoạt động trên cơ sở Hiến chương và đại diện cho tất cả thành viên của LHQ vì lợi ích của sự nghiệp hòa bình và an ninh quốc tế.

Hội đồng Bảo an là cơ quan duy nhất trong số các cơ quan chính của LHQ có quyền hạn thông qua các quyết định về giữ gìn và khôi phục hòa bình và an

ninh thế giới. Theo Hiến chương chỉ có Hội đồng Bảo an mới có quyền ra quyết định tiến hành các chiến dịch quân sự (bằng lực lượng vũ trang của LHQ). Để thực hiện các chiến dịch đó, Hội đồng Bảo an quyết định các vấn đề như: thành lập lực lượng vũ trang; xác định nhiệm vụ, chức năng, thành phần, số lượng, cơ cấu chỉ huy và các vấn đề khác liên quan đến việc thực hiện chiến dịch (thời hạn, tài chính).

Một trong những đặc điểm về quy chế pháp lý của Hội đồng Bảo an là quy chế biểu quyết thông qua quyết định. Sự đặc biệt đó xuất phát từ tính chất phức tạp và đặc biệt trong quan hệ hợp tác quốc tế trên thế giới, các yếu tố khác về mặt lịch sử cũng như chính trị.

Hội đồng Bảo an bao gồm 15 thành viên (trước năm 1963 có 11 thành viên): 5 thành viên thường trực vô thời hạn (Nga - trước năm 1991 là Liên Xô, Anh, Pháp và Trung Quốc) và 10 thành viên không thường trực được bầu theo quy định trong Hiến chương). Cơ cấu như vậy của Hội đồng Bảo an không chỉ bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng được tiến hành nhanh chóng và có hiệu quả mà còn đảm bảo sự cân bằng thường xuyên giữa các thành viên thường trực và các thành viên không thường trực.

Trụ cột của Hội đồng Bảo an là các thành viên thường trực. Việc xác định nhóm các quốc gia là thành viên thường trực được tiến hành trên cơ sở một loạt các dấu hiệu như: vai trò trong đời sống quốc tế, lãnh thổ, dân cư, trình độ phát triển kinh tế - kỹ thuật, tiềm lực quân sự, vai trò chống xâm lược trong chiến tranh thế giới thứ hai.

Quy chế thành viên thường trực được xác định rõ trong Hiến chương. Theo đó, các uỷ viên thường trực có quyền ngang nhau trong việc thảo luận và thông qua quyết định về các vấn đề. Ngoài việc bảo đảm thường trực của Hội đồng Bảo an, Hiến chương còn ấn định nguyên tắc nhất trí trong hành động của họ để đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng đạt hiệu quả. Bởi mức độ của sự hợp tác giữa các uỷ viên thường trực của Hội đồng Bảo an ảnh hưởng đáng kể không chỉ tới kết quả hoạt động của Hội đồng mà còn tới tình hình chung trên thế giới (ví dụ, trong thời kỳ chiến tranh lạnh, hiệu quả hoạt động của Hội đồng rất thấp, nhưng sau thời kỳ chiến tranh lạnh hiệu quả hoạt động Hội đồng đã khả quan hơn). Quy chế uỷ viên thường trực của Hội đồng Bảo an một mặt tạo điều kiện để các uỷ viên thường trực đóng góp công sức đáng kể của mình trong sự nghiệp củng cố hòa bình và an ninh quốc tế, mặt khác, đặt ra trách nhiệm trước họ đối với sứ mệnh đó.

Các uỷ viên không thường trực của Hội đồng Bảo an cũng đóng góp một vai trò đáng kể trong hoạt động của Hội đồng. Các uỷ viên đó được Đại hội

đồng bầu với nhiệm kỳ hai năm. Các điều kiện để một quốc gia có thể được bầu vào uỷ viên không thường trực của Hội đồng Bảo an là: vị trí và vai trò trong việc giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế và trong việc đạt các mục đích khác của LHQ; sự phân bố theo khu vực địa lý. Do vì quy chế bầu cử uỷ viên không thường trực của Hội đồng Bảo an rất phức tạp, do vậy, việc bầu một uỷ viên đó thường phải tiến hành qua nhiều đợt bỏ phiếu. Trong thời gian gần đây đã có sự thay đổi đáng kể trong việc đề cử, do vậy việc bầu cử đã được tiến hành nhanh chóng hơn.

Từ năm 1965, số lượng các uỷ viên không thường trực từ 6 được tăng lên thành 10 (căn cứ vào sự sửa đổi các khoản 1 và 2 và 3 Điều 27 của Hiến chương). Sự sửa đổi đó cũng làm thay đổi đáng kể trình tự thông qua quyết định tại Hội đồng Bảo an và đồng thời nâng cao đáng kể vai trò của các uỷ viên không thường trực. Quyết định của Hội đồng Bảo an về các vấn đề mang tính chất thủ tục được thông qua trên cơ sở ít nhất có 9 uỷ viên nhất trí. Quyết định về các vấn đề khác của Hội đồng chỉ được thông qua khi có ít nhất 9 uỷ viên nhất trí và với điều kiện có phiếu nhất trí của 5 uỷ viên thường trực. Điều đó có nghĩa là mỗi uỷ viên thường trực có quyền phủ quyết (quyền veto).

Nếu như tất cả 5 uỷ viên thường trực bỏ phiếu trắng (hoặc từ chối biểu quyết), thì khi đó số phiếu của tất cả các uỷ viên không thường trực sẽ đủ để thông qua quyết định của Hội đồng Bảo an về cả những vấn đề hòa bình và an ninh nhân loại.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng số 1991 ngày 19 tháng 12 năm 1963, số ghế các uỷ viên không thường trực được phân bố như sau: 5 uỷ viên từ châu Á và châu Phi; 1 uỷ viên Đông Âu; 2 uỷ viên - châu Mỹ La tinh; 2 uỷ viên Tây Âu và châu Đại dương.

Từ khía cạnh pháp lý, các uỷ viên không thường trực của Hội đồng Bảo an cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện chức năng của Hội đồng. Bởi vì theo quy chế biểu quyết của Hội đồng Bảo an, 7 uỷ viên không thường trực có quyền phủ quyết việc thông qua bất kể quyết định gì của Hội đồng.

Theo Hiến chương, các vấn đề về thủ tục (ví dụ, về chương trình nghị sự được Hội đồng Bảo an thông qua trên cơ sở ít nhất 9 uỷ viên bất kỳ đồng ý, còn các vấn đề khác (ví dụ, về hòa bình và an ninh) - ít nhất 9 uỷ viên thông qua với điều kiện trong đó có sự nhất trí của 5 uỷ viên thường trực. Tuy nhiên, trong thực tế, cách ghi nhận “trong đó có tất cả các uỷ viên thường trực bỏ phiếu thuận” được giải thích theo cách thức: việc uỷ viên thường trực bỏ phiếu trắng không làm cản trở việc thông qua quyết định. Ngoài ra, thực tiễn hoạt

động của Hội đồng còn khẳng định rằng việc uỷ viên thường trực không tham gia bỏ phiếu sẽ không cản trở việc thông qua quyết định.

Quyền phủ quyết của uỷ viên thường trực Hội đồng Bảo an còn bị hạn chế trên cơ sở khoản 3 Điều 27 hiến chương LHQ. Theo đó, khi bỏ phiếu về các nghị quyết trên cơ sở chương VI (giải quyết hòa bình các vụ tranh chấp) và khoản 3 Điều 52, uỷ viên thường trực là bên tranh chấp sẽ không được tham gia bỏ phiếu.

Nguyên tắc nhất trí hoàn toàn của các uỷ viên thường trực không được áp dụng khi Hội đồng thông qua các quyết định mang tính chất thủ tục. Đó là các vấn đề về phương pháp thảo luận và thông qua quyết định. Trong trường hợp có sự bất đồng tại Hội đồng Bảo an về vấn đề tính chất của quyết định (thủ tục hay không thủ tục), thì vấn đề được Hội đồng Bảo an giải quyết trên cơ sở nhất trí hoàn toàn của các uỷ viên thường trực. Bởi vậy người ta gọi nguyên tắc phủ quyết của Hội đồng Bảo an trong các trường hợp như vậy mang tính chất hai lần (phủ quyết của phủ quyết). Trong thực tế hoạt động của Hội đồng Bảo an, việc áp dụng nguyên tắc phủ quyết hai lần như vậy rất ít (tất cả 6 lần).

Nguyên tắc nhất trí hoàn toàn của các uỷ viên thường trực là một nguyên tắc quan trọng và cần thiết trong thế giới ngày nay. Nó thể hiện sự cần thiết tính tới việc cân bằng lợi ích của các quốc gia trong các vấn đề về hòa bình và an ninh nhân loại. Nguyên tắc này còn đảm bảo cho sự hoạt động một cách có hiệu quả của LHQ trong thế giới đa dạng mâu thuẫn và hợp tác hiện nay.

Nguyên tắc nhất trí hoàn toàn của các uỷ viên thường trực được áp dụng trong thực tế không chỉ theo cách thức bỏ phiếu trực tiếp mà còn trên cơ sở nguyên tắc konsensuns. Việc áp dụng nguyên tắc konsensuns như một phương thức thực hiện nguyên tắc nhất trí hoàn toàn của các uỷ viên thường trực Hội đồng Bảo an được xuất phát từ nhu cầu thực tế khách quan. Quy chế thông qua quyết định trên cơ sở nguyên tắc konsensuns đã được áp dụng tại Hội đồng Bảo an về các vụ việc như: vấn đề hòa bình ở đảo Síp năm 1973; vấn đề về lực lượng vũ trang của LHQ tại Trung Đông năm 1974; vấn đề đình chỉ cuộc chiến tranh giữa Iran và Iraq năm 1988; vấn đề khắc phục các hậu quả của cuộc chiến tranh giữa Iraq và Côoéc năm 1991. Thực tiễn hoạt động của Hội đồng Bảo an chứng minh rằng ngày càng nhiều các quyết định của Hội đồng được thông qua trên cơ sở nguyên tắc konsensuns (ví dụ, từ năm 1946-1955: 36; từ 1956 -1965: 66; từ 1966-1975: 89; từ 1976-1985: 101).

Ngoài việc thông qua các quyết định mang tính chất cưỡng chế thi hành, Hội đồng Bảo an còn thông qua các văn bản mang tính chất khuyến nghị. Các

khuyến nghị đó không đặt ra các nghĩa vụ pháp lý bắt buộc với các quốc gia, nhưng chúng không phải là những khuyến nghị bình thường (như các khuyến nghị của Đại hội đồng LHQ) mà là các khuyến nghị đặc biệt (các quốc gia hữu quan không thể không lưu ý tới). Tính đặc biệt này thể hiện ở chỗ chúng là những quyết định ban đầu về giải pháp tình thế liên quan các sự kiện, tiếp theo chúng có thể là các quyết định mang tính chất cưỡng chế thi hành.

Ngoài các kiến nghị. Hội đồng Bảo an có quyền ra các quyết định có giá trị pháp lý. Chúng được Hội đồng thông qua trên cơ sở các nguyên tắc và quy định của Hiến chương và có giá trị bắt buộc thi hành đối với các quốc gia thành viên của LHQ, không phụ thuộc vào việc họ có tham gia thảo luận và thông qua các quyết định hay không, hoặc ai đó trong số họ đã biểu quyết chống lại việc thông qua chúng (trừ một số trường hợp, những quốc gia đó là uỷ viên thường trực như đã nêu ở trên).

Một số quyết định của Hội đồng Bảo an được thông qua trên cơ sở Hiến chương có thể trở thành các văn bản pháp lý (các văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật quốc tế liên quan tới các hành vi của các quốc gia trong tương lai).

Các quyết định của Hội đồng Bảo an có giá trị pháp lý bắt buộc với các thành viên không phụ thuộc vào việc chúng có bị kháng cáo hoặc xem xét lại ở các cơ quan khác hay không (ví dụ, tòa án quốc tế). Tuy nhiên, chính Hội đồng Bảo an có thể xem xét lại quyết định đã được chính nó thông qua khi có bối cảnh mới xuất hiện. Và, trong trường hợp đó, Hội đồng có thể thay đổi quyết định trước bằng một quyết định mới.

Trong quá trình hoạt động của Hội đồng Bảo an có nhiều biện pháp và quy chế hoạt động liên quan tới các sự kiện trên thế giới được Hội đồng áp dụng. Đó là các biện pháp sau:

- Biện pháp tố cáo một quốc gia nào đó về hành vi vi phạm pháp luật quốc tế (ví dụ, tố cáo Nam Phi trong thời gian trước đây đã áp dụng chế độ Apac-thai);

- Biện pháp xác nhận (đưa ra kết luận về việc nhận định tình hình, ví dụ: Hội đồng cho rằng chế độ Apac-thai là tội ác chống nhân loại);

- Biện pháp khẳng định quyết định và nghị quyết của Đại hội đồng, kế hoạch và đề xuất của Tổng thư ký LHQ (ví dụ, các khuyến nghị liên quan Đảo Síp, Trung Đông);

- Biện pháp kêu gọi các quốc gia tranh chấp (đó thường là các lời kêu gọi các bên tranh chấp đình chỉ chiến sự rút quân đội ra khỏi vùng chiếm đóng, ví dụ, trường hợp xung đột ở Trung Đông, xung đột Irắc-Côoét);

- Biện pháp đóng vai trò hòa giải để giải quyết tranh chấp. Để thực hiện vai trò này, Hội đồng chỉ định người trung gian, lập ban điều tra sự kiện tranh chấp. Thường thường Hội đồng giao phó cho Tổng thư ký LHQ và các đại diện của ông ta thực hiện chức năng môi giới, trung gian và hòa giải (ví dụ, các biện pháp được áp dụng đối với các vấn đề: Palestín, tranh chấp giữa Ấn Độ và Pa-kít-xtan, tranh chấp Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ;

- Biện pháp cử các quan sát viên quân sự và thành lập uỷ ban để giám sát việc tuân thủ yêu cầu về đình chỉ chiến sự, thỏa thuận đình chiến (ví dụ, lực lượng quan sát viên tại Trung Đông);

- Biện pháp giải quyết một cách trực tiếp các tranh chấp quốc tế, xác định các điều kiện giành độc lập của các dân tộc (ví dụ, sự kiện Bangladesh, sự kiện Namibia);

- Biện pháp cưỡng bức và trừng phạt (ví dụ, biện pháp trừng phạt kinh tế chống chế độ A-pac-thai Nam Phi trước đây);

- Biện pháp tiến hành chiến dịch quân sự để củng cố hòa bình (ví dụ, lực lượng quân sự của LHQ: vào Đảo Síp năm 1964, tham gia giải quyết tranh chấp Siri-Do Thái năm 1974, vào Libăng - 1978). Biện pháp này khác với biện pháp vũ trang được ghi nhận trong Điều 43 của Hiến chương ở chỗ, nó chỉ được tiến hành nếu như có sự đồng ý của các bên tranh chấp, trong khi đó, biện pháp vũ trang theo Điều 43 được tiến hành nhằm mục đích đảm bảo việc thực thi quyết định của Hội đồng Bảo an không phụ thuộc vào ý muốn của các bên tranh chấp. Bởi vậy biện pháp chiến dịch quân sự ở đây không mang tính cưỡng chế, vì lực lượng quân sự chỉ được sử dụng trong trường hợp phòng thủ.

- Biện pháp thảo luận về tình hình thế giới ở cấp độ ngoại trưởng của các quốc gia uỷ viên Hội đồng (ví dụ, cuộc thảo luận năm 1990 đã thiết lập vùng cấm bay ở Irắc);

- Biện pháp tổ chức cuộc gặp gỡ giữa các ngoại trưởng các uỷ viên Hội đồng và Tổng thư ký LHQ đến trao đổi quan điểm về các vấn đề tối quan trọng của cộng đồng.

Các biện pháp và quy chế được Hội đồng Bảo an áp dụng đã đóng một vai trò quan trọng trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế, trong việc khôi phục và giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế. Tuy nhiên không phải tất cả các biện pháp và quy chế đó trong mọi trường hợp đều có kết quả. Bởi vì việc áp dụng các biện pháp ấy trên thực tế ra sao, khi nào còn phụ thuộc vào bối cảnh quốc tế, sự hợp tác của các quốc gia và thiện chí của các bên.

Theo Hiến chương LHQ, Hội đồng Bảo an có các quyền hạn sau:

- Các quyền hạn liên quan giải quyết hòa bình các tranh chấp giữa các quốc gia;
- Các quyền hạn liên quan ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, đe dọa hòa bình và các hành vi xâm lược;
- Các quyền hạn liên quan chạy đua vũ trang và giải trừ quân bị.

Các điều 33-38 của Hiến chương LHQ đề cập chức năng và quyền hạn của Hội đồng Bảo an trong việc giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế. Đó là việc Hội đồng Bảo an, khi xét thấy cần thiết, có quyền yêu cầu các bên tranh chấp phải áp dụng biện pháp hòa bình nhất định để giải quyết (k.2 Điều 33)⁽¹⁾.

Ngoài ra, Hội đồng Bảo an còn trực tiếp tham gia giải quyết tranh chấp. Theo Hiến chương, Hội đồng Bảo an có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để giải quyết tranh chấp cụ thể nếu tình hình yêu cầu.

Có thể nói rằng thẩm quyền của Hội đồng Bảo an trong lĩnh vực hoà bình giải quyết các tranh chấp quốc tế là rất rộng. Hội đồng có quyền tham gia vào giải quyết bất kể tranh chấp hoặc tình thế gì nếu việc tiếp tục chúng có thể đe dọa hòa bình và an ninh thế giới. Do vậy, để xác định việc những tranh chấp hoặc tình thế nào đó có đe dọa hòa bình hay không. Hội đồng Bảo an thường tiến hành điều tra để xác minh sự kiện?⁽¹⁾

Trong trường hợp các bên tranh chấp không giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình được quy định trong Điều 33 của Hiến chương, thì Hội đồng có thể ra quyết định áp dụng các biện pháp mà Hội đồng cho là phù hợp để giải quyết tranh chấp nếu như Hội đồng cho rằng việc tiếp tục kéo dài tranh chấp sẽ đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế.⁽²⁾

Đối với các trường hợp tranh chấp mà việc tiếp tục chúng không đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế, Hội đồng Bảo an có thể ra kiến nghị giải quyết nếu như các bên yêu cầu Hội đồng.

Chương VII của Hiến chương ghi nhận các biện pháp mà Hội đồng Bảo an có thể áp dụng trong trường hợp hòa bình bị đe dọa, bị phá hoại vì có

⁽¹⁾ Ví dụ, năm 1976, Hội đồng Bảo an ra quyết định yêu cầu Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp phải tiến hành đàm phán trực tiếp để giải quyết tranh chấp; năm 1985 ra nghị quyết yêu cầu Mỹ và Ni-ca-ra-goa tiến hành đối thoại để làm dịu tình hình căng thẳng trong vùng.

⁽¹⁾ Ví dụ, năm 1979, Hội đồng Bảo an thành lập Ủy ban để xem xét các vấn đề định cư của do thái; năm 1947, Hội đồng bảo an khuyến nghị Anh và Anbani đưa tranh chấp về vụ đưng độ ở Vịnh Kaphu và tòa án quốc tế.

⁽²⁾ Ví dụ, năm 1967, Hội đồng Bảo an thông qua nghị quyết về nguyên tắc thiết lập hòa bình ổn định và công bằng tại Trung Đông; năm 1978, Hội đồng ra quyết định về độc lập của Na-mi-bi-a.

hành vi xâm lược. Theo Điều 39. Hội đồng có quyền xác định những trường hợp nào là những trường hợp trên. Và, trên cơ sở đó, Hội đồng đưa ra các kiến nghị hoặc quyết định các biện pháp nào nên áp dụng phù hợp với các điều 41, 42 để duy trì hoặc khôi phục hòa bình và an ninh quốc tế. Tuy nhiên Điều 39 trên cũng không xác định rõ loại và tính chất của kiến nghị mà Hội đồng thông qua trong các trường hợp trên. Điều đó có nghĩa là Hội đồng có thể thông qua mọi loại kiến nghị. Hội đồng có thể thông qua kiến nghị về áp dụng các biện pháp tạm thời mà Hội đồng xét thấy cần thiết nên làm để ngăn chặn tình thế trở nên nghiêm trọng hơn (Điều 40). Trong số các kiến nghị đó, có kiến nghị yêu cầu đình chỉ hoạt động quân sự, tiến hành ngừng bắn, triệt thoái quân đội, thiết lập giới tuyến tạm thời giữa các bên.

Các kiến nghị của Hội đồng được thông qua trên cơ sở Điều 40 là các kiến nghị đặc biệt, bởi vì việc các bên hữu quan không thực hiện chúng có thể bị gánh chịu các biện pháp trừng phạt được quy định trong Điều 39. Như vậy các biện pháp tạm thời theo Điều 40 có thể có tính chất như là các kiến nghị bình thường hoặc có tính chất như một mệnh lệnh bắt buộc của Hội đồng. Khi đưa ra các quyết định mang tính chất mệnh lệnh, Hội đồng sẽ tuyên bố rõ trong đó rằng việc không tuân thủ quyết định sẽ đe dọa hòa bình hoặc vi phạm hòa bình, có nghĩa là chỉ rõ các điều kiện để áp dụng biện pháp trừng phạt theo Điều 39.

Ngoài việc thông qua kiến nghị và áp dụng các biện pháp tạm thời trong trường hợp có sự đe dọa hòa bình và vi phạm hòa bình, Hội đồng Bảo an còn có quyền hạn áp dụng các biện pháp hiệu quả khác. Đó là hai dạng hành động cưỡng chế mang tính chất tập thể: biện pháp phi vũ trang và biện pháp vũ trang.

Để gây áp lực với quốc gia có hành động đe dọa hòa bình, Hội đồng Bảo an có thể ra quyết định yêu cầu các thành viên LHQ áp dụng các biện pháp phi vũ trang như: cắt đứt một phần hoặc toàn bộ quan hệ kinh tế, giao thông đường sắt, đường biển, điện tín, bưu điện, truyền thanh và các phương tiện thông tin khác, kể cả việc cắt đứt quan hệ ngoại giao (Điều 41)⁽¹⁾.

Nếu như trong trường hợp Hội đồng Bảo an xét thấy việc áp dụng biện pháp phi vũ trang trên không có hiệu quả, Hội đồng có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế vũ trang. Các biện pháp đó bao gồm: biểu dương lực

⁽¹⁾ Ví dụ, Nghị quyết số 232 ngày 16 tháng 12 của Hội đồng Bảo an nêu rõ rằng các quốc gia - thành viên LHQ cần phải cản trở việc vận chuyển qua lãnh thổ của mình các loại hàng hóa như gang, đồng, thuốc lá, đường để chuyển tới Nam Phi.

lượng, phong tỏa, các chiến dịch quân sự khác (Điều 42). Với mục đích bảo đảm cho LHQ có thể áp dụng những biện pháp quân sự khẩn cấp, các thành viên LHQ phải báo động cho một số phi đội không quân vào tư thế sẵn sàng chiến đấu nhằm phối hợp các hành động quốc tế có tính chất cưỡng chế. Số lượng, mức độ chuẩn bị kế hoạch phối hợp hành động của các phi đội này sẽ được Hội đồng Bảo an (với sự giúp đỡ của ban tham mưu quân sự) ấn định theo những điều ước đặc biệt nói ở Điều 43 (Điều 45).

Để góp phần vào việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, theo yêu cầu của Hội đồng Bảo an và phù hợp với những điều ước đặc biệt cần thiết cho việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, tất cả các nước thành viên LHQ có nghĩa vụ cung cấp cho Hội đồng Bảo an những lực lượng vũ trang, sự yểm trợ và mọi phương tiện khác, kể cả cho quân đội của LHQ qua lãnh thổ của mình. Những điều ước trên sẽ ấn định số lượng và binh chủng quân đội, mức độ chuẩn bị, sự bố trí và tính chất các phương tiện dịch vụ và giúp đỡ trang bị cho đội quân này. Các cuộc đàm phán về ký kết các điều ước đó sẽ được tiến hành theo sáng kiến của Hội đồng Bảo an. Các điều ước đó được ký kết giữa Hội đồng Bảo an và những thành viên của LHQ cần phải được các nước ký kết phê chuẩn trên cơ sở phù hợp với hiến pháp của họ (Điều 43).⁽¹⁾

Hiến chương LHQ ghi nhận một nghĩa vụ cực kỳ quan trọng của các quốc gia thành viên là tham gia vào việc thành lập lực lượng vũ trang của LHQ với mục đích bảo vệ hòa bình, ngăn ngừa chiến tranh và chống xâm lược. Tuy nhiên nghĩa vụ này hầu như không thực hiện được trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Tình hình chỉ thực sự thay đổi vào năm 1990 khi có cuộc khủng hoảng ở vịnh Péc-xích. Việc thực hiện tư tưởng đó trên thực tế đã thu được kết quả nhờ sự hợp tác, phối hợp hành động thống nhất từ phía Hội đồng Bảo an, các quốc gia thành viên LHQ (trước hết là các quốc gia - uỷ viên thường trực Hội đồng Bảo an). Có thể thấy rằng việc thành lập lực lượng vũ trang của luật quốc tế để thực hiện các quyết định của Hội đồng Bảo an không phải không có khó khăn nhất định. Bởi vì hoạt động của Hội đồng về thành lập lực lượng vũ trang đó không phải mang tính chất tự động mà được xác định bằng một loạt các điều kiện được ghi nhận trong Hiến chương. Trước hết, đó là việc Hội đồng Bảo an không phải có quyền hạn áp dụng lực lượng vũ trang trong thời điểm bất kỳ mà chỉ sau thời điểm khi Hội đồng đã đánh giá bối cảnh, đã dự đoán tới hậu quả có thể xảy ra, đã biết rằng các biện pháp phi vũ trang không thể hoặc

⁽¹⁾ Vấn đề về các điều ước này đã được đề cập nhiều lần tại Hội đồng Bảo an và Ban tham mưu quân sự của nó. Tuy nhiên cho tới thời gian gần đây chưa có một điều ước nào như vậy được ký kết

đã không thể đạt kết quả. Ngoài ra, để thông qua quyết định về biện pháp phi vũ trang cần phải có 9 uỷ viên Hội đồng biểu quyết với điều kiện trong đó không có bất kỳ uỷ viên thường trực nào bỏ phiếu chống (trong nhiều trường hợp, điều kiện này thường là trở ngại khó vượt qua).

Việc thành lập lực lượng vũ trang với tính chất là biện pháp trừng phạt được Hội đồng Bảo an thông qua, theo quy định của Hiến chương, còn phải được tiến hành với một loạt các biện pháp pháp lý, chính trị, tài chính của các quốc gia thành viên. Trước hết, việc các quốc gia đóng góp lực lượng vũ trang cho LHQ không phải chỉ theo yêu cầu của Hội đồng Bảo an mà còn phải phù hợp với thỏa thuận được ký kết giữa Hội đồng với các quốc gia hữu quan. Việc đàm phán ký kết các thỏa thuận đó được tiến hành trong thời gian càng sớm càng tốt theo sáng kiến của Hội đồng. Trong giai đoạn này cần thiết phải có quyết định của các nghị viện các quốc gia hữu quan về việc cho phép đưa một lực lượng quân đội nhất định tham gia vào lực lượng vũ trang của LHQ. Tất nhiên thỏa thuận trên có thể không đạt được nếu như nghị viện quốc gia hữu quan phủ quyết (đặc biệt với các quốc gia có hiến pháp quy định cấm gửi lực lượng quân đội ra ngoài lãnh thổ quốc gia đó).

Theo Hiến chương, một cơ quan thường trực hỗ trợ được thành lập (ban quân sự) nhằm mục đích giúp Hội đồng Bảo an về các vấn đề quân sự (Điều 47). Ban này gồm các tổng tham mưu trưởng quân đội của các nước thành viên thường trực Hội đồng Bảo an hoặc các đại diện của họ. Bất cứ thành viên nào của LHQ cũng có thể được Ban quân sự mời tham gia với tư cách hợp tác với Ban. Ban tham mưu quân sự có nhiệm vụ: tư vấn và giúp cho hội đồng về các vấn đề trong công cuộc gìn giữ hòa bình và an ninh nhân loại; gánh vác trách nhiệm lãnh đạo chiến dịch các lực lượng vũ trang; khuyến nghị về các vấn đề điều chỉnh hoạt động vũ trang và giải trừ quân bị. Có thể nói rằng trong thời kỳ chiến tranh lạnh hoạt động của Ban tham mưu quân sự chỉ mang tính chất hình thức (cứ hai tuần họp một lần).

Theo Hiến chương (Điều 48), các quốc gia thành viên phải tiến hành để đảm bảo thực hiện quyết định của Hội đồng Bảo an nhằm mục đích củng cố hòa bình và an ninh nhân loại. Việc trong số các thành viên phải tiến hành các hoạt động đó phụ thuộc vào quyết định của Hội đồng Bảo an. Trong vấn đề này các quốc gia thành viên của LHQ cần phải đưa quyết định của Hội đồng Bảo an vào đời sống một cách hoặc là trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức quốc tế mà họ là thành viên.

Ngoài chức năng và quyền hạn liên quan vấn đề củng cố hòa bình và an ninh nhân loại, Hội đồng Bảo an còn thực hiện các chức năng và quyền hạn

khác liên quan các vấn đề quản thác; đình chỉ nguồn ưu đãi của thành viên; bổ nhiệm tổng thư ký LHQ; bầu các thẩm phán; kết nạp thành viên LHQ; thi hành quyết định của tòa án quốc tế.

Thứ nhất, về vấn đề quản thác, Hội đồng Bảo an thực hiện tất cả các chức năng của LHQ có quan hệ đến các vùng chiến lược, kể cả việc xác định các điều kiện của những hiệp định về quản thác và những sửa đổi hoặc bổ sung những hiệp định này (khoản 1 Điều 83). Hội đồng Bảo an giám sát các điều kiện về quản thác và không phương hại đến những đòi hỏi về an ninh, sẽ sử dụng giúp đỡ của hội đồng quản thác, theo chế độ tự quản, thực hiện những chức năng của LHQ có liên quan các vấn đề trong lĩnh vực giáo dục ở những vùng chiến lược (khoản 3 Điều 83).

Thứ hai, về vấn đề đình chỉ quyền ưu đãi của các thành viên LHQ. Hội đồng Bảo an có quyền khuyến nghị việc sử dụng các quyền ưu đãi của thành viên. Việc sử dụng các quyền ưu đãi có thể được Hội đồng Bảo an cho phục hồi. Đây là trường hợp áp dụng với các thành viên của LHQ được Hội đồng Bảo an áp dụng các trường hợp áp dụng với các thành viên của LHQ bị Hội đồng Bảo an áp dụng các hành động phòng ngừa hoặc cưỡng chế (Điều 5).

Thứ ba, về vấn đề bổ nhiệm tổng thư ký LHQ, Hội đồng Bảo an có quyền kiến nghị với Đại hội đồng việc ai có thể là tổng thư ký LHQ (Điều 97).

Thứ tư, về vấn đề bầu các thẩm phán, Hội đồng Bảo an cùng với Đại hội đồng lựa chọn trong số những người có tên trong danh sách theo đề nghị của các tiểu ban dân tộc của luật pháp thường trực quốc tế (Điều 4 Quy chế tòa án quốc tế).

Thứ năm, về vấn đề kết nạp thành viên, Hội đồng Bảo an có quyền kiến nghị với Đại hội đồng ra nghị quyết kết nạp thành viên mới (khoản 2 Điều 4).

Thứ sáu, về vấn đề đảm bảo thi hành quyết định của tòa án quốc tế, Hội đồng Bảo an có quyền ra khuyến nghị hoặc quyết định về việc áp dụng các biện pháp nhằm thi hành các quyết định của tòa án quốc tế (khoản 2 Điều 94).

Theo Hiến chương, Hội đồng Bảo an có thể tiến hành họp không chỉ ở trụ sở của LHQ, mà còn ở bất kỳ nơi nào nếu hội đồng xét thấy thuận tiện nhất cho công việc của mình (khoản 3 Điều 28).

Các cuộc họp của Hội đồng Bảo an thường được tiến hành công khai, song cũng có thể được tiến hành họp kín (theo cách xem xét của Hội đồng). Cuộc họp được tiến hành theo yêu cầu của bất kỳ thành viên nào của Hội đồng. Ngoài ra chủ tịch Hội đồng có thể triệu tập họp trong các trường hợp sau: Đại hội đồng hoặc bất kỳ thành viên của LHQ đề nghị Hội đồng xem xét tranh chấp hoặc tình thế có thể đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế; 2, Đại hội đồng

đưa ra khuyến nghị hoặc chuyển một vấn đề nào đó cho Hội đồng trên cơ sở khoản 2 Điều 1; 3, Tổng thư ký LHQ đưa vấn đề ra Hội đồng trên cơ sở Điều 99.

III. HỘI ĐỒNG KINH TẾ - XÃ HỘI

Hội đồng kinh tế - xã hội là cơ quan chính của LHQ có chức năng tổ chức hợp tác giữa các quốc gia thành viên trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Hội đồng là diễn đàn chủ yếu để thảo luận các vấn đề kinh tế - xã hội mang tính chất toàn cầu và khu vực, để soạn thảo các khuyến nghị về các vấn đề trên đối với các quốc gia thành viên nói riêng và LHQ nói chung.

Hội đồng gồm 54 thành viên LHQ do Đại hội đồng bầu với nhiệm kỳ 3 năm (mỗi năm bầu 27 thành viên).

Để thực hiện chức năng của mình, Hội đồng có quyền hạn sau:

- Tiến hành các cuộc điều tra và tiến hành những báo cáo về các vấn đề quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế và những lĩnh vực liên quan khác;
- Gửi các kiến nghị về tất cả các vấn đề cho Đại hội đồng, các thành viên LHQ và các tổ chức chuyên môn hữu quan;
- Đưa ra các khuyến nghị nhằm khuyến khích sự tôn trọng các quyền và những tự do cơ bản của con người;
- Chuẩn bị các dự thảo điều ước quốc tế về các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình để trình Đại hội đồng;
- Triệu tập các hội nghị quốc tế về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng;
- Ký kết các điều ước quốc tế với bất kỳ tổ chức quốc tế chuyên môn (được đề cập ở Điều 59 Hiến chương) về mối quan hệ giữa tổ chức ấy với LHQ);
- Phối hợp hoạt động với các tổ chức chuyên môn của LHQ bằng cách bàn với các tổ chức đó, gửi khuyến nghị cho các tổ chức này đưa ra các kiến nghị cho Đại hội đồng và các thành viên LHQ.

Thông thường Hội đồng tiến hành họp năm hai lần (một cuộc tiến hành ở Niu Oóc, một ở Giơ-ne-vơ). Tại các cuộc đó Hội đồng thảo luận các vấn đề về phát triển kinh tế, khoa học - kỹ thuật, xã hội và cả vấn đề về quyền con người.

Hội đồng đóng góp vai trò quan trọng trong việc: giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội và môi trường mang tính chất toàn cầu, thiết lập trật tự kinh tế thế giới mới, giải quyết các vấn đề bức xúc về môi trường.

Các nghị quyết của Hội đồng được thông qua trên cơ sở đa số phiếu của các uỷ viên có mặt và bỏ phiếu. Trong đó mỗi uỷ viên được sử dụng một lá phiếu như nhau.

Ngoài ra, để thực hiện chức năng và quyền hạn của mình, hội đồng thành lập các ban về các lĩnh vực kinh tế xã hội, nhân quyền.

Hội đồng có thể mời các quốc gia khác không phải uỷ viên tham gia cuộc họp của mình khi vấn đề bàn bạc liên quan lợi ích đặc biệt của quốc gia đó, song với điều kiện quốc gia ấy không có quyền bỏ phiếu.

IV. BAN THƯ KÝ

Ban thư ký bao gồm có tổng thư ký LHQ và đội ngũ chuyên viên. Ban thư ký có chức năng phục vụ các cơ quan khác của LHQ và đưa các quyết định và các chương trình của các cơ quan đó vào cuộc sống. Công việc của ban bao gồm: thực hiện các chiến dịch hòa bình do Hội đồng Bảo an giao phó; tổ chức và tiến hành các cuộc hội nghị quốc tế về các vấn đề mang tính chất toàn cầu (ví dụ, hội nghị về luật biển quốc tế) thiết lập các khuôn mẫu về xu hướng và vấn đề kinh tế xã hội quốc tế; chuẩn bị nghiên cứu về các vấn đề giải trừ quân bị phát triển quyền con người; phiên dịch nói hoặc viết các bài phát biểu các văn bản và phân phát các tài liệu.

Trụ sở chính của ban thư ký ở Niu Oóc. Ngoài ra ban thư ký còn có các văn phòng của mình ở Giơ ne vơ, Viên, Băng Cốc và một số nơi khác.

Các nhân viên ban thư ký là những người có khả năng làm việc cao, có trách nhiệm, có tài năng và liêm khiết. Trong khi thừa hành nhiệm vụ, tổng thư ký và các nhân viên không được hỏi hoặc nhận dạng những chỉ thị của bất cứ một chính phủ hoặc một chính quyền nào ngoài LHQ. Họ cần phải tránh mọi hành động trái với địa vị quốc tế và chỉ chịu trách nhiệm trước LHQ. Bởi vậy, các quốc gia thành viên LHQ cần phải tôn trọng tính chất quốc tế của trách nhiệm của tổng thư ký và các nhân viên của ban, không được có mưu toan gây áp lực trong quá trình họ thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tổng số các nhân viên của ban - trên 16000 người. Họ là các công dân của trên 150 nước. Toàn bộ các nhân viên của ban được chia ra làm hai loại: nhóm chuyên viên và nhóm nhân viên kỹ thuật. Nhóm được tuyển trên cơ sở nguyên tắc phân bổ về mặt địa lý một cách công bằng, trong đó có tính tới mức độ đóng góp vào ngân quỹ của LHQ và dân số của các quốc gia.

Các nhân viên của ban làm việc theo hai chế độ lao động: chế độ làm việc vô thời hạn (làm việc tới khi nghỉ hưu) và chế độ hợp đồng có thời hạn. Thông thường đã số các nhân viên của ban làm việc theo chế độ lao động thứ nhất.

Tổng thư ký LHQ là người lãnh đạo trực tiếp Ban thư ký. Tổng thư ký do Đại hội đồng bầu trên cơ sở khuyến nghị của Hội đồng Bảo an với nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bầu lại. Tổng thư ký hoạt động với tư cách viên chức hành chính cao nhất của LHQ tại tất cả các cuộc họp của Đại hội Đồng, Hội đồng Bảo an, Hội đồng Kinh tế - xã hội và Hội đồng Quản thác. Tổng thư ký thực hiện các chức năng khác do các cơ quan này giao phó. Tổng thư ký trình Đại hội đồng báo cáo hàng năm về hoạt động của LHQ. Tổng thư ký có quyền lưu ý Hội đồng Bảo an mọi vấn đề, mà theo ý mình, có thể đe dọa duy trì hòa bình và an ninh quốc tế (Điều 99 Hiến chương LHQ).

Như vậy theo Hiến chương, Tổng thư ký có quyền hạn rộng rãi và là người điều hành toàn bộ của LHQ. Do đó, Tổng thư ký có vai trò to lớn trong việc thực hiện những quyết định của cơ quan LHQ, trong việc giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế.

V. TOÀ ÁN QUỐC TẾ

Tòa án quốc tế bao gồm 15 thẩm phán độc lập (không phụ thuộc vào quốc tịch của họ) được lựa chọn trong số những người có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng các yêu cầu đề ra ở nước họ để chỉ định những chức vụ xét xử cao nhất, hoặc là những luật gia có uy tín lớn trong lĩnh vực công pháp quốc tế.

Theo Hiến chương, Tòa án có mối quan hệ mật thiết với các cơ quan khác của LHQ (trước hết, với Hội đồng Bảo an và Đại hội đồng). Tuy nhiên, Hiến chương đã phân chia một cách cụ thể về mặt thẩm quyền giữa Hội đồng Bảo an và tòa. Điều này được thể hiện rõ ở khoản 3 Điều 36 Hiến chương. Theo đó, khi đưa ra các kiến nghị với các văn bản để giải quyết tranh chấp, Hội đồng Bảo an phải lưu ý đối với những tranh chấp có tính chất pháp lý, thông thường, các đương sự phải đưa các tranh chấp ấy ra tòa án quốc tế theo đúng quy định của Tòa án.

Theo Hiến chương, Hội đồng Bảo an và Đại hội đồng có thể đề nghị tòa cho ý kiến tư vấn về các vấn đề pháp lý. Các cơ quan khác của LHQ với sự cho phép của Đại hội đồng có thể nhờ tòa cho ý kiến tư vấn về các vấn đề pháp lý liên quan tới hoạt động của chúng tuy nhiên những ý kiến tư vấn không mang tính chất bắt buộc đối với các cơ quan đó.

Tất cả các quốc gia thành viên LHQ là các thành viên đương nhiên *liprotaeto* của quy chế tòa án. Đại hội đồng xác định theo kiến nghị của Hội đồng Bảo an các điều kiện để quốc gia không phải là thành viên của LHQ có thể trở thành thành viên quy chế tòa án (khoản 2 Điều 93 Hiến chương). Các điều kiện để quốc gia đó có thể tham gia bầu các thẩm phán được xác định

trong nghị quyết số 246 của Đại hội đồng trên cơ sở của Hội đồng Bảo an ngày mồng tám tháng mười năm 1948.

Trong trường hợp có một bên không thực thi quyết định của tòa, Hội đồng Bảo an, theo yêu cầu của bên kia, có thể đưa ra kiến nghị hoặc quyết định (nếu xét thấy điều đó là cần thiết) để đảm bảo thi hành quyết định trên của tòa (khoản 2 Điều 94).

Theo quy chế tòa án chỉ có thể giải quyết các tranh chấp giữa các quốc gia với điều kiện: Do các bên đưa ra; các vấn đề được nêu trong hiến chương; các vấn đề được nêu trong các điều ước hiện hành. Các bên đưa các tranh chấp ra tòa án có thể trong từng trường hợp hoặc trên cơ sở tuyên bố trước đó nhiều ngày được thể hiện rõ trong khoản 2 Điều 36 quy chế tòa án. Theo đó, các nước thành viên của quy chế này bất kỳ lúc nào cũng có thể tuyên bố rằng họ thừa nhận vô điều kiện (ipsofacto) đối với một nước khác bất kỳ đã nhận nhiệm vụ như vậy, thẩm quyền của tòa án là nghĩa vụ xét xử và tất cả vấn đề tranh chấp pháp lý có liên quan đến:

- a) *Giải thích điều ước*
- b) *Vấn đề bất kỳ của công pháp quốc tế;*
- c) *Có sự kiện, nếu về sau xác định được, vi phạm nghĩa vụ quốc tế.*

Những tuyên bố liên quan có thể là không điều kiện hoặc trong điều kiện có thiện cảm từ phía các nước này hay nước khác hoặc trong thời gian nhất định.

Khi giải quyết các tranh chấp toà án quốc tế áp dụng các nguồn luật sau:

- a) *Các điều ước quốc tế; các tập quán pháp quốc tế;*
- b) *Các nguyên tắc chung của pháp luật;*
- c) *Quan điểm của chuyên viên luật quốc tế chuyên viên có uy tín (nguồn hỗ trợ).*

Trong 40 năm đầu hoạt động của mình tòa án quốc tế đã xem xét trên 50 vụ việc, đưa ra 19 kết luận tư vấn. So với các tranh chấp đã xảy ra trong quan hệ giữa các quốc gia thì có thể thấy rằng số lượng các vụ việc được tòa xem xét là không đáng kể. Chính vì vậy có nhiều quan điểm khác nhau trong việc đánh giá và nâng cao vai trò của tòa án. Có quan điểm cho rằng cần phải sửa đổi quy chế tòa án quốc tế theo hướng chuyển việc thảo luận các vấn đề quốc tế còn tranh cãi trong lĩnh vực chính trị ở các cơ quan chính của LHQ như như Hội đồng Bảo an, Đại hội đồng sang giải quyết ở tòa án. Những người theo các quan điểm trên lập luận rằng để nâng cao vai trò của tòa án cần giải quyết tất cả hoặc phần lớn các tranh chấp mang tính chất chính trị giữa các quốc gia bằng các công cụ pháp lý trong đó chủ yếu bằng tòa án. Thực tế Mỹ và một số nước đã đưa vào chương trình

ng nghị sự của cuộc họp thường kỳ tuần thứ XXV của Đại hội đồng vấn đề “xem xét vai trò của tòa án quốc tế”.

Những người thuộc trường phái muốn xem xét lại vai trò của tòa án muốn tuyên bố họ chỉ muốn những khả năng để nâng cao hiệu quả hoạt động của tòa án. Tuy nhiên vấn đề mà họ đưa ra trên thực tế không chỉ là việc xem xét lại quy chế tòa án quốc tế mà còn là việc xem xét lại Hiến chương LHQ. Bởi vậy quan điểm về vấn đề xem xét lại vai trò của tòa án đã không nhận được sự ủng hộ của LHQ (tại cuộc họp lần thứ XIX Đại hội đồng vấn đề xem xét lại vai trò của tòa án đã bị gạt ra khỏi chương trình nghị sự).

Thực tiễn hoạt động của LHQ chứng minh rằng việc tuân thủ nghiêm ngặt Hiến chương LHQ là một điều kiện quan trọng bậc nhất của việc nâng cao hiệu quả hoạt động của LHQ nói chung và Tòa án quốc tế nói riêng.

VI. HỘI ĐỒNG QUẢN THÁC

Hội đồng Quản thác là một cơ quan chính của LHQ hoạt động dưới quyền của Đại hội đồng nhằm thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- Củng cố hòa bình và an ninh quốc tế
 - Tạo điều kiện cho nhân dân các vùng quản thác tiến bộ về chính trị, kinh tế, xã hội và phát triển giáo dục, giúp đỡ họ dần dần đến chỗ có đủ năng lực tự quản hoặc độc lập; trong quá trình quản thác, Hội đồng Quản thác cần chú ý đến biểu hiện mong muốn tự do của họ.
 - Khuyến khích sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người; không phân biệt chủng tộc nam nữ, ngôn ngữ hay tôn giáo, và khuyến khích sự công nhận tính cùng phụ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc trên thế giới.
 - Đảm bảo quan hệ bình đẳng quan hệ, bình đẳng với các thành viên LHQ và công dân của họ trong các lĩnh vực xã hội, kinh tế và thương mại.
- Chế độ quản thác được áp dụng cho những lãnh thổ thuộc các loại sau:
- Những lãnh thổ đang đặt dưới chế độ uỷ trị của hội quốc liên;
 - Những lãnh thổ có thể được tách ra khỏi những nước thù địch do hậu quả của chiến tranh thế giới lần thứ hai;
 - Những lãnh thổ do những quốc gia chịu trách nhiệm quản lý tự nguyện đưa vào chế độ quản thác.

Những mục đích cơ bản của hệ thống quản thác trong khuôn khổ Hội đồng Quản thác được thể hiện ở chỗ Hội đồng tạo mọi điều kiện thuận lợi để thúc đẩy sự phát triển tiến bộ cho cư dân ở 11 vùng lãnh thổ quản thác; đảm bảo cho mau chóng tiến tới tự quản thác. Hội đồng Quản thác gồm 5 thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an.

Các mục đích trên của hệ thống quản thác đã được thực hiện. Tất cả các vùng lãnh thổ đã trở thành vùng lãnh thổ tự quản hoặc quốc gia độc lập. Tháng 10 năm 1994 Hội đồng Bảo an LHQ đã thông qua quyết định về chấm dứt thỏa thuận về chế độ tự quản của LHQ.

Trên cơ sở Hiến chương LHQ, Hội đồng tự quản hiện nay nghiên cứu và xem xét các báo cáo của các chính quyền tự quản về các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội và sự phát triển giáo dục của các dân tộc vùng lãnh thổ tự quản; thực hiện chức năng tư vấn cho chính quyền tự quản trong việc xem xét các báo cáo điều trần; tổ chức các chuyến thăm định kỳ và đặc biệt.

CÂU HỎI HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

- 1. Hãy cho biết cơ cấu và hoạt động của Đại hội đồng LHQ?*
- 2. Hãy cho biết cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Bảo an?*
- 3. Hãy cho biết cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Kinh tế - xã hội?*
- 4. Hãy cho biết cơ cấu và hoạt động của Ban thư ký?*
- 5. Hãy cho biết cơ cấu và hoạt động của Tòa án quốc tế?*
- 6. Hãy cho biết cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Quản thác?*

Chương III

VAI TRÒ CỦA LIÊN HỢP QUỐC TRONG VIỆC BẢO VỆ HÒA BÌNH VÀ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC KINH TẾ - XÃ HỘI

I. VAI TRÒ CỦA LHQ TRONG VIỆC BẢO VỆ HÒA BÌNH

1. Những hoạt động cơ bản

a. Thúc đẩy sự phát triển quan hệ hòa bình.

Việc soạn thảo các nguyên tắc củng cố hòa bình được tiến hành trước hết tại Đại hội đồng LHQ. Điều này được ghi nhận rõ trong Hiến chương LHQ. Điều 11 nêu rõ Đại hội đồng có quyền hạn xem xét các nguyên tắc chung của sự hợp tác trong lĩnh vực củng cố hòa bình và an ninh và đưa ra các kiến nghị liên quan các nguyên tắc này cho các quốc gia thành viên LHQ hoặc Hội đồng Bảo an hoặc các thành viên LHQ và cả Hội đồng Bảo an.

b. Thực hiện vai trò gìn giữ hòa bình.

Trong thực tiễn hoạt động của mình Đại hội đồng đã thông qua nhiều nghị quyết và tuyên bố về hòa bình, giải quyết hòa bình các tranh chấp và sự hợp tác quốc tế trong việc củng cố hoà bình.

LHQ đã nhiều lần ra tuyên bố về việc ngăn ngừa chiến tranh khi có tình hình căng thẳng trên thế giới, thuyết phục các bên đối địch ngồi đàm phán để tránh các cuộc xung đột vũ trang.

Các phương pháp và công cụ ngăn ngừa và loại trừ xung đột có nhiều loại rất đa dạng: đối với việc giải quyết một số tranh chấp, LHQ đã phải sử dụng lực lượng vũ trang để gìn giữ hòa bình, sử dụng nhóm quan sát viên hoặc phái đoàn để làm sáng tỏ tình hình, tiến hành hoạt động môi giới, trung gian. Trong một số trường hợp khác LHQ đóng vai trò như một diễn đàn để trao đổi quan điểm, tiến hành đàm phán nhằm giải quyết sự bất đồng và tranh chấp.

Theo Hiến chương LHQ, các quốc gia thành viên phải có nghĩa vụ giải quyết các tranh chấp của họ bằng biện pháp hòa bình, sao cho không tổn hại tới hòa bình, an ninh quốc tế và công lý. Họ cần phải từ bỏ đe dọa dùng vũ lực hoặc sử dụng nó trong quan hệ quốc tế nhằm chống lại sự bất khả xâm phạm

về lãnh thổ hay nền độc lập chính trị của bất cứ quốc gia nào cũng như bằng cách khác trái với những mục đích của LHQ.

Hội đồng Bảo an là cơ quan của LHQ được giao trọng trách gìn giữ hòa bình và an ninh quốc tế. Các thành viên LHQ phải phục tùng và làm tròn những quyết định của Hội đồng Bảo an.

Ngoài Hội đồng Bảo an, hoạt động của Tổng thư ký LHQ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc gìn giữ hòa bình và an ninh quốc tế.

Tổng thư ký LHQ thường xuyên đóng vai trò môi giới, trung gian để lôi kéo các bên tranh chấp vào vòng đàm phán, soạn thảo các thỏa thuận công bằng giải quyết tranh chấp.

Một trong những hình thức mà LHQ áp dụng để củng cố hòa bình và an ninh quốc tế là việc tiến hành các chiến dịch củng cố hòa bình. Các chiến dịch đó được áp dụng nhằm mục đích: điều chỉnh các tranh chấp có nguy cơ đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế; tạo tiền đề cho việc áp dụng các biện pháp chính trị khác một cách hữu hiệu.

Để thực hiện các chiến dịch củng cố hòa bình, LHQ phải sử dụng đội ngũ quân sự và dân sự ở vùng xung đột với mục đích thực hiện hoặc kiểm tra việc thực hiện thỏa thuận về hạn chế xung đột (điều chỉnh chiến sự, triệt thoái quân đội) và chấm dứt xung đột và (hoặc) thực hiện sứ mệnh giúp đỡ nhân đạo.

Quyết định về việc tiến hành các chiến dịch đó do Hội đồng Bảo an thông qua. Chúng được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Tổng thư ký LHQ. Việc tiến hành các chiến dịch quân sự cần được thực hiện với sự đồng ý của các chính phủ hữu quan và, thông thường, các bên tranh chấp. Chiến dịch hòa bình không được sử dụng vì lợi ích của bên này chống lại lợi ích của bên khác.

Trong việc thực hiện chiến dịch gìn giữ hòa bình LHQ phải sử dụng các quan sát viên quân sự (bao gồm các chuyên viên quân sự phi vũ trang, các lực lượng vũ trang để gìn giữ hòa bình). Lực lượng vũ trang để gìn giữ hòa bình được thành lập từ lực lượng vũ trang của các quốc gia thành viên và được đảm bảo về mặt tài chính từ phía cộng đồng. Các quân nhân thuộc lực lượng vũ trang của LHQ nhằm gìn giữ hòa bình được trang bị vũ khí, nhưng họ chỉ được phép sử dụng chúng vào mục đích tự vệ.

Sau thời kỳ chiến tranh, nhu cầu hoạt động của LHQ về giữ gìn hòa bình ngày một tăng. Trong giai đoạn từ năm 1988-1994 LHQ đã tiến hành 21 chiến dịch gìn giữ hòa bình, thế mà trong thời gian 40 năm trước đó LHQ chỉ tiến hành có 13 chiến dịch như vậy.

Ngoài ra tính chất của các chiến dịch cũng có sự thay đổi. Đa số các chiến dịch quân sự trước năm 1988 mang tính chất kiểm tra việc thi hành quyết định về đình chỉ chiến sự, ngăn ngừa việc tái diễn xung đột vũ trang. Trong khi đó, các chiến dịch quân sự sau này chủ yếu nhằm mục đích thực hiện các thỏa thuận về giải quyết xung đột, bảo vệ dân thường và thực hiện sứ mệnh nhân đạo.

c. Giám sát bầu cử.

Năm 1984 LHQ bắt đầu thực hiện chiến dịch củng cố hòa bình bằng việc thành lập nhóm giúp đỡ trong thời kỳ quá độ. Hoạt động này tiến hành đầu tiên tại Namibia. Sau đó LHQ tiến hành hoạt động như vậy theo yêu cầu của các chính phủ hữu quan tại nhiều nơi trên thế giới: Nicaragua và Haiti (1990); Angola (1992); Campuchia (1993); Xanvado, Nam Phi và Môzambích (1994).

Hoạt động như vậy của LHQ được triển khai trên các khâu của cuộc bầu cử: Thành lập các nhóm vận động bầu cử, đăng ký, cử tri, tổ chức bỏ phiếu kín, tiến hành bỏ phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả. Việc tiến hành giám sát bầu cử được tiến hành nhằm mục đích xác định xem quá trình chuẩn bị và tiến hành bầu cử có thực sự dân chủ và công bằng không?

Năm 1992 LHQ thành lập Ban hỗ trợ bầu cử. Từ đó tới nay Ban này đã hỗ trợ rất nhiều cuộc bầu cử trên thế giới.

d. Chương trình hòa bình

Theo kiến nghị của Hội đồng Bảo an LHQ (tại cuộc họp ngày 31/1/1992), Tổng thư ký LHQ đã trình các quốc gia thành viên bản báo cáo với tên gọi “Chương trình hòa bình” (vào tháng 6/1992) với nội dung bao gồm các đề xuất tổng hợp về việc tích cực hóa hoạt động của LHQ nhằm làm sáng tỏ các cuộc xung đột tiềm ẩn, tìm kiếm những quyết định mới và thiết lập hòa bình giữa các quốc gia đã từng là thù địch của nhau.

Trong lĩnh vực ngoại giao phòng ngừa, Tổng thư ký đề xuất tăng cường: vai trò của các biện pháp nhằm tạo ra bầu không khí tin cậy, hoạt động của các phái đoàn nhằm làm sáng tỏ tình hình và đồng thời thiết lập hệ thống dự báo trước về việc tồn tại nguy cơ tiềm ẩn đe dọa hòa bình. Tổng thư ký đề xuất một hình thức mới của việc sử dụng các lực lượng vũ trang LHQ tương ứng với các biện pháp quân sự nhằm đình chỉ chiến sự - “triển khai phòng ngừa”. Trong việc thực hiện biện pháp mới này các lực lượng vũ trang của LHQ được đưa tới vùng có thể xảy ra xung đột nhằm mục đích ngăn chặn xung đột. Trong khuôn khổ của việc sử dụng các biện pháp phòng ngừa, Tổng thư ký đề xuất thành lập các khu vực phi quân sự. Tổng thư ký kiến nghị Hội đồng Bảo

an thu thập thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, ví dụ: các tin tức về cuộc di tản lớn, nạn đói và tình trạng hỗn loạn ở các khu vực dân cư - những sự kiện có thể đe dọa hòa bình và an ninh thế giới.

Với mục đích đảm bảo cho LHQ thực hiện chức năng giải quyết hòa bình một cách tích cực hơn, Tổng thư ký LHQ kêu gọi tăng cường vai trò của Đại hội đồng trong việc hỗ trợ các nỗ lực trung gian, đàm phán và giải quyết các tranh chấp bằng trọng tài. Tổng thư ký kêu gọi các quốc gia sử dụng công cụ tòa án quốc tế một cách thường xuyên hơn trong việc giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế. Theo ý kiến của Tổng thư ký, LHQ cần phải được sử dụng một cách rộng rãi vào mục đích giúp đỡ quốc tế và làm tốt hơn các điều kiện kinh tế - xã hội của đời sống dân cư - những điều kiện có thể là nguyên nhân của các cuộc xung đột.

Tổng thư ký kiến nghị Hội đồng Bảo an thông qua các biện pháp trong khuôn khổ thực hiện quyền hạn của mình được quy định trong Hiến chương LHQ (Chương VII) về việc sử dụng lực lượng vũ trang để khôi phục hòa bình và an ninh quốc tế trong trường hợp có sự đe dọa hòa bình và xâm lược.

Để thực hiện các chiến dịch nhằm gìn giữ hòa bình, Tổng thư ký yêu cầu các quốc gia cho biết các thông tin về thành phần và số lượng của lực lượng vũ trang sẽ được họ sẵn sàng chuyển tới cho LHQ trong trường hợp có nhu cầu phải tiến hành các chiến dịch bổ sung. Tổng thư ký ủng hộ quan điểm về nguồn tài chính dành cho các lực lượng vũ trang trên được trích từ ngân sách Nhà nước của các quốc gia hữu quan trên chỉ cho quốc phòng, chứ không phải chỉ cho sự hợp tác quốc tế. Ngoài ra Tổng thư ký kiến nghị với Hội đồng Bảo an trước khi triển khai các chuyên viên của LHQ vào các khu vực nguy hiểm cần thông qua quyết định về hành động tập thể trong trường hợp có sự tấn công vào lực lượng quân sự và dân sự của LHQ.

2. Thực tiễn hoạt động gìn giữ hòa bình của LHQ ở một số khu vực trên thế giới.

a. Vai trò của Liên Hợp Quốc trong sự kiện Áp-ga-ni-xtan.

Vào cuối năm 1979 khi quân đội Liên Xô được đưa vào Áp-ga-ni-xtan, 52 quốc gia thành viên LHQ yêu cầu triệu tập cuộc họp bất thường của Hội đồng Bảo an để xem xét tình hình. Sau việc Liên Xô phản đối sự thông qua nghị quyết của Hội đồng Bảo an về việc lên án hành động quân sự của Liên Xô, Hội đồng Bảo an đã triệu tập cuộc họp đặc biệt bất thường của Đại hội đồng LHQ. Cuộc họp này đã thông qua Nghị quyết (tháng 1/1980) lên án hành động quân sự của Liên Xô ở Áp-ga-ni-xtan và kêu gọi triệt thoái quân đội nước ngoài ra khỏi đó.

Tổng thư ký LHQ khởi xướng quá trình đàm phán với sự tham gia của Áp-ga-ni-xtan, Pa-ki-xtan, Liên Xô, một số quốc gia láng giềng và các thành viên Hội đồng Bảo an. Các cuộc đàm phán được tiến hành với sự dẫn dắt của đại diện của Tổng thư ký LHQ và nhằm mục đích giải quyết vấn đề trên cơ sở bốn điểm: không can thiệp, hồi hương người tỵ nạn, rút quân đội nước ngoài và thiết lập sự bảo hộ quốc tế.

Sau tám năm tiến hành đàm phán tích cực vào tháng 01/1988 đã đạt được thỏa thuận giải quyết tất cả các vấn đề và lập thời gian biểu cho việc rút quân đội nước ngoài ra khỏi Áp-ga-ni-xtan.

Ngày 14/04/1988 dưới sự chủ trì của Tổng thư ký LHQ tại Giơ-ne-vơ, thỏa thuận về giải quyết vấn đề đã được các Bộ trưởng ngoại giao của Áp-ga-ni-xtan và Pa-ki-xtan ký kết. Ngoài ra, các Bộ trưởng của Mỹ và Liên Xô cũng đã ký vào thỏa thuận với tư cách là các quốc gia đảm bảo thi hành thỏa thuận.

Trên cơ sở thỏa thuận, các quốc gia ký kết đã yêu cầu LHQ triển khai lực lượng quân sự ở Áp-ga-ni-xtan và Pa-ki-xtan.

Phái đoàn công tác thiện chí của LHQ tại Áp-ga-ni-xtan và Pa-ki-xtan tiến hành giám sát việc rút quân đội của Liên Xô khỏi lãnh thổ Áp-ga-ni-xtan (cuộc rút quân này kết thúc vào tháng 02 năm 1989). Sau đó phái đoàn này tiếp tục tiến hành giám sát việc thực thi các điều khoản khác của thỏa thuận trên (việc giám sát này hoàn tất vào tháng 03/1990).

Từ đó cho tới nay LHQ đã cố gắng tiến hành viện trợ nhân đạo và hòa giải trong quan hệ giữa các phe nhóm ở Áp-ga-ni-xtan. Tuy nhiên cho tới nay cuộc chiến ở Áp-ga-ni-xtan vẫn tiếp diễn.

b. Vai trò của LHQ tại Campuchia.

Tháng 12 năm 1978 quân đội Việt Nam đã vào Campuchia giúp đỡ nhân dân Campuchia tiêu diệt bọn diệt chủng Pôn Pốt

Năm 1981 theo yêu cầu của Đại hội đồng. Tổng thư ký LHQ đã tiến hành tổ chức thực hiện sứ mệnh phục vụ thiện chí ở Campuchia trên cơ sở hợp tác với các chính phủ và các bên trong cuộc xung đột. Năm 1988, Tổng thư ký đề xuất quan điểm điều chỉnh mức độ (quan điểm này đã được đưa ra cho các đại diện bốn bên Campuchia và các quốc gia liên quan).

Các đề xuất của Tổng thư ký đã thúc đẩy quá trình đàm phán. Năm 1988 tại Jacarta các cuộc đàm phán giữa các đại diện của các phe phái ở Campuchia đã được tiến hành. Vào tháng 4/1989 Việt Nam ra tuyên bố về việc rút quân đội ra khỏi Campuchia (cuộc rút quân này hoàn tất vào tháng 9 năm

1989). Trong tháng 6/1989 Hội nghị Pari về Campuchia được tiến hành với sự tham gia của 18 nước, bốn phe phái ở Campuchia và Tổng thư ký LHQ.

Tháng 01/1990 năm uỷ viên thường trực Hội đồng Bảo an tiến hành hàng loạt cuộc trao đổi tư vấn ở cấp cao về vấn đề Campuchia. Tháng 8 năm 1990 họ đã đạt được thỏa thuận về khía cạnh chính trị cơ bản nhằm giải quyết vấn đề và kêu gọi tiến hành kiểm tra và giám sát của LHQ tại các khu vực hành chính - lãnh thổ của Campuchia sau khi tiến hành bầu cử dưới sự giám sát của LHQ. Tháng 9 năm 1990 kế hoạch này đã được Hội đồng Bảo an, các phe phái Campuchia và Việt Nam chấp thuận.

Ngày 01-5-1991 hưởng ứng lời kêu gọi của Tổng thư ký LHQ và các Bộ trưởng ngoại giao của Pháp và In-đô-nê-xi-a (đồng chủ tịch Hội nghị Pari) quyết định về chấm dứt hoạt động vũ trang bắt đầu có hiệu lực. Tháng 10-1991 Hội đồng Bảo an đã thành lập phái đoàn dự bị của LHQ ở Campuchia để hỗ trợ các bên Campuchia thực hiện việc đình chỉ chiến sự.

Ngày 23-10-1991 tại Pari các bên đã ký thỏa thuận về vấn đề Campuchia (hiệp định hòa bình) có ý nghĩa chấm dứt xung đột và mở đường cho việc tiến hành bầu cử. Trên cơ sở thỏa thuận một lực lượng lớn của LHQ vào Campuchia để tiến hành các hoạt động sau: giám sát việc đình chỉ chiến sự, đình chỉ giúp đỡ từ bên ngoài và triệt thoái lực lượng nước ngoài, chuyển, phân bổ và giải trừ vũ trang tất cả các lực lượng quân sự của các bên Campuchia và đảm bảo giải ngũ 70% lực lượng quân đội, kiểm tra và giám sát các thành phần hành chính (bao gồm cả lực lượng cảnh sát), đảm bảo việc tôn trọng các quyền con người, tổ chức và tiến hành bầu cử.

Tháng 02-1992 Hội đồng Bảo an thành lập các cơ quan chính quyền chuyển giao của LHQ ở Campuchia. Hoạt động của các cơ quan này chính thức từ tháng 03-1992 với sự có mặt của ông A-ru-sia-ca tại Phnôm-pênh (đại diện đặc biệt của Tổng thư ký LHQ - người lãnh đạo các cơ quan chính quyền chuyển giao của LHQ ở Campuchia).

Dưới sự giám sát của LHQ từ ngày 23 đến 28- 5-1992 cuộc bầu cử được tiến hành tại 21 tỉnh thành Campuchia một cách hòa bình và dân chủ mặc dù ở một số nơi không đáng kể có xảy ra gây rối từ phía bọn tàn quân Pôn Pốt.

Ngày 24-9-1993 Quốc trưởng Xi Ha Núc công bố Hiến pháp do Quốc hội Campuchia soạn thảo và ông ta được bầu làm Vua của Campuchia. Trên cơ sở Hiến pháp Quốc vương Campuchia bổ nhiệm các thành viên của nội các mới (chính phủ). Các cơ quan chính quyền chuyển giao của LHQ tại Campuchia cũng kết thúc sứ mệnh của mình vào ngày đó và đến giữa tháng 11-1993 các đại diện của các cơ quan đó rời khỏi Campuchia.

Tuy nhiên, các đại diện của các cơ quan của LHQ vẫn ở lại Campuchia để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ chính phủ trong việc khôi phục và phát triển đất nước.

c. Vai trò của LHQ ở Síp

Síp trở thành quốc gia độc lập từ năm 1960 (vào tháng 8). Síp, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ và Anh ký điều ước về đảm bảo việc thực hiện các quy định của Hiến pháp và việc tuân thủ sự toàn vẹn lãnh thổ của Síp.

Tháng 12-1963 ở Síp xảy ra xung đột vũ trang, LHQ đã áp dụng các biện pháp cần thiết để giúp Síp giải quyết hòa bình cuộc xung đột. Ngày 27-12-1963 Hội đồng Bảo an LHQ đã tiến hành họp xem xét đơn khiếu kiện của Síp đối với Thổ Nhĩ Kỳ về việc can thiệp của Thổ Nhĩ Kỳ vào công việc nội bộ của Síp và thực hiện hành vi xâm lược. Thổ Nhĩ Kỳ khẳng định rằng các nhà lãnh đạo Síp gốc Hy Lạp đã thực hiện chính sách phân biệt đối xử với người Síp gốc Thổ và bác bỏ tất cả sự buộc tội về xâm lược.

Tháng 03 -1964 Hội đồng Bảo an thành lập lực lượng vũ trang của LHQ để gìn giữ hòa bình ở Síp. Lực lượng vũ trang này có nhiệm vụ ngăn chặn việc tái diễn xung đột vũ trang, hỗ trợ việc đảm bảo tuân thủ luật pháp và trật tự, làm cho tình hình trở lại bình thường như trước.

Nhờ có nỗ lực của Tổng thư ký và đại diện đặc biệt của ông, từ năm 1968 các cuộc đàm phán giữa các đại diện của hai cộng đồng dân cư được tiến hành (cho tới đầu năm 1974).

Tháng 7-1974 ở Síp xảy ra đảo chính do một số lực lượng của cộng đồng Síp gốc Hy Lạp thực hiện với mục đích thiết lập liên minh với Hy Lạp. Cuộc đảo chính đã trở thành nguyên nhân của sự can thiệp quân sự của Thổ Nhĩ Kỳ vào Síp với kết quả là thiết lập vùng kiểm soát của người Síp gốc Thổ Nhĩ Kỳ tại miền Bắc Síp.

Hội đồng Bảo an đã ra nghị quyết kêu gọi các bên đình chỉ chiến sự và tạo mọi điều kiện cho việc tiến hành đàm phán giữa Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ và Anh. Chiến dịch quân sự của Thổ Nhĩ Kỳ vào Síp đã mở rộng vùng kiểm soát của người Síp gốc Thổ tại khu vực phía Bắc của Síp. Ngày 26-8-1974 thỏa thuận về đình chỉ chiến sự có hiệu lực.

Tháng 11-1974 Đại hội đồng LHQ ra nghị quyết kêu gọi tất cả các quốc gia tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, nền độc lập và chính sách không liên kết của Síp. Đại hội đồng kêu gọi triệt thoái toàn bộ lực lượng quân đội của nước ngoài ra khỏi Síp, chấm dứt sự can thiệp từ bên ngoài, hồi hương những người tỵ nạn. Đại hội đồng tuyên bố tất cả các vấn đề liên quan Hiến

pháp cần phải được hai cộng đồng giải quyết và kêu gọi tiếp tục cuộc đàm phán giữa hai cộng đồng dưới sự hỗ trợ của Tổng thư ký LHQ.

Các cuộc đàm phán trên bị phá vỡ sau tuyên bố đơn phương của ban lãnh đạo người Síp gốc Thổ vào tháng 2 năm 1975 về ý định của mình thành lập trên một bộ phận lãnh thổ đảo Nhà nước Síp liên bang Thổ. Tháng 3 năm đó Hội đồng Bảo an bày tỏ sự lo ngại về sự kiện trên và tuyên bố quyết định đó không giải quyết được vấn đề một cách dứt điểm về mặt chính trị.

Các cuộc đàm phán lại bắt đầu vào tháng 4 năm 1975 với sự hỗ trợ của Tổng thư ký LHQ.

Một thỏa thuận đã được ký kết. Theo đó, những người Síp gốc Thổ ở phía Nam đảo có thể di chuyển lên phía Bắc với sự giám sát của lực lượng vũ trang của LHQ. Người Síp gốc Hy Lạp có thể quay trở lại phía Bắc để đoàn tụ với gia đình của mình. Người Hy Lạp ở phía Bắc có quyền lựa chọn ở lại hay chuyển xuống phía Nam.

Việc chuyển của những người Síp gốc Thổ lên phương Bắc được hoàn tất vào tháng 9-1975. Tuy nhiên các quy định khác của thỏa thuận thì không được thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần. Vào các năm sau đó, các cuộc đàm phán vẫn tiếp tục song không thu được kết quả.

Tháng 11-1983 những người Síp gốc Thổ đơn phương ra tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Thổ ở Bắc Síp. Hội đồng Bảo an ra tuyên bố về tính bất hợp pháp của quyết định trên kêu gọi huỷ bỏ, kiến nghị Tổng thư ký LHQ tiếp tục các nỗ lực thực hiện sứ mệnh thiện chí.

Vào năm 1984 Tổng thư ký LHQ tiến hành đàm phán với lãnh đạo hai cộng đồng, đề xuất với họ kiến nghị giải quyết vấn đề một cách tổng hợp bằng việc thành lập nước Cộng hòa liên bang Síp. Tại cuộc gặp mặt chung ở New York vào tháng 01 năm 1985 phía người Síp theo gốc Thổ chấp nhận đề nghị này trong khi đó người Síp gốc Hy Lạp tuyên bố sẵn sàng chấp nhận nó với tính chất là nền tảng của cuộc đàm phán.

Tổng thư ký LHQ đã tiến hành hoạt động nhằm giúp các bên vượt qua sự bất đồng bằng cách chuẩn bị một bản tuyên bố. Văn bản đó đã được phía người Síp gốc Hy Lạp chấp thuận, nhưng phía người Síp gốc Thổ bác bỏ.

Các cuộc đàm phán sau đó lại được tiếp tục, nhưng tình hình căng thẳng và sự bất đồng về quan điểm giữa các bên vẫn tồn tại.

Năm 1990 Hội đồng Bảo an tuyên bố về việc mong muốn giải quyết vấn đề theo hướng thành lập một Nhà nước liên Bang thống nhất với một bản Hiến pháp mới điều chỉnh quan hệ hai cộng đồng trên cơ sở liên bang có hai

cộng đồng, hai ngôn ngữ. các bên đã ra tuyên bố đồng ý với quan điểm của Hội đồng Bảo an.

Tháng 3 năm 1991 Tổng thư ký LHQ thông báo với Hội đồng Bảo an rằng cuộc đàm phán giữa đại diện của hai cộng đồng với sự có mặt của đại diện cấp cao của Bộ Ngoại giao Thổ Nhĩ Kỳ về việc phát triển tư tưởng ký kết một thỏa thuận chung đã thu được kết quả khả quan. Tổng thư ký cho rằng về các vấn đề bàn luận đã đạt được sự hiểu biết quan trọng làm cơ sở cho các bên tiếp tục đạt được các thỏa thuận tiếp theo (trong số tám vấn đề có ba vấn đề quan trọng là mục đích chung, các nguyên tắc nền tảng và vấn đề an ninh và bảo đảm). Tổng thư ký cho rằng một thỏa thuận chỉ có thể đạt được nếu như giải quyết được vấn đề phân chia lãnh thổ và sự quay trở về của những người đã di chuyển.

Tổng thư ký LHQ đã tiến hành các cuộc gặp gỡ riêng rẽ với lãnh đạo của hai cộng đồng ở New York vào tháng 01 và tháng 03 năm 1992. Tại cuộc họp của Hội đồng Bảo an tháng 4-1992, Tổng thư ký LHQ tuyên bố những đề xuất đã được các bên chấp thuận là cơ sở công bằng để ký kết thỏa thuận. Sau đó Hội đồng Bảo an đã phê chuẩn các đề xuất trên.

Tháng 4, tháng 5-1993 với sự hỗ trợ của đại diện đặc biệt của Tổng thư ký LHQ hai nhà lãnh đạo hai cộng đồng đã bày tỏ nguyện vọng của mình về mong muốn đạt được thỏa thuận trên cơ sở 14 biện pháp tạo ra bầu không khí tin tưởng lẫn nhau. Quyết định về việc chuyển giai thành phố Va-ro-ca cho LHQ quản lý với điều kiện hai cộng đồng này có quyền như nhau trong việc sử dụng thành phố. Tuy nhiên sau đó nhà lãnh đạo cộng đồng Thổ đã không thông qua thỏa thuận.

Tiếp theo, dưới sự hỗ trợ của Tổng thư ký LHQ sự quan tâm của Hội đồng Bảo an nhiều cuộc đàm phán đã được tiến hành song không thu được kết quả mong muốn.

Tháng 11-12 năm 1994 Tổng thư ký LHQ tiến hành các cuộc gặp riêng rẽ với hai nhà lãnh đạo hai cộng đồng. Ông thông báo với họ rằng các vấn đề đã được thỏa thuận có ý nghĩa quan trọng cho việc giải quyết cơ bản vấn đề Síp trong đó có cả vấn đề các biện pháp tin cậy. Tổng thư ký kêu gọi nhà lãnh đạo cộng đồng Thổ cho biết rõ quan điểm của mình về các vấn đề đã được thảo luận. Sau đó các đại diện của Tổng thư ký đã được giao nhiệm vụ tiếp tục hợp tác với các bên nhằm mục đích tiến hành các đàm phán tiếp theo.

Trong khi đó lực lượng vũ trang của LHQ vẫn tiếp tục tiến hành giám sát việc tuân thủ thỏa thuận về ngừng bắn, quan sát việc ngừng bắn ở vùng đệm

giữa hai giới tuyến; hỗ trợ việc khôi phục cuộc sống bình thường của hai cộng đồng bằng việc tiến hành các hoạt động nhân đạo.

d. Vai trò của LHQ trong cuộc xung đột Iran-Irắc.

LHQ đã tích cực hoạt động nhằm chấm dứt cuộc xung đột giữa Iran-Irắc ngay từ thời điểm bắt đầu chiến sự vào tháng 9-1980. Ngày 22 tháng 9 năm 1980 Tổng thư ký LHQ đã ra kêu gọi các bên kiềm chế, thể hiện thiện chí trong việc giải quyết hòa bình các tranh chấp. Ngày 28 tháng 9 năm 1980 Hội đồng Bảo an kêu gọi Iran và Irắc từ bỏ việc dùng vũ lực và đồng ý chấp nhận vai trò trung gian giải quyết tranh chấp.

Trong giai đoạn từ 1980-1986 Hội đồng Bảo an đã nhiều lần ra kêu gọi các bên đình chỉ chiến sự và rút quân đội ra tới giới tuyến được quốc tế thừa nhận; đình chỉ tiến hành hoạt động quân sự phá hoại các công trình dân sự; tôn trọng quyền tự do hàng hải và thương mại ở vùng biển quốc tế; kiềm chế tiến hành hoạt động đe dọa hòa bình, an ninh và tài nguyên sinh vật trên biển ở vùng vịnh Péc-xích; trao trả tù binh.

Tháng 4-1985 Tổng thư ký LHQ đã tiến hành chuyến thăm tới Tê-hê-ran và Bát-đa để thảo luận với các nhà lãnh đạo hai nước về bản kế hoạch mà Ông đã gửi tới họ trước đó 7 tháng. Sứ mệnh trung gian của Tổng thư ký nhằm mục đích chấm dứt xung đột, làm dịu tác hại của nó ở các khu vực có chiến sự, có việc áp dụng vũ khí hóa học, có việc giam giữ tù binh, có liên quan an toàn hàng hải và chuyển bay dân sự.

Từ tháng 3-1984 đến tháng 8 - 1988 Tổng thư ký LHQ đã cử bảy phái đoàn đi điều tra việc buộc tội lẫn nhau của Iran và Irắc trong việc áp dụng vũ khí hóa học. Các phái đoàn đã làm sáng tỏ những chứng cứ áp dụng vũ khí hóa học. Hội đồng Bảo an và Tổng thư ký LHQ đã tố cáo việc sử dụng vũ khí trên và kêu gọi các bên tuân thủ nghiêm ngặt. Viên bản Giơ-ne-vơ năm 1925 về cấm sử dụng các loại hơi độc và vũ khí côn trùng. Tổng thư ký LHQ cử các phái đoàn tới các vùng xung đột để kiểm tra tình hình liên quan tới sự tố cáo về việc tấn công chống dân thường, bạc đãi tù binh và dân thường bị bắt.

Tháng 01-1987 Tổng thư ký LHQ kêu gọi các thành viên Hội đồng Bảo an tham gia hoạt động chung nhằm nghiên cứu các biện pháp cụ thể, cần thiết để chấm dứt chiến sự. Tại cuộc họp sau đó ông đề nghị 15 thành viên Hội đồng Bảo an thảo luận một số vấn đề thuộc kế hoạch hòa bình. Ngày 20-7-1987 Hội đồng Bảo an thông qua Nghị quyết 598 (1987) về đình chỉ chiến sự.

Nghị quyết trên kêu gọi Iran và Irắc đình chỉ chiến sự và rút quân đội tới vùng giới tuyến được quốc tế thừa nhận; quy định vấn đề gửi các quan sát viên để tiến hành hoạt động giám sát; xác định việc tuân thủ các quy định về

đình chỉ chiến sự và việc rút quân; kêu gọi các bên tiến hành trao trả tù binh và hợp tác với Tổng thư ký LHQ trong việc tuân thủ nghị quyết và giải quyết các vấn đề tồn đọng khác.

Ngày 23-7-1987 Iran và Irắc tuyên bố đồng ý với Nghị quyết trên. Tổng thư ký đã tiến hành hoạt động ngoại giao một cách khẩn trương, trong đó có việc tiến hành chuyến thăm tới Iran và Irắc vào tháng 9-1987. Tại chuyến thăm đó ông đã đề xuất với các nhà lãnh đạo hai nước về kế hoạch thực hiện. Các cuộc trao đổi hợp tác ở cấp cao được tiến hành trong những năm 1987 tới 1988. Tháng 3 - 1988 Tổng thư ký LHQ đề nghị các Tổng thống của Iran và Irắc cử các đại diện của mình tới gặp nhau để tiến hành trao đổi về việc thực hiện Nghị quyết trên.

Ngày 17-7-1988 Iran thông báo với Tổng thư ký về việc Iran đồng ý với Nghị quyết. Sau cuộc trao đổi với các ngoại trưởng của hai nước tại New -York Tổng thư ký đề xuất công thức giải quyết vấn đề. Trên cơ sở đó, ngày 08-8-1988 Tổng thư ký ra tuyên bố việc đình chỉ chiến sự bắt đầu có giá trị pháp lý vào ngày 20-8-1988. Để thực hiện vấn đề trên, các ngoại trưởng hai nước cần tiến hành các cuộc đàm phán trực tiếp dưới sự bảo trợ của Tổng thư ký.

Ngày 09-8-1988 Hội đồng Bảo an thành lập lực lượng quan sát viên quân sự của LHQ để giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Bảo an. Một lực lượng đầu tiên được đưa tới Iran và Irắc vào 10-8-1988.

Vào các tháng 8, 9-1988, các cuộc đàm phán ở cấp Bộ trưởng được tiến hành dưới sự bảo trợ của Tổng thư ký và các đại diện của Tổng thư ký nhằm mục đích tìm kiếm sự hiểu biết lẫn nhau trong việc thực thi Nghị quyết của Hội đồng Bảo an.

Vào tháng 11 năm đó Iran và Irắc đã ký kết bị vọng lục về sự hiểu biết lẫn nhau với Tổ chức Chữ thập đỏ quốc tế về vấn đề trao trả tự do cho các tù binh bị thương và bị bệnh. Ngoài ra, các bên còn tiến hành trao trả các linh cữu của những người tử trận.

Các cuộc đàm phán đã được tiến hành tiếp theo vào các năm 1989-1990 (trong đó có cả các cuộc gặp gỡ của Tổng thư ký LHQ với các Bộ trưởng ngoại giao hai nước). Tháng 8-1990, bằng nỗ lực của Chính phủ hai nước một thỏa thuận về giải quyết một loạt vấn đề tồn đọng đã được chấp nhận. Các bức thông điệp mà Tổng thư ký nhận được từ phía các Chính phủ của Iran và Irắc đều khẳng định rằng việc tuân thủ Nghị quyết 598 trên cơ sở các điều ước và các công ước mà các bên tham gia có một ý nghĩa quan trọng.

Tới tháng 11-1990 các bên trên thực tế đã hoàn tất việc rút quân tới đường biên được cộng đồng thừa nhận. Lực lượng quan sát viên quân sự của

LHQ đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc rút quân loại trừ những xung đột tiếp diễn làm căng thẳng tình hình.

Vào tháng 02-1991, sau việc hoàn tất rút quân, Hội đồng Bảo an đã thông qua quyết định về đình chỉ hoạt động của lực lượng quan sát viên.

e. Vai trò của LHQ trong cuộc chiến tranh Irắc và Cô Oét.

Ngày 02-8-1990 quân đội Irắc đã xâm chiếm Cô Oét, vào chính ngày đó Hội đồng Bảo an đã ra quyết định yêu cầu rút quân đội Irắc khỏi Cô Oét. 06-8-1990 Hội đồng Bảo an ra quyết định trừng phạt Irắc.

Một loạt các Nghị quyết của Hội đồng Bảo an được thông qua vào khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 10-1990 yêu cầu Irắc phải rút quân khỏi Cô Oét và tuyên bố sự chiếm đóng là bất hợp pháp, quyết định cấm các chuyến bay ra vào Irắc và Cô Oét và tiến hành phong tỏa trên biển để đảm bảo thực hiện các biện pháp trừng phạt.

LHQ đã thông qua một loạt sáng kiến nhằm ngăn ngừa chiến tranh. Thư ký LHQ đã tiến hành cuộc gặp gỡ với Bộ trưởng Ngoại giao Irắc vào tháng 8-1990 và cuộc gặp gỡ với Tổng thống Irắc vào các ngày 12, 13-8-1991. Ông tiến hành đồng thời các cuộc gặp gỡ với một loạt các nhà lãnh đạo chính trị quan tâm tới cuộc khủng hoảng.

Tháng 11-1990 Hội đồng Bảo an ấn định ngày 15-01-1991 là thời hạn cuối cùng Irắc phải tuân thủ yêu cầu của Nghị quyết Hội đồng Bảo an. Hội đồng Bảo an uỷ thác cho các quốc gia thành viên LHQ hợp tác với Cô Oét sử dụng những công cụ cần thiết để ủng hộ và thực thi các Nghị quyết của Hội đồng Bảo an và khôi phục lại hòa bình và an ninh ở khu vực.

Tới hạn cuối cùng quy ước Irắc đã không thực hiện yêu cầu Nghị quyết Hội đồng Bảo an. Ngày 16-01-1991 lực lượng liên quân đã tiến hành chiến dịch “bão táp sa mạc” nhằm khôi phục lại chủ quyền Cô Oét. Lực lượng liên quân thực thi nhiệm vụ trên cơ sở quyết định của Hội đồng Bảo an nhưng không dưới sự chỉ đạo và kiểm soát từ phía LHQ. Hoạt động quân sự đã chấm dứt vào ngày 27-02-1991 khi quân đội Irắc rút khỏi Cô Oét.

Ngày 03-04-1991 Hội đồng Bảo an ra Nghị quyết số 687 về điều kiện đình chỉ chiến sự, yêu cầu Irắc và Cô Oét tôn trọng sự bất khả xâm phạm biên giới được cộng đồng thừa nhận, yêu cầu Tổng thư ký LHQ lập kế hoạch triển khai các lực lượng quan sát viên của LHQ và thông qua quyết định về sự cần thiết phải tiêu huỷ vũ khí giết người hàng loạt của Irắc.

Cũng vào ngày này Hội đồng Bảo an thiết lập vùng phi quân sự dọc biên giới Irắc và Cô Oét và thành lập phái đoàn quan sát viên quân sự.

Phái đoàn quan sát viên của LHQ ở Irắc và Cô Oét đã tiến hành giám sát sự rút quân khỏi Cô Oét.

Tháng 10-1994 sau khi Irắc chuyển một lực lượng quân đội về phía biên giới Cô Oét, Chủ tịch Hội đồng Bảo an đã bày tỏ sự quan ngại. 15-10-1994 Hội đồng Bảo an yêu cầu đưa một số lực lượng quân đội tới triển khai ở phía nam Irắc; yêu cầu Irắc không được đưa quân xuống phía nam và không có hành động chống lại sự tăng cường lực lượng quân sự của LHQ.

Nghị quyết 687 của Hội đồng Bảo an còn đề cập tới vấn đề tiêu huỷ vũ khí giết người hàng loạt của Irắc, các loại tên lửa đạn đạo với tầm bắn quá 150 km và các công trình quân sự tương ứng. Để thực hiện quyết định đó Hội đồng Bảo an đã thành lập Ủy ban đặc biệt của LHQ với trọng trách tiến hành kiểm tra không cần báo trước. Đối với Irắc Hội đồng Bảo an yêu cầu hợp tác với Ủy ban trên. Hội đồng Bảo an còn yêu cầu Tổng giám đốc Tổ chức nguyên tử quốc tế áp dụng các biện pháp cần thiết trong lĩnh vực nguyên tử để hỗ trợ cho hoạt động của Ủy ban.

Trong hai năm đầu Irắc không thừa nhận quyền uỷ trị của Ủy ban và Tổ chức nguyên tử quốc tế với hy vọng cản trở sự thanh tra trên mặt đất và trên không, cản trở sự hỗ trợ về vật chất đối với hoạt động trên, từ chối cung cấp những thông tin cần thiết.

Sau đó Hội đồng Bảo an đã thông qua các nghị quyết số 707 và 715 yêu cầu Irắc phải mở một cách đầy đủ và dứt điểm các công trình thuộc diện cấm, không được có hành động khôi phục lại tiềm lực các loại vũ khí cấm.

Mặc dù gặp phải sự hợp tác miễn cưỡng không đầy đủ từ phía Irắc, Ủy ban và Tổ chức nguyên tử quốc tế đã tìm thấy được một bộ phận lớn thuộc chương trình cấm đối với Irắc. Một khối lượng lớn vũ khí cấm đã được tiêu huỷ. Trong đó có các loại sau: chương trình làm giàu quặng U ran để sản xuất vũ khí, các công trình sản xuất vũ khí nguyên tử, chương trình lớn sản xuất vũ khí hóa học, khoảng 150 tên lửa đạn đạo (trong đó có cả vũ khí hóa học); chương trình nghiên cứu vũ khí côn trùng.

Sau việc Irắc thừa nhận Nghị quyết 715 Ủy ban và Tổ chức nguyên tử tiếp tục công việc thành lập hệ thống tiến hành thanh tra thường xuyên. Tháng 4-1995 Ủy ban trình Hội đồng Bảo an về việc chuẩn bị hệ thống này.

Trong thời gian từ năm 1991-1993 một loạt cuộc đàm phán giữa các đại diện của Tổng thư ký LHQ với đại diện của Irắc về các vấn đề liên quan tới việc khôi phục lại sự xuất khẩu dầu lửa một cách hạn chế của Irắc, tới đền bù chiến phí của Irắc và vấn đề hoạt động nhân đạo.

Tháng 4-1995 Hội đồng Bảo an cho phép các quốc gia nhập khẩu dầu của Irắc với số lượng giá trị một tỷ đôla Mỹ trong thời gian 90 ngày để giải quyết vấn đề nhân đạo cho Irắc. Tuy nhiên Irắc bác bỏ đề nghị trên vì cho rằng điều đó vi phạm chủ quyền của Irắc.

Trên cơ sở Nghị quyết 687 của Hội đồng Bảo an LHQ vào tháng 5-1991 Ủy ban về hoạch định biên giới Irắc - Cô Oét đã được thành lập. Ủy ban bao gồm hai đại diện của Irắc và Cô Oét (mỗi bên một) và 3 chuyên viên do Tổng thư ký bổ nhiệm. Ủy ban đã tiến hành công việc phân định biên giới trên bộ và trên biển giữa Irắc và Cô Oét (đặc biệt ở những vùng tranh chấp).

Tháng 5-1993 Ủy ban đã ra tuyên bố kết thúc công việc của mình. Ngày 27-5-1993 Hội đồng Bảo an khẳng định quyết định của Ủy ban và yêu cầu Irắc và Cô Oét tôn trọng sự bất khả xâm phạm biên giới và tuyên bố quyết tâm của mình trong vai trò đảm bảo sự bất khả xâm phạm đó.

Tháng 11-1994 Irắc thông báo với Tổng thư ký LHQ về việc Irắc thừa nhận chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và đường biên giới quốc tế của Cô Oét.

Trên cơ sở Nghị quyết số 687 Hội đồng Bảo an đã thành lập Quỹ đền bù thiệt hại trực tiếp cho các chính phủ nước ngoài, công dân và pháp nhân nước ngoài do cuộc chiến tranh của Irắc gây ra; Irắc phải đóng góp vào Quỹ với giá trị không quá 30% giá trị thu được hàng năm từ việc xuất khẩu dầu lửa. Vào năm 1993 Hội đồng quản lý Quỹ đã bổ nhiệm 09 luật sư và thanh tra với tư cách là những người được ủy nhiệm xem xét các đơn kiện và đề xuất các kiến nghị liên quan bồi thường trên.

Ngoài ra Nghị quyết 687 còn yêu cầu Irắc hợp tác với Tổ chức Chữ thập đỏ trong vấn đề bồi thường cho những người di cư và tìm kiếm người mất tích. Với nỗ lực của Tổ chức Chữ thập đỏ và sự hợp tác của một số nước (trong đó có Irắc và Cô Oét) nhiều trường hợp mất tích đã được làm sáng tỏ.

f. Vai trò của LHQ trong việc khôi phục hòa bình ở Bán đảo Triều Tiên.

LHQ xem xét vấn đề Triều Tiên từ năm 1947. Ý định của LHQ về việc thành lập một Nhà nước Triều Tiên thống nhất trên cơ sở bầu cử toàn dân không đạt được kết quả. Năm 1948 ở hai miền Nam, Bắc Triều Tiên đã thành lập hai chính phủ khác nhau: Chính phủ của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên và Chính phủ cộng hòa Triều Tiên.

Vào năm đó Đại hội đồng LHQ thành lập Ủy ban LHQ về vấn đề Triều Tiên để giải quyết các vấn đề mà Đại hội đồng đề xuất vào tháng 11 năm 1947 (vấn đề khôi phục Triều Tiên, khôi phục nền độc lập của Triều Tiên và việc rút quân đội ra khỏi vùng chiếm đóng đó).

Ngày 25-6-1950 Mỹ và uỷ ban LHQ về Triều Tiên thông báo cho LHQ về việc tấn công của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên. Vào ngày hôm đó Hội đồng Bảo an kêu gọi đình chỉ chiến sự và rút lực lượng vũ trang của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên ra tới vĩ tuyến 38. Sau hai ngày chiến sự vẫn tiếp diễn, Hội đồng Bảo an kiến nghị các quốc gia thành viên thực hiện việc giúp đỡ cần thiết cho Cộng hòa Triều Tiên để ngăn chặn sự tấn công và khôi phục lại trật tự ở bán đảo Triều Tiên. Trong khi đó Mỹ đã ra tuyên bố rằng lực lượng không quân của họ đã được lệnh hỗ trợ lực lượng của Cộng hòa Triều Tiên (sau này có cả lực lượng bộ binh).

Tháng 7-1950 Hội đồng Bảo an yêu cầu các quốc gia thành viên đóng góp lực lượng vũ trang trên cơ sở các nghị quyết trước đó của Hội đồng để tham gia lực lượng quốc tế thực hiện sứ mệnh gìn giữ hòa bình ở Triều Tiên. Đã có 16 quốc gia gửi quân tới Triều Tiên. Tuy nhiên lực lượng này trên thực tế không phải là lực lượng hành động gìn giữ hòa bình của LHQ dưới sự chỉ huy của Tổng thư ký LHQ mà lại đặt dưới sự chỉ huy của Mỹ. Hơn thế quyết định của Hội đồng Bảo an được thông qua trong bối cảnh vắng mặt sáu uỷ viên, một uỷ viên thường trực là Liên Xô không tham dự (với lý do chống lại việc đại diện của Trung Quốc không phải là Cộng hòa dân Trung Hoa); một uỷ viên thường trực là Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không được tham dự. Bởi vậy đại diện của Liên Xô tuyên bố các Nghị quyết và quyết định trên của Hội đồng Bảo an là không hợp pháp. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa cũng không đồng ý với quyết định trên, vì vậy, tháng 11-1950 lực lượng Chí nguyện quân Trung Quốc đã bắt đầu hành động ủng hộ lực lượng Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên. Chiến tranh kéo dài tới giữa năm 1953 khi kết thúc bằng thỏa thuận về đình chiến vào ngày 27-7-1953. Một uỷ ban quân sự về giám sát đình chiến được thành lập.

Uỷ ban của LHQ về thống nhất và khôi phục Triều Tiên được thành lập thay thế cho Uỷ ban của LHQ về Triều Tiên năm 1950. Uỷ ban này tiến hành hoạt động tới năm 1973 thì giải tán theo Quyết định của Đại hội đồng LHQ với lý do Uỷ ban đã hoàn thành nhiệm vụ của mình (trên cơ sở hai miền Nam, Bắc Triều Tiên đã ký tuyên bố chung về mong muốn thống nhất và khôi phục đất nước bằng các giải pháp hòa bình).

Năm 1974 Đại hội đồng ra quyết định kêu gọi Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên và Cộng hòa Triều Tiên tiếp tục đối thoại để nhanh chóng tiến tới thống nhất Triều Tiên. Tháng 9-1991 đã ký kết hai thỏa thuận: Thỏa thuận về đình chiến, không tấn công, hợp tác và trao đổi giữa hai miền Nam,

Bắc Triều Tiên và tuyên bố chung về giải phóng bán đảo Triều Tiên khỏi vũ khí hạt nhân.

Từ năm 1993 đến 1994 tình hình Triều Tiên lại trở nên căng thẳng vì Bắc Triều Tiên rút khỏi Hiệp định không phổ biến vũ khí hạt nhân. Hoạt động ngoại giao của một số nước (đặc biệt là Mỹ), cố gắng của Hội đồng Bảo an đã đạt được kết quả là Bắc Triều Tiên đã từ bỏ ý định trên của mình, giữa Mỹ và Bắc Triều Tiên đã ký được thỏa thuận chung về giải quyết một cách tổng thể tất cả các vấn đề hạt nhân.

g. Vai trò của LHQ ở Cận Đông.

Ngày sau ngày thành lập LHQ đã tiến hành nhiều hoạt động khôi phục hòa bình ở Cận Đông: thành lập các uỷ ban về gìn giữ hòa bình, soạn thảo các nguyên tắc về giải quyết hòa bình các tranh chấp trong vùng. Cụ thể:

Năm 1947 Đại hội đồng thông qua kế hoạch: về việc thành lập trên vùng lãnh thổ Pa-let-xtin hai nhà nước: Nhà nước Do Thái và Nhà nước Pa-let-xtin; thiết lập quy chế quốc tế đối với Giê-ru-sa-lem. Kế hoạch không được phía Pa-let-xtin và các quốc gia Ả-rập chấp nhận.

Ngày 14 tháng 5 năm 1948 Anh từ bỏ sự uỷ nhiệm quản thác vùng đất Pa-let-xtin. Và vào chính ngày này, người Do Thái đã tuyên bố thành lập Nhà nước Do Thái.

Năm 1956 sau khi Ai Cập tiến hành quốc hữu hóa kênh đào Xuyê, Anh và Pháp đã tiến hành hoạt động quân sự chống Ai Cập. Đại hội đồng đã tiến hành họp bất thường ra kêu gọi đình chỉ chiến sự, rút quân đội nước ngoài khỏi lãnh thổ Ai Cập, phê chuẩn thành lập lực lượng vũ trang đặc biệt của LHQ về gìn giữ hòa bình (đây là lực lượng đầu tiên của LHQ về vấn đề này).

Ngày 5 tháng 6 năm 1967 bắt đầu cuộc chiến tranh 6 ngày giữa một bên là Do Thái và một bên là Ai Cập, Siri và Gioóc-đa-ni với hậu quả là Do Thái đã chiếm được một loạt vùng đất của các nước trên.

Ngày 22-11-1967 Hội đồng Bảo an nhất trí thông qua Nghị quyết 242 xác định các nguyên tắc hòa bình bền vững và công bằng ở Cận Đông. Đó là:

+ Rút hết quân đội Do Thái khỏi vùng chiếm đóng trong cuộc chiến tranh 6 ngày;

+ Đình chỉ mọi hoạt động vũ trang, tôn trọng và thừa nhận chủ quyền, sự toàn vẹn lãnh thổ và nền độc lập chính trị của mỗi quốc gia.

Chiến sự lại tiếp diễn vào ngày 6-10-1973 do Ai Cập và Siri khởi sự chống Do Thái. Ngày 22-10-1973 Hội đồng Bảo an thông qua Nghị quyết 338 kêu gọi các bên đình chỉ chiến sự và thực hiện một cách nghiêm chỉnh Nghị quyết 242. Do việc các bên vẫn tiếp tục chiến sự. Hội đồng Bảo an lại ra nghị quyết thành

lập lực lượng vũ trang đặc biệt của LHQ (lực lượng thứ hai). Lực lượng này đã được triển khai ở giữa Ai Cập và Do Thái. Dưới sự hỗ trợ của LHQ, sau đó, Ai Cập và Do Thái đã đạt được thoả thuận về thành lập vùng phân cách giữa lực lượng quân đội Ai Cập và Do Thái. Trên cơ sở đó, Hội đồng Bảo an đã thành lập lực lượng LHQ về giám sát ở vùng phân cách trên.

Năm 1975 Đại hội đồng LHQ thành lập Uỷ ban về thực hiện các quyền thiết yếu của nhân dân Pe-let-xtin.

Tháng 12-1990 Thủ tướng Do Thái đề xuất kế hoạch tiến hành bầu cử đoàn đại biểu Pe-let-xtin tiến hành đàm phán. Hội đồng Bảo an đã ra tuyên bố ủng hộ quá trình đàm phán với sự tham gia tất cả các bên trên cơ sở tôn trọng các nghị quyết 242 và 338, việc tính tới quyền được đảm bảo an ninh cho tất cả các quốc gia trong khu vực, trong đó có Do Thái và các quyền chính trị hợp pháp của nhân dân Pe-let-xtin. Tháng 12-1991 Đại hội đồng LHQ khẳng định các nguyên tắc lập lại hòa bình toàn diện ở Cận Đông:

- + Rút quân đội Do Thái khỏi các vùng chiếm đóng vào năm 1967;
- + Tháo dỡ các khu định cư Do Thái khỏi các vùng lãnh thổ đó;
- + Thông qua các biện pháp đảm bảo an ninh cho tất cả các quốc gia trong khuôn khổ đường biên giới được quốc tế thừa nhận;
- + Giải quyết vấn đề người tỵ nạn Pe-let-xtin trên cơ sở phù hợp với các nghị quyết của Đại hội đồng;
- + Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tự do tham quan các điểm, công trình văn hóa.

Những năm sau này Do Thái và Pa-let-xtin đã đạt được nhiều thoả thuận về các vấn đề then chốt trên cơ sở các nghị quyết của Hội đồng Bảo an và Đại hội đồng LHQ. Hiện nay tiến trình đàm phán hòa bình giữa họ vẫn đang tiếp diễn thuận lợi dưới sự hỗ trợ của LHQ.

h. Vai trò của LHQ trong việc ổn định hòa bình ở Nam Tư (cũ).

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Liên bang Nam Tư từ năm 1991 bao gồm sáu nước Cộng hòa: Bô-xnia và Héc-xe-gô-vi-na, Crô-a-tia, Xéc-bia, Slô-ve-nia, Makêdonia và Môngtênêgrô.

Do cuộc khủng hoảng và kinh tế-chính trị kéo dài, tháng 6-1991 Crô-a-tia và Slô-ve-nia đã ra ruyên bố về nền độc lập của mình, ở Nam Tư (cũ) bắt đầu xảy ra các cuộc xung đột vũ trang. Những người Xéc-bia sống ở lãnh thổ Crô-a-tia ủng hộ quân đội Nam Tư chống lại những người đòi chia rẽ. Tháng 3-1992 Bô-xnia và Héc-xe-gô-vi-na cũng ra tuyên bố về nền độc lập của mình. Cuộc xung đột đã lên tới mức độ nguy hiểm, đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế.

Ngày 25-9-1991 Hội đồng Bảo an ra quyết định cấm vận đối với việc cung cấp vũ khí của Cộng đồng Châu Âu trong việc giải quyết hòa bình cuộc xung đột.

Đại diện của Tổng thư ký LHQ đã tiến hành đàm phán với tất cả các bên với kết quả là: đã ký được các thỏa thuận về ngừng chiến sự ở Crô-tia và tiến hành chiến dịch của LHQ về gìn giữ hòa bình.

Ngày 21-2-1992 mặc dù vẫn tồn tại những bất đồng giữa các nhà lãnh đạo Nam Tư với kế hoạch của LHQ, Hội đồng Bảo an đã thành lập lực lượng phòng vệ của LHQ với mục đích tạo lập những điều kiện hòa bình và an ninh để tìm kiếm giải pháp giải quyết cuộc xung đột trên cơ sở Hội nghị của Cộng đồng Châu Âu về Nam Tư.

Từ tháng 4-1992 tình hình ở Bô-xnia và Héc-xe-gô-vi-na xấu đi nghiêm trọng. Hội đồng Bảo an đã ra kêu gọi các bên đình chỉ chiến sự và yêu cầu đình chỉ ngay lập tức mọi can thiệp vào cuộc xung đột. Tuy nhiên, cuộc xung đột vẫn tiếp tục leo thang.

Ngày 30-5-1992 Hội đồng Bảo an ra quyết định áp dụng các biện pháp trừng phạt kinh tế chống Nam Tư và yêu cầu các bên đảm bảo các điều kiện cho sự viện trợ nhân đạo vào Bô-xnia và Héc-xê-gô-vi-na.

Ngày 30-5-1992 Hội đồng Bảo an ra quyết định áp dụng biện pháp trừng phạt kinh tế chống Nam Tư và yêu cầu các bên đảm bảo các điều kiện cho sự viện trợ nhân đạo vào Bô-xnia và Héc-xê-gô-vi-na.

Ngày 22-5-1992 các nước cộng hòa Bô-xnia và Héc-xe-gô-vi-na, Crôa-tia và Slô-ve-nia trở thành thành viên của LHQ; Cộng hòa Ma-ke-đô-nhia trở thành thành viên của LHQ vào ngày 8-4-1993.

Sau đó ở Nam Tư xảy ra một loạt các vụ sát hại dân thường, thanh trừng chủng tộc. Ủy ban LHQ về nhân quyền đã cử các chuyên viên của mình tới Nam Tư để tìm hiểu tình hình. Trong khi đó chiến sự vẫn diễn ra tại Bô-xnia, đặc biệt là xung quanh Sarajevô.

Tháng 12-1992, Tổng thư ký LHQ tố cáo Xéc-bia, Crôa-tia vi phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và nền độc lập chính trị của Héc-xe-gô-vi-na.

Tháng 2-1991 Hội đồng Bảo an thành lập tòa hình sự quốc tế về Nam Tư (cũ) để truy tố những người có trách nhiệm về việc thực hiện hoặc ra lệnh thực hiện lập tòa hình sự quốc tế để truy tố tội phạm trong thời gian xung đột.

Tháng 3-1993 chiến sự lại diễn ra khốc liệt tại Bô-xnia, Hội đồng Bảo an ra quyết định yêu cầu rút các lực lượng vũ trang của người Xéc-bia ở Bô-xnia, đình chỉ tấn công vũ trang và tạo các điều kiện thuận lợi để tiến hành viện trợ nhân đạo.

Tháng 7-1994 các đề xuất về giải quyết các vấn đề lãnh thổ do nhóm tiếp xúc đưa ra đã được các bên hữu quan chấp nhận trừ đại diện những người Xéc-bia ở Bô-xnia. Tháng 8-1994, Cộng hòa Liên bang Nam Tư cắt đứt quan hệ kinh tế và chính trị với đại diện của người Xéc-bia ở Bô-xnia và đóng cửa phần đường biên giới với Bô-xnia do người Xéc-bia kiểm soát sau khi đã từ chối cung cấp thực phẩm và thuốc men cho họ.

Tháng 9-1994 Hội đồng Bảo an thông qua quyết định về việc tăng cường các biện pháp trừng phạt chống người Xéc-bia ở Bô-xnia do vì họ từ chối chấp nhận các đề nghị giải quyết các vấn đề lãnh thổ do nhóm tiếp xúc đưa ra. Hội đồng Bảo an ra quyết định đình chỉ áp dụng biện pháp trừng phạt chống Nam Tư do vì Nam Tư đã thực hiện yêu cầu của LHQ (đóng cửa biên giới với Bô-xnia).

Cuối năm 1994 Tổng thư ký LHQ đã tiến hành chuyến thăm tới Sarajevô và một số thủ đô ở Châu Âu trong quá trình thúc đẩy các hoạt động ngoại giao để đạt được giải pháp hòa bình ở Nam Tư (cũ).

Ngày 31-12-1994 các bên trong cuộc xung đột ở Bô-xnia đã ký thỏa thuận về đình chỉ chiến sự trong thời gian 4 tháng.

Ngày 31-3-1994 Hội đồng Bảo an phân chia lực lượng ở Nam Tư (cũ) ra làm ba bộ phận độc lập có những quan hệ mật thiết với nhau trong việc giữ gìn hòa bình: lực lượng phòng vệ ở Bô-xnia và Héc-xe-gô-vi-na, lực lượng LHQ với mục đích khôi phục niềm tin ở Crôa-tia và lực lượng triển khai dự phòng của LHQ ở Ma-ke-đô-nhia.

3. Kiểm tra hoạt động vũ trang và giải trừ quân bị.

a. Những nhận định chung

Ngày từ ngày thành lập của mình LHQ đã quan tâm đến các vấn đề hạn chế vũ trang và giải trừ quân bị. Những mục đích cơ bản của việc giải trừ quân bị trong nhiều năm vẫn không thay đổi, tuy rằng cách thức giải quyết các vấn đề, cụ thể và quy mô của chúng đã có những đổi thay đáng kể.

Trong những năm đầu thành lập những mục đích cơ bản được đặt ra là kiểm tra, hạn chế và rút bớt trong thế cân bằng tất cả các lực lượng vũ trang. Năm 1959 Đại hội đồng lần đầu tiên đã đưa vào chương trình nghị sự của mình vấn đề giải trừ quân bị một cách toàn thể và đầy đủ. Trong những năm 1960 những kế hoạch giải trừ quân bị đã được đặt ra trước Mỹ và Liên Xô.

Cuối những năm 1950 có quan điểm cho rằng những kết quả của việc giải trừ quân bị có thể tạo ra niềm tin cậy và bầu không khí thuận lợi cho việc ký kết các thỏa thuận về giải trừ quân bị toàn thể. Tuy nhiên tới giữa những năm 1960 lại có một quan điểm khác cho rằng việc giải trừ quân bị một cách toàn

thể và đầy đủ trong thời gian ngắn không thể thực hiện được. Từ đó đến nay quan điểm chung và phổ biến cho rằng việc giải trừ quân bị một cách toàn thể và hoàn toàn là vấn đề của mục đích cuối cùng, còn công việc hiện tại là phải tiến hành giải trừ quân bị một cách từng phần.

Chiến thuật mới trong lĩnh vực giải trừ quân bị đã được soạn thảo vào cuối những năm 1970. Theo sáng kiến của các nước đang phát triển. Đại hội đồng LHQ năm 1978 tiến hành cuộc họp đặc biệt đầu tiên về giải trừ quân bị. Trong văn bản cuộc họp này chiến thuật mới về giải trừ quân bị đã được thông qua.

Trong văn bản đó, các vấn đề nền tảng đã được xác định như mục đích, nguyên tắc và chương trình hành động để đạt được mục đích cuối cùng là giải trừ quân bị một cách toàn thể và hoàn toàn. Văn bản còn ghi nhận các biện pháp củng cố cơ chế nhiều bên trong việc xem xét các vấn đề giải trừ quân bị trong khuôn khổ LHQ.

Các cuộc họp chuyên biệt của Đại hội đồng vào các năm 1982, 1988 về giải trừ quân bị đã được tổ chức, tuy nhiên chúng không đạt được thỏa thuận về các biện pháp thực hiện chương trình trên. Trong năm 1982 đã đạt được thỏa thuận về thiết lập các hình thức cụ thể cho việc phổ biến các thông tin về giải trừ quân bị với tính chất là hướng hoạt động đặc biệt của LHQ và đã xây dựng được chương trình thông tin của LHQ về giải trừ quân bị. Trong khi đó mọi nỗ lực trên con đường tìm tòi soạn thảo một chương trình tổng thể về giải trừ quân bị và thực hiện các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế vũ trang, giải trừ và tạo ra bầu không khí tin cậy vẫn tiếp tục được tiến hành.

Cơ chế của LHQ về giải trừ quân bị gắn liền với các vấn đề an ninh quốc tế đã được hình thành trên cơ sở phù hợp với Hiến chương và các quyết định sau này của Đại hội đồng và Hội đồng Bảo an. Trong sự phát triển đa dạng của đời sống quốc tế, cơ chế đó cũng có nhiều thay đổi đáng kể.

Cơ quan chính của LHQ xem xét các vấn đề giải trừ quân bị là Đại hội đồng LHQ. Đại hội đồng hoạt động thông qua hai cơ quan bổ trợ của mình với quy chế mở cho tất cả các thành viên LHQ là: uỷ ban về giải trừ quân bị và an ninh quốc tế (tiến hành các cuộc họp để xem xét các vấn đề trong thời gian diễn ra các cuộc họp của Đại hội đồng) và uỷ ban LHQ về giải trừ quân bị (tiến hành các cuộc họp trong thời gian giữa các kỳ họp để xem xét các vấn đề cụ thể).

Hội nghị về giải trừ quân bị với thành phần hạn chế là một diễn đàn duy nhất của cộng đồng để thảo luận các vấn đề giải trừ quân bị. Hội nghị xem xét: các vấn đề liên quan vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt

khác; các vấn đề kiểm tra vũ khí thông thường. Sau một thời gian dài đàm phán trong năm 1993 trong khuôn khổ Hội nghị Công ước về vũ khí hóa học đã được ký kết. Hiện nay Hội nghị đang soạn thảo điều ước về cấm toàn diện các vụ thử hạt nhân.

Quan hệ giữa Hội nghị với LHQ có tính chất đặc biệt: Hội nghị tự soạn thảo quy chế thủ tục của mình và xác định chương trình nghị sự với sự tính tới các khuyến nghị của Đại hội đồng.

b. Những nỗ lực của LHQ trong việc giải trừ quân bị

Trong những thập niên qua đã có những quan điểm và sáng kiến về vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân trong khuôn khổ LHQ cũng như ngoài LHQ. Các tác giả của chúng quan tâm chủ yếu tới mối đe dọa chủ yếu đối với hòa bình và an ninh quốc tế, đề xuất cả các biện pháp mang tính chất bộ phận. Sự quan tâm đó phản ánh tư duy chiến lược quân sự của các thế lực quân sự và các nhóm chính trị lớn cũng như của một số quốc gia không thuộc các nhóm đó (ví dụ, các quốc gia đang phát triển quan tâm tới sự nguy hiểm của vũ khí hạt nhân; các quốc gia khác quan tâm tới giải trừ quân bị trên cơ sở đảm bảo sự cân bằng cán cân quân sự chung và sự ổn định trật tự quốc tế trong thế kiểm chế đối trọng có hiệu quả).

Chính những chính kiến khác nhau đó là cơ sở cho sự đề xuất các biện pháp không giống nhau và gây ra sự tranh cãi trong vấn đề giải trừ quân bị. Đa số các ý kiến liên quan các vấn đề sau; vũ trang hạt nhân; đình chỉ cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân và giải trừ quân bị hạt nhân; đình chỉ quá trình hoàn thiện, nghiên cứu vũ khí và chế tạo vũ khí hạt nhân; chương trình tổng thể giảm dần từng bước vũ khí hạt nhân cho tới sự loại trừ hoàn toàn chúng; vô hiệu hóa vũ khí hạt nhân.

Các đề xuất khác đề cập vấn đề cấm một cách tổng thể việc áp dụng cũng như sự đe dọa áp dụng vũ khí hạt nhân, tiến tới cấm áp dụng chúng đầu tiên hoặc cấm áp dụng một số dạng vũ khí hạt nhân.

Trong số các sáng kiến có các sáng kiến đề cập vấn đề cấm các vụ thử hạt nhân. Vấn đề thiết lập các đảm bảo an ninh cho các quốc gia phi hạt nhân chống lại việc áp dụng và đe dọa áp dụng vũ khí hạt nhân mới được đề cập trong các cuộc thảo luận của Hội đồng Bảo an.

Cùng với mong ước giảm bớt sự đe dọa từ phía vũ khí hạt nhân cộng đồng quốc tế còn quan tâm giải quyết vấn đề liên quan các loại vũ khí giết người hàng loạt khác. Một loạt các kiến nghị đề cập vấn đề cấm sử dụng và, tiến tới, cấm toàn diện, toàn cầu việc trang bị vũ khí này. Mối quan tâm khác đề cập các vấn đề: vũ khí côn trùng, các loại vũ khí mới giết người hàng loạt, vũ khí

phóng xạ, hạn chế và giảm bớt vũ khí thông thường, ngăn ngừa chạy đua vũ trang trên biển, hạn chế ngân sách dành cho quốc phòng.

Mặc dù có một số đề xuất đề cập sự bắt đầu cho các cuộc đàm phán và ký kết các thỏa thuận cụ thể, các thỏa thuận đã được ký kết cũng đã quy định các quốc gia phải áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế vũ trang và giải trừ quân bị.

Trong số các điều ước quốc tế đa phương quan trọng trong lĩnh vực vũ trang hạt nhân có Hiệp định về cấm thử vũ khí hạt nhân ở ba môi trường: không khí, vũ trụ và dưới nước năm 1963 và Hiệp định về không phổ biến vũ khí hạt nhân năm 1968. Trong phạm vi khu vực có các điều ước sau đã được ký kết: Hiệp định về châu Nam cực năm 1959, Hiệp định về cấm vũ khí hạt nhân ở châu Mỹ La Tinh và vùng vịnh Ca-ri-bê năm 1967, Hiệp định về vùng phi hạt nhân ở phía Nam Thái Bình Dương.

Một loạt các điều ước song phương đã được ký kết giữa Mỹ và Liên Xô (từ năm 1991 Cộng hòa Liên Bang Nga kế thừa Liên Xô). Trong số đó có Hiệp định về hạn chế hệ thống phòng thủ tên lửa năm 1972, Thỏa thuận tạm thời về các biện pháp hạn chế vũ khí tấn công chiến lược, thỏa thuận về ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân năm 1973, Thỏa thuận về hạn chế các cuộc thử vũ khí hạt nhân trong lòng đất năm 1974, Hiệp định về các vụ nổ hạt nhân vì mục đích hòa bình năm 1973, Hiệp định về hạn chế vũ khí tấn công chiến lược năm 1979 và Hiệp định về hủy bỏ các tên lửa tầm trung và tầm ngắn năm 1987.

Một loạt các điều ước đa phương đã được ký kết về: vũ khí giết người hàng loạt; phi quân sự hóa một số khu vực, hạn chế các hoạt động gây tác hại cho môi trường. Trong số các điều ước đó có: Công ước về các nguyên tắc hoạt động của các quốc gia nghiên cứu và sử dụng khoảng không vũ trụ (bao gồm cả mặt trăng và các hành tinh khác) năm 1967; Hiệp định về chống triển khai ở đáy và trong lòng biển và đại dương vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác năm 1971; Hiệp ước về cấm nghiên cứu, sản xuất và tích lũy nguồn nguyên liệu của các loại vũ khí côn trùng và chất độc năm 1972; Hiệp ước cấm sử dụng vào mục đích quân sự hoặc mục đích thù địch khác các phương tiện làm ô nhiễm môi trường năm 1977 và Thỏa thuận về các quốc gia ở mặt trăng ở các hành tinh khác năm 1979.

Trong lĩnh vực vũ khí thông thường một thỏa thuận mang tính chất toàn cầu duy nhất là Công ước về cấm hạn chế áp dụng các dạng cụ thể của vũ khí thông thường mang tính vô nhân đạo. Ngoài ra trong khuôn khổ châu Âu có một số thỏa thuận về lĩnh vực này đã được ký kết như: Thỏa thuận Hen-xinh-ki về

các biện pháp tin cậy năm 1968, Hiệp định về các lực lượng vũ trang thông thường ở châu Âu năm 1990.

Từ năm 1990 nỗ lực về hạn chế vũ trang và giải trí quân bị đã có những đổi thay không nhỏ do vì có sự đổi thay tình hình trên thế giới (sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở châu Âu đã chấm dứt tình trạng đối đầu về quân sự và chính trị với khoảng thời gian trên bốn chục năm). Tuy nhiên việc chấm dứt chiến tranh lạnh không làm chấm dứt tình trạng chạy đua vũ trang mà chỉ làm cho nó có những tính chất mới. Sự không ổn định ở khu vực, sự xuất hiện các mầm mống xung đột do mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo là nguyên nhân của sự phổ biến các loại vũ khí giết người hàng loạt và các loại vũ khí thông thường, gây nên bầu không khí căng thẳng trên thế giới. Trong bối cảnh đó giải trừ quân bị càng trở nên quan trọng và cấp thiết hơn.

Sau cuộc chiến tranh lạnh đã có sự tiến bộ đáng kể trong việc giải quyết một loạt vấn đề muôn thuở liên quan giải trừ quân bị. Trong lĩnh vực vũ khí hạt nhân giữa hai cường quốc hạt nhân giữa hai cường quốc hạt nhân là Nga và Mỹ đã ký được hai điều ước về giảm bớt vũ khí tấn công chiến lược của họ vào các năm 1991 và 1993. Hội nghị của các quốc gia thành viên Hiệp định không phổ biến vũ khí hạt nhân đã nghiên cứu, đánh giá tác động của Hiệp định và đã quyết định kéo dài vô thời hạn hiệu lực của nó. Trong năm 1994 nhiều cuộc đàm phán về đình chỉ một cách toàn thể các cuộc thử vũ khí hạt nhân đã được tiến hành.

Trong lĩnh vực vũ khí giết người hàng loạt khác đã có những tiến bộ nhất định. Hiệp định về vũ khí hóa học đã được ký kết vào năm 1993. Hiệp định này quy định cấm sản xuất, áp dụng và phổ biến vũ khí hóa học. Năm 1994 tại Hội nghị đặc biệt các quốc gia thành viên Công ước về vũ khí côn trùng đã thành lập nhóm đặc biệt để tiến hành soạn thảo nhằm củng cố Công ước (bao gồm các biện pháp kiểm tra).

Trong lĩnh vực vũ khí thông thường nhóm các chuyên viên của các quốc gia thành viên Công ước về các dạng vô nhân đạo của vũ khí đã chuẩn bị hội nghị để xem xét kết quả thực hiện Công ước (đặc biệt về vấn đề mìn sát thương). Kết quả là Hội nghị về công ước đã được tổ chức tại Viên năm 1995.

Đã xuất hiện những kế hoạch mới về giải trừ quân bị, theo đó, các vấn đề trao đổi thông tin về lĩnh vực quân sự đã được chú trọng. Liên quan tới vấn đề thương mại vũ khí năm 1992 Đại hội đồng LHQ đã xem xét vấn đề thông tin giữa các quốc gia về việc chuyển cho các quốc gia khác một số loại vũ khí thông thường.

c. Việc nghiên cứu khoa học của LHQ về các vấn đề giải trừ quân bị.

Trong Viện nghiên cứu khoa học của LHQ về các vấn đề giải trừ quân bị có cơ quan nguyên tử. Cơ quan này được thành lập theo quyết định của Đại hội đồng LHQ năm 1980 với mục đích nghiên cứu một cách độc lập các vấn đề giải trừ quân bị và những vấn đề khác liên quan (đặc biệt là vấn đề an ninh quốc tế). Hoạt động của Viện dựa vào nguồn tài chính được hình thành từ sự đóng góp tự nguyện của các quốc gia, các tổ chức nhà nước và tư nhân.

Viện đặt ra cho mình các mục đích sau:

- + Trình ra trước cộng đồng các tin tức đầy đủ và toàn diện nhất về các vấn đề an ninh quốc tế, chạy đua vũ trang và giải trừ quân bị (đặc biệt trong lĩnh vực nguyên tử) để thúc đẩy quá trình đàm phán nhằm đạt được nền an ninh vững bền và sự phát triển tiến bộ về kinh tế - xã hội;

- + Thúc đẩy sự trao đổi thông tin trên toàn cầu của các quốc gia về các nỗ lực trong việc giải trừ quân bị;

- + Giúp đỡ trong quá trình đàm phán về các vấn đề giải trừ quân bị và các biện pháp củng cố an ninh quốc tế trong việc giảm dần mức độ vũ trang (đặc biệt trong lĩnh vực vũ khí hạt nhân);

- + Tiến hành nghiên cứu khoa học về các vấn đề giải trừ quân bị và cổ vũ những cuộc đàm phán mới.

Viện tổ chức các cuộc hội nghị, in ấn các tài liệu và chuẩn bị các dự án. Viện phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học.

d. Khoảng không vũ trụ

LHQ bắt đầu chú ý tới khoảng không vũ trụ từ năm 1957 sau khi con tàu vũ trụ đầu tiên được phóng lên thành công. Sự quan tâm này ngày càng tăng lên theo đà phát triển của tiến bộ khoa học kỹ thuật vũ trụ. LHQ mong muốn sao cho khoảng không vũ trụ được sử dụng vào các mục đích hòa bình và những thành quả thu được từ hoạt động vũ trụ có lợi cho tất cả các quốc gia.

Ủy ban của Đại hội đồng LHQ về nghiên cứu vũ trụ vì mục đích hòa bình được thành lập năm 1959. Ủy ban này là trung tâm của LHQ trong lĩnh vực vũ trụ. Ủy ban có các phân ban pháp lý và khoa học-kỹ thuật. Điều này chứng tỏ rằng LHQ quan tâm tới không chỉ khía cạnh pháp lý mà còn cả khía cạnh khoa học-kỹ thuật của sự hợp tác trong công cuộc chinh phục vũ trụ của loài người.

Với kết quả hoạt động của mình phân ban pháp lý đã soạn thảo năm văn bản pháp lý (hiện nay đã có hiệu lực). Đó là:

+ Hiệp định năm 1966 về các nguyên tắc hoạt động của các quốc gia trong việc nghiên cứu và sử dụng khoảng không vũ trụ (bao gồm cả mặt trăng và các hành tinh khác) quy định rằng: việc nghiên cứu vũ trụ cần được tiến hành trên cơ sở lợi ích của tất cả các quốc gia không phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế và khoa học của chúng; khoảng không vũ trụ là di sản của chung nhân loại được mở ra cho tất cả các quốc gia sử dụng và nghiên cứu trên cơ sở công bằng và phù hợp với luật quốc tế và không ai được chiếm hữu nó; Các hành tinh chỉ được sử dụng vào mục đích hòa bình. Các quốc gia thành viên Hiệp định không được đưa vào quỹ đạo xung quanh trái đất các vệ tinh có chứa vũ khí hóa học và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác. Hiệp định đồng thời xác định trách nhiệm pháp lý quốc tế của các quốc gia vì hoạt động của họ tiến hành ở vũ trụ không phụ thuộc vào việc ai (nhân danh nhà nước hay phi nhà nước) tiến hành các hoạt động đó;

+ Thỏa thuận năm 1967 về cứu giúp các nhà phi hành và sự trở về của họ và các con tàu vũ trụ từ khoảng không vũ trụ: quy định nghĩa vụ giúp đỡ phi hành đoàn trong trường hợp phải hạ cánh miễn cưỡng; thiết lập các quy chế trở về của các con tàu và các bộ phận của nó tới ngoài vùng lãnh thổ của quốc gia mà chúng thuộc về;

+ Công ước năm 1971 về trách nhiệm pháp lý quốc tế vì những thiệt hại do các con tàu vũ trụ gây ra quy định quốc gia có con tàu phải chịu trách nhiệm về thiệt hại mà các con tàu gây ra đối với mặt đất, các máy bay đang bay, các tàu vũ trụ của các quốc gia khác;

+ Công ước năm 1974 về đăng ký các con tàu vũ trụ được đưa vào vũ trụ quy định các quốc gia phải tiến hành đăng ký các con tàu vũ trụ của mình và thông báo về các chuyến tàu vũ trụ cho Trung tâm Đăng ký vũ trụ của LHQ;

+ Thỏa thuận 1979 về hoạt động của các quốc gia tại mặt trăng và các hành tinh khác phát triển một cách cụ thể các nguyên tắc liên quan mặt trăng và các thiên thể trong vũ trụ;

+ Hiệp định 1966 về thiết lập cơ sở cho sự điều chỉnh trong tương lai việc tìm kiếm và khai thác các nguồn tài nguyên của các thiên thể,

Năm 1982 Đại hội đồng LHQ thông qua các nguyên tắc sử dụng các vệ tinh địa tĩnh để truyền hình trực tiếp với nguyên cơ cho rằng hoạt động đó có ý nghĩa quốc tế về mặt chính trị, kinh tế - xã hội và văn hóa.

Một công việc khác của Ủy ban trong lĩnh vực pháp lý là việc soạn thảo các nguyên tắc liên quan sử dụng năng lượng hạt nhân trong vũ trụ.

Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật Ủy ban tập trung mối quan tâm tới chương trình của LHQ về áp dụng kỹ thuật vũ trụ. Trong khuôn khổ của

chương trình Ủy ban tổ chức và tiến hành các cuộc soạn thảo về nghiên cứu vũ trụ và kỹ thuật vũ trụ - những hoạt động được tiến hành với sự phối hợp hoạt động của các chính phủ và các tổ chức quốc tế: tiến hành đào tạo các chuyên gia trong lĩnh vực vũ trụ và các phi công vũ trụ với sự hỗ trợ của các chính phủ và các cơ quan hàng không vũ trụ của các quốc gia; cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật cho các quốc gia thành viên, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển.

Tại cuộc họp của mình vào năm 1990 Đại hội đồng đã chấp nhận khuyến nghị của các uỷ ban về việc LHQ cần thành lập các trung tâm đào tạo mang tính khu vực trong lĩnh vực nghiên cứu vũ trụ và kỹ thuật vũ trụ. Mục đích của việc thành lập các trung tâm như vậy là sự phát triển tri thức và sự hiểu biết của các giảng viên các trường đại học tổng hợp và các chuyên gia về sự nghiên cứu mang tính chất cơ bản và chuyên sâu trong những vấn đề của khoa học và kỹ thuật vũ trụ có vai trò thúc đẩy sự phát triển tiến bộ của các quốc gia.

Ngoài ra Ủy ban tập trung chú ý nhất tới sự phối hợp hoạt động trong lĩnh vực vũ trụ với các tổ chức trong hệ thống LHQ đang thực hiện các dự án áp dụng kỹ thuật vũ trụ vì lợi ích phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động này bao gồm các lĩnh vực thăm dò từ xa, thông tin, các lĩnh vực nghiên cứu kỹ thuật và các lĩnh vực sử dụng kỹ thuật vũ trụ liên quan tới tàu biển và máy bay.

Ngoài ra Ủy ban còn đưa ra các khuyến nghị cho Đại hội đồng về vấn đề thăm dò trái đất từ xa với sự trợ giúp của các con tàu vũ trụ, việc sử dụng các nguồn năng lượng hạt nhân trong vũ trụ, các hệ thống giao thông vũ trụ và việc sử dụng chúng trong hoạt động sau này ở vũ trụ liên quan tới tàu biển và máy bay.

Ngoài ra Ủy ban còn đưa ra các khuyến nghị cho Đại hội đồng về vấn đề thăm dò trái đất từ xa với sự trợ giúp của các con tàu vũ trụ, việc sử dụng các nguồn năng lượng hạt nhân trong vũ trụ, các hệ thống giao thông vũ trụ và việc sử dụng chúng trong hoạt động sau này ở vũ trụ, môi trường vật chất và đặc điểm kỹ thuật của quỹ đạo của các con tàu, sự nghiên cứu về các vấn đề liên quan đời sống con người và liên quan các hành tinh.

LHQ đã tiến hành hội nghị quốc tế về khoảng không vũ trụ: Hội nghị thứ nhất và Hội nghị thứ hai của LHQ về nghiên cứu và sử dụng vũ trụ về mục đích hòa bình (tổ chức tại Việt Nam năm 1968 và 1982). Hội nghị thứ nhất xem xét về các vấn đề về các lợi ích thực tế có thể có được trong kết quả nghiên cứu vũ trụ và mức độ mà các quốc gia phi vũ trụ (không có sự

phát triển khoa học vũ trụ) đặc biệt là các quốc gia đang phát triển, có thể sử dụng. Hội nghị thứ hai phản ánh sự tham gia đông đảo của các quốc gia trong hoạt động vũ trụ, đánh giá tình trạng nghiên cứu vũ trụ và kỹ thuật vũ trụ để phát triển kinh tế-xã hội soạn thảo các chương trình về vũ trụ và vai trò của LHQ.

Hội nghị thứ hai (năm 1982) đã soạn thảo các kiến nghị được Đại hội đồng LHQ thông qua năm 1982 về các vấn đề như sử dụng kỹ thuật vũ trụ, thăm dò trái đất từ xa với sự hỗ trợ của các vệ tinh, việc truyền hình trực tiếp với sự trợ giúp của các vệ tinh. Ủy ban vũ trụ lãnh đạo việc thực hiện các khuyến nghị ấy.

Năm 1989 Đại hội đồng LHQ thông qua sáng kiến quốc tế về việc tuyên bố năm 1992 là năm Quốc tế vũ trụ và thống nhất rằng LHQ cần đóng vai trò xác định trong việc chuẩn bị cho sự việc đó. LHQ tập trung sự chú ý về các vấn đề sử dụng nguồn tài nguyên trái đất, các chương trình giáo dục và giáo dục quần chúng, những thành tựu thu được trong lĩnh vực khoa học và kinh tế chính trị và những biến cố chính trị có thể ảnh hưởng đến sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực vũ trụ.

II. VAI TRÒ CỦA LHQ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

1. Những hoạt động cơ bản

Một mảng hoạt động lớn của LHQ (không kể các chiến dịch gìn giữ hòa bình) liên quan các chương trình nhằm thực hiện trách nhiệm được ghi nhận trong hiến chương nâng cao mức sống, trình độ dân trí và các điều kiện của sự phát triển và tiến bộ về kinh tế và xã hội. Những nỗ lực cơ bản của LHQ được tập trung vào các nước đang phát triển (nơi có hai phần ba dân số thế giới).

Năm 1960 Đại hội đồng LHQ tuyên bố bốn chục năm kế tiếp là các thập kỷ phát triển của LHQ. Trong thập kỷ này LHQ sẽ tập trung hành động của cộng đồng vào các chương trình đang phát triển. Đại hội đồng đã thông qua tuyên ngôn, chương trình hành động và chiến lược phát triển nhằm hướng tới củng cố sự hợp tác quốc tế vì mục đích phát triển.

Để thực hiện theo chiến lược này các ưu tiên của LHQ là: Chương trình phát triển LHQ, chương trình lương thực thế giới và hệ thống cơ quan chuyên môn của LHQ. Cuộc đấu tranh không nhằm đạt được các thỏa thuận về sự phát triển.

Sau khi kết thúc thập niên đầu tiên của sự phát triển LHQ (1961-1970) vấn đề cần thiết soạn thảo một kế hoạch phát triển được đặt ra. Về vấn đề này năm 1970 Đại hội đồng LHQ đã thông qua chiến lược quốc tế về sự phát triển

trong thập niên phát triển thứ hai của LHQ (1971-1980). Đó là bước đi quan trọng trên con đường củng cố sự hợp tác kinh tế quốc tế trên cơ sở công bằng và bình đẳng.

Năm 1974 Đại hội đồng LHQ đã thông qua Tuyên ngôn và Chương trình hành động về việc thiết lập trật tự kinh tế quốc tế mới trên cơ sở công bằng, bình đẳng về chủ quyền, phụ thuộc lẫn nhau, lợi ích chung và sự hợp tác của tất cả các quốc gia, không phụ thuộc vào các hệ thống kinh tế-xã hội. Để hỗ trợ việc thiết lập trật tự kinh tế đó năm 1974 Đại hội đồng LHQ đã thông qua tuyên ngôn về các quyền và nghĩa vụ kinh tế của các quốc gia. Theo đó, mỗi quốc gia có chủ quyền hoàn toàn đối với tài nguyên thiên nhiên trong phạm vi lãnh thổ của mình.

Năm 1979 Đại hội đồng kêu gọi tiến hành các cuộc đàm phán toàn cầu về các vấn đề hợp tác kinh tế quốc tế và những mục đích của sự phát triển. Trong năm sau đó Đại hội đồng đã nhất trí thông qua chiến lược quốc tế về sự phát triển cho sự phát triển về thập niên thứ ba của LHQ (1981-1990).

Tại cuộc họp của Đại hội đồng LHQ đã nhất trí thông qua tuyên ngôn về sự hợp tác kinh tế quốc tế, sau khi nhấn mạnh sự cần thiết khôi phục sự phát triển và tăng cường kinh tế của các nước đang phát triển.

Tuyên ngôn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạo ra bầu không khí của sự hợp tác kinh tế quốc tế lành mạnh, việc tiến hành chính sách đối nội tương ứng và sự phát triển nguồn nhân lực. Trong tuyên ngôn thể hiện các hướng ưu tiên mới như quốc tế hóa các quốc gia Đông Âu vào nền kinh tế quốc tế, bảo vệ môi trường, giảm chi phí quân sự quốc tế hóa kinh tế khu vực.

Tuyên ngôn được coi là nền tảng cơ sở để năm 1990 Đại hội đồng thông qua chiến lược phát triển quốc tế và thập niên phát triển LHQ lần thứ tư (1991-2000).

Chiến lược có ý nghĩa quan trọng đó với sự tăng cường mối quan hệ phụ thuộc giữa một bên là sự tăng trưởng và phát triển với bên kia là việc bảo đảm các điều kiện sống tốt hơn. Về điều kiện sống Chiến lược đặt ra bốn lĩnh vực ưu tiên: vấn đề nghèo đói, nguồn nhân lực và sự phát triển các trường đại học, dân số, môi trường. Chiến lược xác định các điều kiện tiên quyết yêu cầu có sự tập trung chú ý để cho sự tăng trưởng và phát triển: nợ nước ngoài, phát triển tài chính, ngoại thương và thị trường hàng hóa. Chiến lược đồng thời thừa nhận sự cần thiết của mô hình hóa và cải tổ nền công nghiệp và nông nghiệp của các nước đang phát triển để sao cho họ có thể sử dụng được thành tựu khoa học và kỹ thuật.

Việc tăng cường mối quan hệ qua lại giữa sự tăng trưởng kinh tế và sự thịnh vượng là một yếu tố quan trọng của sự phát triển trong những năm chín mươi. Sự phát triển xã hội được coi là yếu tố quan trọng nhất của sự tăng trưởng: nó đảm bảo bầu không khí thuận lợi cho sự phát triển kinh tế bởi vì nó chính là cơ sở khai thác tiềm năng của nhân dân và Nhà nước.

LHQ luôn thừa nhận vai trò hàng đầu của sự phát triển xã hội. Chính vì vậy mà các chương trình của LHQ đã đề cập các vấn đề xã hội như: dân số, đấu tranh chống tội phạm và sự kiểm tra đối với việc vận chuyển chất ma túy, chính sách đối với các nhóm dân cư cụ thể như phụ nữ, trẻ em và người tàn tật. Trung tâm của chiến lược các vấn đề phát triển xã hội gắn bó với mối quan tâm ngày càng tăng về các vấn đề sinh thái và sự cần thiết hiện nay của việc soạn thảo chiến lược phát triển một cách hài hòa.

Để đạt được thành tựu mang tính chất toàn cầu trong vấn đề phát triển kinh tế - xã hội LHQ đã được đưa ra sáng kiến tổ chức một loạt các hội nghị quốc tế về các vấn đề: trẻ em (năm 1990), môi trường và phát triển (1992), dân số và phát triển (1994), phát triển xã hội (1995), phụ nữ (1995) và các vùng dân cư (1996).

2. Những hoạt động cụ thể

a. Chương trình phát triển

Tháng 5/1994 Tổng thư ký LHQ đã trình bày bản dự thảo về quan điểm mới có sự phát triển và tăng cường nỗ lực của con người với tên gọi là Chương trình phát triển. Tháng 12/1992 Đại hội đồng LHQ đưa ra khuyến nghị về tăng cường vai trò của LHQ trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về sự phát triển.

Tổng thư ký LHQ nhấn mạnh rằng mỗi một tiêu chí bất kỳ trong năm tiêu chí của sự phát triển: hòa bình, kinh tế, môi trường, công bằng xã hội và dân chủ đều là những bộ phận cấu thành quan trọng của sự phát triển. Sự tăng trưởng kinh tế là động lực của sự phát triển. Và để đảm bảo cho sự tăng trưởng đó, Tổng thư ký đề nghị tiến hành đường lối chính trị thực dụng để có thể khai thác các lợi thế nền kinh tế thị trường. Sự tăng trưởng nền kinh tế đòi hỏi phải đầu tư phát triển con người. Và sự tăng trưởng kinh tế đó sẽ mang tính bền vững khi nó đảm bảo vấn đề việc làm, hạ thấp tình trạng đói nghèo và hoàn chỉnh cơ cấu phân chia thu nhập.

Theo Tổng thư ký LHQ, một vấn đề quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển là hòa bình, công bằng và dân chủ. Không có hòa bình không thể có sự sử dụng năng lực con người một cách có hiệu quả, không có công bằng xã hội sẽ dẫn tới sự mất ổn định xã hội. Và, cuối cùng, không có tự do chính trị (dân chủ) thì sự phát triển sẽ trở nên mong manh và đầy mạo hiểm.

LHQ nói chung và Hội đồng kinh tế - xã hội nói riêng đóng một vai trò quan trọng trong việc xác định các hướng ưu tiên phát triển và sự phối hợp hoạt động hỗ trợ. Sự tích cực hoạt động hóa của Hội đồng có thể củng cố sự hợp tác chính trị ngay bên trong LHQ nói chung.

Tháng 11-1994, trên cơ sở ý kiến và đề xuất của các quốc gia thành viên, Tổng thư ký LHQ trình bày trước Đại hội đồng Bản kiến nghị về chương trình phát triển.

Trong bản kiến nghị có bốn luận điểm cơ bản là: phát triển cần được coi là nhiệm vụ quan trọng của thời đại hiện nay; nó cần được xem xét dưới nhiều góc độ; kinh tế, bảo vệ môi trường, phát triển cần được điều chỉnh trong sự hợp tác quốc tế; LHQ đóng vai trò trong lãnh đạo chính trị và cả trong hoạt động cụ thể.

b. Hội nghị toàn thế giới cấp nguyên thủ các quốc gia và các chính phủ về các vấn đề về phát triển xã hội.

Ý thức về vai trò xã hội của sự phát triển đã thúc đẩy Đại hội đồng LHQ tổ chức hội nghị toàn thế giới trên vào năm 1992. Đại hội đồng thông qua quyết định đưa ra xem xét tại hội nghị đó và các vấn đề căn bản hướng tới tất cả các quốc gia: củng cố sự quốc tế hóa xã hội hạ thấp mức độ nghèo đói, đảm bảo việc làm.

Tại hội nghị các nguyên thủ các quốc gia và các chính phủ được tổ chức vào tháng 3 -1992 tại Cô-pen-ha-ghen Đan Mạch, lãnh đạo của 117 nước đã ra tuyên bố về mong muốn của mình trong việc giải quyết các vấn đề xã hội nhất là các vấn đề liên quan tới tất cả các tầng lớp dân cư của các nước (trong đó có các vấn đề như nghèo đói, thất nghiệp và công bằng xã hội). Hội nghị đã thông qua tuyên ngôn và chương trình hành động trong đó có đề xuất các biện pháp xóa bỏ sự không công bằng xã hội trong nội bộ các nước và giữa các nước và khuyến khích các chương trình phát triển xã hội.

Tuyên ngôn trên ghi nhận các nghĩa vụ sau đây của các quốc gia:

- + Loại bỏ sự bất bình đẳng trong một thời hạn do các quốc gia tự ấn định;
- + Đảm bảo việc làm như là một mục đích cơ bản của đường lối chính trị;
- + Thúc đẩy sự quốc tế hóa xã hội trên cơ sở bảo vệ nhân quyền;
- + Thúc đẩy sự công bằng bình đẳng giữa nam và nữ;
- + Tăng cường sự phát triển của châu Phi và các nước chậm phát triển khác;
- + Đảm bảo việc đưa các mục đích phát triển xã hội vào các chương trình điều chỉnh cơ cấu kinh tế - xã hội;
- + Tăng cường nguồn đầu tư phát triển xã hội;
- + Tạo các điều kiện cho sự phát triển xã hội của mọi người;

- + Đảm bảo cho tất cả được hưởng dịch vụ giáo dục và y tế tối thiểu;
- + Thúc đẩy sự hợp tác về các vấn đề phát triển xã hội trong khuôn khổ LHQ.

Đề tài trọng tâm của cuộc hội thảo tại hội nghị là sự phát triển hợp tác quốc tế về các vấn đề làm tốt hơn các điều kiện sống. Cố gắng cơ bản nhất là sự tìm kiếm một giải pháp tối ưu trong vấn đề giải quyết nợ nước ngoài của các quốc gia đang phát triển và sự cần thiết phân bổ lại các nguồn đầu tư cho phù hợp với các hướng ưu tiên của sự phát triển xã hội.

c. Các biện pháp trong lĩnh vực kinh tế - xã hội.

LHQ luôn tập trung nỗ lực nhằm đảm bảo cho sự phát triển toàn diện (trong đó, Hội đồng kinh tế và xã hội đóng vai trò quan trọng).

Để giúp đỡ các chính phủ thiết lập một nền tảng có hiệu quả cho sự phát triển, LHQ và các tổ chức chuyên môn của mình đã hỗ trợ trong việc soạn thảo các kế hoạch phát triển của các quốc gia (các kế hoạch hướng tới sự tiến bộ cân đối giữa kinh tế và xã hội, việc sử dụng một cách tốt nhất các nguồn nhân lực, tài chính và tài nguyên). Các tổ chức đó giúp đỡ các nước đang phát triển trong việc huy động các nguồn tài chính cần thiết cho các chương trình phát triển bằng cách như tăng thu nhập từ xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài.

Sự chú ý nhất được dành cho các chương trình liên quan phát triển các nguồn nhân lực, xóa bỏ nghèo nàn, hoạt động trong lĩnh vực dân số, làm tốt hơn các điều kiện cho phụ nữ, kiểm soát ma túy, áp dụng các thành quả khoa học kỹ thuật vì mục đích sự phát triển, bảo vệ môi trường.

Những chương trình lớn của LHQ tập trung vào các nhóm dân cư cụ thể: trẻ em, thanh niên, người tàn tật, nhập cư và tỵ nạn.

Các chương trình phát triển của một số quốc gia cụ thể được tiến hành theo yêu cầu của chính phủ hữu quan. Các chương trình khác do các phân ban khu vực của LHQ tiến hành: phân ban châu Phi, phân ban châu Á và châu Đại Dương, phân ban Tây Á, Phân ban châu Mỹ La Tinh và vùng biển Ca-ri-bê và phân ban châu Âu.

Trong năm 1993, ngân sách của LHQ dành cho các chương trình phát triển là 4,9 tỷ đôla Mỹ. Trong đó 40,4% - châu Phi; 20,1% là châu Á và châu Đại Dương; 12,3% châu Mỹ; 4,4 Tây Á và 18% - các chương trình liên khu vực. Các quốc gia chậm phát triển nhất đã nhận được 43% sự giúp đỡ trên. Trong số các lĩnh vực khác phần chi phí lớn nhất được dành cho các lĩnh vực bảo vệ sức khỏe, kinh tế nông nghiệp, ngành lâm nghiệp, ngành ngư nghiệp và sự phát triển chung.

Theo Hiến chương LHQ, Hội đồng kinh tế - xã hội là cơ quan chính của LHQ chịu trách nhiệm tổ chức sự phối hợp hoạt động của LHQ với các tổ chức chuyên môn của nó trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Hội đồng cũng là diễn đàn chính để thảo luận các vấn đề kinh tế - xã hội quốc tế và để soạn thảo các khuyến nghị mang tính chất chính trị.

Ủy ban phát triển xã hội bao gồm 32 thành viên là uỷ ban chức năng của Hội đồng kinh tế - xã hội được thành lập để tư vấn cho Hội đồng về các vấn đề kinh tế - xã hội. Ủy ban tiến hành họp thường kỳ hai năm một lần để xem xét các vấn đề: để thúc đẩy sự tiến bộ xã hội, xác định các nhiệm vụ và các hướng ưu tiên của các chương trình phát triển, tổ chức nghiên cứu xã hội trong các lĩnh vực có ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội.

Ban thư ký có phòng phối hợp chính trị và sự phát triển hợp lý thực hiện phối hợp các chức năng của Hội đồng kinh tế - xã hội và các cơ quan của nó nhằm xác định đường lối chính sách, liên kết các vấn đề kinh tế - xã hội và môi trường vào các vấn đề chính sách lớn như: tăng trưởng kinh tế và sự điều chỉnh, cuộc đấu tranh với đói nghèo, quyền của phụ nữ, trẻ em, người tàn tật và người lao động nước ngoài.

Phòng thông tin kinh tế - xã hội và phân tích chính sách đóng vai trò tiên phong trong khuôn khổ LHQ về việc soạn thảo và phổ biến thông tin kinh tế - xã hội. Lĩnh vực hoạt động cơ bản của phòng: sự chuẩn bị và phổ biến các tài liệu chiến lược về các vấn đề kinh tế - xã hội; phân tích các xu hướng lâu dài (bao gồm xu hướng dân số); soạn thảo các dự án; thực hiện sự giám sát toàn cầu và đánh giá các chính sách về lĩnh vực kinh tế - xã hội; xác định các vấn đề mới cần có sự chú ý của cộng đồng.

Ban phục vụ về hỗ trợ và phối hợp sự phát triển đóng vai trò là trung tâm điều phối về các vấn đề hợp tác kỹ thuật. Ban hoạt động với tư cách là cơ quan thừa hành tiến hành giải quyết các vấn đề về phát triển các cơ quan và xí nghiệp và phát triển nguồn nhân lực. Trong lĩnh vực hợp tác kỹ thuật Ban tập trung sự chú ý đến các nước chậm phát triển, các nước có sự thay đổi nền kinh tế.

d. Chương trình phát triển của LHQ

Chương trình phát triển của LHQ là chương trình hướng tới sự phát triển một cách bền vững nguồn nhân lực - chương trình vì con người trên cơ sở tính tới các khía cạnh môi trường. Chương trình được hình thành từ năm 1965 trên cơ sở hợp nhất hai chương trình hợp tác kỹ thuật của LHQ. Nguồn tài chính của chương trình được hình thành từ sự đóng góp tự nguyện của các quốc gia thành viên của LHQ và các tổ chức liên quan (khoảng một tỷ đô

la Mỹ). Ủy ban chấp hành của chương trình bao gồm 36 thành viên (đại diện của cả các quốc gia phát triển và các quốc gia đang phát triển). Ủy ban này thông qua các quyết định mang tính chất đường lối.

Chương trình được thành lập vì ba mục đích chủ yếu là:

- + Hỗ trợ để đảm bảo cho LHQ có năng lực lãnh đạo công việc điều chỉnh sự phát triển hài hòa nguồn nhân lực;

- + Tập trung các nguồn lực của mình vào việc giải quyết các nhiệm vụ chính để đảm bảo cho sự phát triển hài hòa các nguồn nhân lực, loại bỏ đói nghèo, cải thiện môi trường, tạo việc làm và cải tạo đời sống của phụ nữ;

- + Củng cố sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển hài hòa nguồn nhân lực và tập trung nguồn lực lớn để thực hiện nhiệm vụ này.

Thông qua một mạng lưới lớn (bao gồm 136 đại diện) Chương trình thực hiện sự hợp tác với các chính phủ, các tổ chức dân sự của các cá nhân của khoảng 195 quốc gia đang phát triển và các vùng lãnh thổ. Để thực hiện các dự án và các chương trình dưới sự bảo trợ của mình chương trình thu hút tiềm năng kỹ thuật nội bộ của các nước đang phát triển, đồng thời các chuyên viên của hơn 30 tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ.

Trung tâm của chương trình nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng trong điều kiện là con người, tập trung chủ yếu của chương trình là khơi dậy tiềm năng của các nước trong cuộc đấu tranh chống đói nghèo, trong sự phát triển của các tầng lớp bản cùng của xã hội, trong việc bảo vệ môi trường, và sử dụng một cách hài hòa nguồn tài nguyên thiên nhiên, trong sự phát triển các hệ thống quản lý, trong sự hợp tác kỹ thuật giữa các quốc gia đang phát triển, trong sự chuyển giao và áp dụng các thành tựu kỹ thuật, trong việc cải thiện đời sống của phụ nữ. Chương trình tiến hành sự hỗ trợ các nhà kinh doanh và coi đó như một công cụ của việc làm và hạ thấp tình trạng đói nghèo. Để giải quyết các vấn đề thu hút sự quan tâm của tất cả các quốc gia và các nhóm nước-các chương trình mang tính toàn cầu và liên khu vực được hình thành như các chương trình an ninh nhân loại, bảo vệ bà mẹ và chống ma túy.

Nhóm các chuyên viên tự do của chương trình hàng năm chuẩn bị bản báo cáo về phát triển nguồn nhân lực để nhằm giúp đỡ cộng đồng quốc tế trong việc xây dựng các luận điểm mới về mặt lý luận và thực tiễn. Các biện pháp tài liệu nhằm hỗ trợ cho chương trình phát triển về con người.

Chương trình thường đóng vai trò là người điều phối chủ yếu các biện pháp trong lĩnh vực phát triển được thông qua trong khuôn khổ LHQ. Một trong các hướng hoạt động của Chương trình là phân bổ các quỹ đặc biệt (như

quỹ phát triển vốn đầu tư của LHQ, Chương trình của những người tự nguyện của LHQ để phát triển vì lợi ích của phụ nữ).

Chương trình giúp đỡ các nước đang phát triển trong việc chuẩn bị cho các cuộc hội nghị lớn của LHQ (như hội nghị về các vấn đề môi trường và sự phát triển năm 1992, Hội nghị toàn thể của các nguyên thủ các quốc gia và các chính phủ về các vấn đề phát triển xã hội, Hội đồng toàn thế giới vì phụ nữ năm 1995). Sau này chương trình còn giúp đỡ các nước trong việc thực hiện các kế hoạch hành động theo tinh thần của các hội nghị trên và huy động các nguồn lực cần thiết.

e. Thương mại và phát triển

- Hội nghị của LHQ về thương mại và phát triển.

- Hội nghị đầu tiên của LHQ về thương mại và phát triển được tổ chức tại Giơ-ne-vơ năm 1964 đã ra quyết định về thành lập hội nghị với tư cách là cơ quan thường trực của Đại hội đồng LHQ về thương mại và phát triển (tháng 12 năm 1964).

Các thành viên của hội nghị là quốc gia thành viên LHQ và một số quốc gia không phải là thành viên. Ban thư ký của Hội nghị đóng tại Giơ-ne-vơ. Hội nghị là cơ quan của Đại hội đồng chuyên giải quyết các vấn đề thương mại và phát triển. Hội nghị có trách nhiệm hỗ trợ thương mại quốc tế, đặc biệt là của các nước đang phát triển với mục đích tăng tốc sự phát triển kinh tế của họ. Hội nghị có các chức năng sau: xác định chính sách tổ chức tiến hành các cuộc hội thảo quốc tế; tiến hành giám sát thường kỳ, thực hiện các quyết định và thông qua các biện pháp tiếp theo; tổ chức hợp tác kỹ thuật.

Động lực của hoạt động của Hội nghị chính là sự thừa nhận các lợi ích phụ thuộc lẫn nhau của các quốc gia từ các khu vực và các trình độ phát triển khác nhau. Sự quan tâm cơ bản của Hội nghị được tập trung vào sự hỗ trợ chính sách của mỗi quốc gia và sự hợp tác quốc tế để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế đối ngoại. Trong số các khuyến nghị của Hội nghị về chính sách có các luận điểm về trao đổi các vấn đề phát triển được đặt ra trong kế hoạch hành động của LHQ. Đó là các luận điểm về: quản lý một cách tối ưu ở cấp quốc gia cũng như quốc tế, vai trò của thị trường, các vấn đề làm giảm tình trạng nghèo đói và phát triển nguồn nhân lực, tầm quan trọng của dân chủ và quyền con người với tính chất là các yếu tố của sự phát triển.

Các cuộc đàm phán được tiến hành dưới sự bảo trợ của Hội nghị đã thu được các kết quả sau:

+ Thỏa thuận về các hệ thống kim ngạch chung liên quan xuất nhập khẩu (kết quả là xuất khẩu của các nước đang phát triển sang thị trường các nước phát triển đã đạt tới 70 tỷ đô la Mỹ);

+ Thỏa thuận về hệ thống kim ngạch thương mại toàn cầu giữa các nước đang phát triển (1989);

+ Thỏa thuận về tổng thể các quy định để giám sát thực tiễn kinh doanh (1980);

+ Thỏa thuận quốc tế về cung ứng hàng hoá nguyên liệu trong đó có: cao su, chè, đường, mía, ca cao, bơ;

+ Các nhóm nghiên cứu cấp chính phủ về hàng hoá nguyên liệu (1989) được sử dụng để cung cấp tài chính cho việc hình thành nguồn dự trữ hàng hoá quốc tế và để tiến hành nghiên cứu và soạn thảo đối với các loại hàng hoá riêng biệt;

+ Làm giảm tình trạng tăng nợ nước ngoài của các quốc gia đang phát triển, đặc biệt là các nước nghèo nhất;

+ Các nguyên tắc chỉ đạo của các hành động quốc tế trong lĩnh vực xem xét lại thời hạn trả nợ (1980);

+ Thỏa thuận về chương trình hành động cơ bản mới có lợi cho các nước nghèo nhất (1990);

+ Các Công ước của LHQ trong lĩnh vực hàng hải: Công ước về bộ luật các hành vi trong hàng hải theo tuyến (1974); Công ước về vận chuyển hàng hoá quốc tế (1978); Công ước vận chuyển hàng hoá quốc tế hỗn hợp (1980); Công ước về các điều kiện đăng ký tàu biển (1986); Công ước về luật biển liên quan giữ lại và cầm cố (1993).

Cơ cấu của Hội nghị thương mại phát triển (HNTMPT) bao gồm các cơ quan sau: Hội nghị (cơ quan cao nhất xác định đường lối chính sách của tổ chức), Hội đồng về thương mại và phát triển và các cơ quan giúp việc cho Hội đồng, Ban thư ký thường trực.

Cơ quan chấp hành của Hội nghị là Hội đồng về thương mại và phát triển. Hội đồng tiến hành họp hai lần trong năm: vào mùa xuân và mùa thu.

Năm 1992, Hội nghị thành lập bốn uỷ ban thường trực: về hàng hoá nguyên liệu, về giảm đói nghèo, về hợp tác kinh tế giữa các nước đang phát triển, về phát triển các loại hình dịch vụ: dịch vụ, cung ứng và bảo hiểm.

Năm 1994 Hội đồng thành lập ba nhóm làm việc chuyên môn mới về: thương mại, môi trường và phát triển; vai trò của các doanh nghiệp trong sự phát triển; các khả năng thương mại trong điều kiện trật tự thương mại quốc tế mới.

- Hoạt động đầu tư và các công ty xuyên quốc gia.

Các công ty xuyên quốc gia là những người tổ chức then chốt hoạt động kinh tế thế giới trong thời buổi hiện nay. Hoạt động của chúng đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc đảm bảo khả năng cạnh tranh của các quốc gia của chúng và các quốc gia tiếp nhận chúng.

Trên thế giới hiện nay tồn tại khoảng trên ba nghìn công ty mẹ với hơn 200 ngàn công ty nhánh (con) ở các quốc gia nước ngoài. Khối lượng hàng hoá do các công ty chi nhánh bán ra ở nước ngoài trên toàn thế giới vượt trên khối lượng xuất khẩu hàng hóa là phương thức quan trọng của việc cung ứng hàng hoá trên thị trường quốc tế.

Vào cuối năm 1990 khối lượng đầu tư nước ngoài trực tiếp của các công ty xuyên quốc gia là hàng tỷ đô la Mỹ. Khối lượng đầu tư vào các quốc gia đang phát triển tăng lên 5 lần (từ năm 1985 - 1990) và tới năm 1993 đạt gần 80 tỷ đô la (bằng tổng số đầu tư trên toàn thế giới năm 1986). Sự đầu tư này kéo theo sự gia tăng hoạt động chuyển giao công nghệ và mở rộng thị trường quốc tế.

Với mục đích phát triển các nước trong việc chuyển hoá nền kinh tế của mình, hiểu biết tốt cho bản thân của các công ty xuyên quốc gia và tiếp thu được những ưu tiên trong quan hệ với chúng từ năm 1974 LHQ tiến hành hoạt động trợ giúp họ bằng cách cung cấp dịch vụ tư vấn và kỹ thuật khác nhau, tiến hành nghiên cứu và cung cấp các thông tin về các công ty xuyên quốc gia. Chương trình này do Hội nghị thương mại và phát triển (HNTMPT) thực hiện từ năm 1993 qua phân ban các công ty xuyên quốc gia và đầu tư.

Vào những năm 1990, đầu tư nước ngoài trực tiếp trở thành yếu tố năng động của sự phát triển của nền kinh tế thế giới. Các chính phủ bắt đầu tập trung thực hiện chính sách kinh tế mở. Trong bối cảnh đó chương trình tiến hành tư vấn cho các chính phủ về các vấn đề mở rộng và củng cố quá trình làm giảm bớt và thay thế sự điều chỉnh của nhà nước về quy chế thu hút và khuyến khích đầu tư nước ngoài. Trong số các đề án đó có đề án hình thành các quy chế khuyến khích đầu tư. Phân ban của HNTMPT không chỉ tiến hành hoạt động trong việc xác định các khung pháp lý đối với đầu tư nước ngoài, mà còn tham gia vào soạn thảo các chương trình kinh tế rộng lớn có ý nghĩa quan trọng đối với việc chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và tiến hành hoạt động kinh tế đối ngoại.

Ngoài ra, phân ban còn tiến hành các hoạt động sau:

+ Nghiên cứu các xu hướng đầu tư quốc tế, tính chất và hậu quả của nó đối với các quốc gia đầu tư và quốc gia tiếp nhận đầu tư;

+ Hợp tác kỹ thuật đối với các quốc gia đang phát triển và các nhà kinh tế trong việc thực hiện chuyển đổi các nước đó trên cơ sở tính tới việc thu hút đầu tư nước ngoài làm tốt hơn quan hệ với các công ty xuyên quốc gia;

+ Cung cấp dịch vụ thông tin cho các chính phủ và các tổ chức phi chính phủ về các vấn đề liên quan đầu tư nước ngoài và các công ty xuyên quốc gia.

f. Chương trình của LHQ về môi trường.

Theo quyết định Hội nghị của LHQ về môi trường tại Stốc khôm năm 1992, Chương trình của LHQ về môi trường (CTMT) được thành lập như là cơ quan đầu tiên của LHQ trong lĩnh vực môi trường.

Nhiệm vụ cơ bản của CTMT là phối hợp khuyến khích sự hợp tác trong các vấn đề bảo vệ môi trường bằng cách đảm bảo cho các dân tộc có điều kiện sống tốt hơn nhưng không làm phương hại tới lợi ích của các thế hệ mai sau.

CTMT bao gồm ba cơ quan chính: Hội đồng quản lý (bao gồm 58 thành viên nhận sự phó thác của Đại hội đồng thông qua Hội đồng kinh tế xã hội); Ban thư ký (giúp Hội đồng quản lý và làm một số công việc khác); Quỹ CTMT (được sử dụng để tài trợ cho các sáng kiến về môi trường).

CTMT nhận được 7% chi phí cho hoạt động của mình từ quỹ của LHQ; phần chi phí còn lại do các quốc gia thành viên đóng góp.

Ngoài việc hoàn thành các nhiệm vụ cơ bản ở quy mô toàn cầu và khu vực CTMT tiến hành các hoạt động về các vấn đề: phối hợp phân chia và sử dụng một cách hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên; sản xuất và tiêu dùng một cách hợp lý; xây dựng môi trường trong lành đối với sức khỏe và sự thịnh vượng của con người; xu hướng phát triển toàn cầu và bảo vệ môi trường. Hoạt động của CTMT bao trùm một phạm vi rộng lớn của các vấn đề về môi trường: thay đổi thành phần kinh tế và khí hậu, nguồn nước, các vùng đại dương và môi trường, vấn đề về hủy hoại rừng và sa mạc hoá, giảm bớt các loại côn trùng, bảo vệ sức khỏe và an toàn hoá chất.

Việc quản lý các vấn đề về môi trường và công nghiệp của CTMT đặt ra nhu cầu nắm bắt thông tin thực tế và góp phần củng cố mối quan hệ giữa công nghiệp với các cơ quan của các chính phủ nhằm đảm bảo môi trường cho sự phát triển công nghiệp trên cơ sở hợp tác kỹ thuật và chuyển tải thông tin.

Trên cơ sở phù hợp với các chương trình khu vực biển của mình CTMT hỗ trợ việc bảo vệ môi trường biển và đảm bảo việc sử dụng biển một cách có tính trước và hợp lý nguồn tài nguyên biển. Hiện nay có rất nhiều các kế hoạch khác nhau đang được thực hiện và đang trong quá trình soạn thảo. Các kế hoạch đó đề cập tới 13 khu vực và hơn 140 quốc gia.

Ngoài ra CTMT còn tiến hành hoạt động trong các lĩnh vực như môi trường công nhân, năng lượng, công nghệ, các vùng dân cư và sự phát triển kinh tế ở mức độ môi trường cho phép.

g. Các vùng dân cư

- Trung tâm vùng dân cư (trung tâm)

Trung tâm được thành lập năm 1978 có trụ sở tại Kênia. Hoạt động của trung tâm được tập trung vào lĩnh vực phát triển các vùng dân cư, cơ quan này bao gồm 58 thành viên hoạt động giúp đỡ các quốc gia và các khu vực trong việc giải quyết vấn đề các vùng dân cư và hỗ trợ sự phát triển hợp tác quốc tế.

Trung tâm có các nhiệm vụ cơ bản sau: cung cấp sự giúp đỡ kỹ thuật cho các chương trình cấp chính phủ; phổ biến thông tin trên toàn thế giới về các vấn đề các vùng dân cư hoạt động của Trung tâm.

Trong các năm 1994 - 1995 chương trình của Trung tâm bao gồm 7 chương trình nhánh: các vấn đề chính sách và chiến lược có quy mô toàn cầu: chính sách của các quốc gia và các tài liệu; phối hợp sự phát triển các vùng dân cư; hoàn thiện các điều kiện môi trường đối với đời sống; giảm bớt hậu quả thiệt hại và củng cố các cơ quan địa phương giảm bớt nghèo đói và đảm bảo bình đẳng.

h. Thực phẩm và nông nghiệp

LHQ đã quan tâm đến vấn đề thực phẩm và nông nghiệp ngay từ ngày đầu thành lập của mình. Đó là việc LHQ thành lập Tổ chức Nông lương của LHQ (FAO - năm 1945). Ngoài ra LHQ còn thành lập các tổ chức khác như: Quỹ quốc tế về phát triển nông nghiệp, Chương trình lương thực thế giới, Hội đồng lương thực toàn cầu và uỷ ban về các vấn đề an toàn lương thực thế giới.

- Chương trình lương thực thế giới (chương trình).

Chương trình là cơ quan của LHQ được thành lập năm 1963 tại Roma. Chương trình giải quyết các vấn đề đấu tranh với nạn đói và bản cùng trên toàn cầu. Chương trình tiến hành sự giúp đỡ nhân đạo cho các nạn nhân của các vụ thảm họa thiên nhiên và chiến tranh, cung cấp thực phẩm cho các tầng lớp nghèo ở các quốc gia đang phát triển, tạo điều kiện cho họ có thể tự đảm bảo được ở cấp độ gia đình.

Chương trình có các đại diện của mình tại 83 nước trên thế giới. Là một tổ chức lương thực lớn trên thế giới, Chương trình đã tiến hành sự giúp đỡ lương thực với khối lượng chiếm 26% sự giúp đỡ toàn cầu. Năm 1994 chương trình cung cấp tới 3,3 tỷ tấn lương thực bằng các phương tiện giao thông khác

nhau. Chương trình còn tổ chức mua và vận chuyển phần lớn khối lượng lương thực viện trợ tới các nước cụ thể.

Chương trình trở thành tuyến chủ yếu trong việc cung cấp và phối hợp với sự giúp đỡ lương thực nhân đạo. Năm 1994 sự giúp đỡ lương thực đặc biệt chiếm 81% toàn bộ số lương thực, với giá trị 1,1 đô la Mỹ. Phụ nữ và trẻ em - là những đối tượng chủ yếu nhận được sự giúp đỡ của Chương trình.

Hội đồng lương thực toàn thế giới (Hội đồng).

Hội đồng được thành lập theo quyết định của Đại hội đồng năm 1974 để xem xét các vấn đề chính sách lương thực lớn ảnh hưởng tới tình hình lương thực trên thế giới và soạn thảo giải pháp tổng thể để giải quyết vấn đề.

Hội đồng (bao gồm các đại diện và các thành viên của các chính phủ) là cơ quan của LHQ ở cấp đại diện cao chuyên giải quyết các vấn đề lương thực. Hội đồng thường đưa vào chương trình nghị sự của mình các nhiệm vụ mang tính toàn cầu, soạn thảo các giải pháp để giải quyết chúng và huy động các nguồn tài chính và chính trị của các nước thành viên để giải quyết các nhiệm vụ đó. Các cuộc họp của hội đồng thường được tiến hành mỗi năm một lần, tuy nhiên, chúng có thể còn được tiến hành trong các trường hợp đặc biệt.

Một trong các sáng kiến quan trọng mà Hội đồng đưa ra là soạn thảo học thuyết chiến lược lương thực quốc gia để phối hợp với chính sách của quốc gia ở cấp cao trong lĩnh vực lương thực và kinh tế lương thực của các quốc gia đang phát triển. Chiến lược đó bao gồm các chương trình trung hạn và ngắn hạn để vượt qua xu hướng sự tăng trưởng sản xuất mang tính tiêu cực và yêu cầu tập trung nỗ lực của các chính phủ và sự giúp đỡ của các tổ chức về viện trợ trên cơ sở đa phương và song phương.

Trong thập niên cuối cùng của thế kỷ XX Hội đồng tập trung vào xem xét các biện pháp tiến hành hỗ trợ quốc tế cho các quốc gia đang phát triển, trong đó có việc cung cấp nguyên vật liệu và chuyển giao kỹ thuật. Hội đồng soạn thảo các kiến nghị về tăng cường hợp tác kỹ thuật giữa các quốc gia đang phát triển thông qua sự trao đổi cùng có lợi kinh nghiệm về chiến lược chính sách. Hội đồng đã tiến hành xem xét các yếu tố tích cực và tiêu cực của cuộc cách mạng xanh tại châu Phi trên cơ sở tính tới các đặc trưng của khu vực này. Hội đồng khuyến khích áp dụng các biện pháp đảm bảo một mức độ cần thiết về dinh dưỡng cho người nghèo. Về công việc này Hội đồng thành lập nhóm thông tin với các đại diện của các tổ chức đa thành phần, bao gồm cả các tổ chức tài chính quốc tế, để có sự thống nhất chung cho hành động trong các lĩnh vực cụ thể của việc tiến hành chính sách trên.

Từ năm 1993 các chức năng hoạt động của ban thư ký Hội đồng đã được chuyển cho ban thư ký phối hợp chính sách và phát triển hợp lý, trong đó có cả trách nhiệm phối hợp hoạt động trong lĩnh vực an toàn lương thực và đấu tranh với nghèo đói trên phạm vi toàn thế giới.

Ủy ban về các vấn đề an toàn lương thực trên toàn cầu (FAO).

Ủy ban FAO được thành lập năm 1975 là một cơ quan duy nhất của LHQ có trách nhiệm chuyên về tiến hành thanh tra thường xuyên đánh giá và đưa các kết luận tư vấn các vấn đề an toàn lương thực trên toàn cầu. Ủy ban: phân tích các nhu cầu lương thực, đánh giá trữ lượng hiện tại và khả năng vận chuyển các loại thực phẩm dinh dưỡng cơ bản; tiến hành kiểm tra thường xuyên các nguồn dự trữ lương thực trên toàn cầu. Ủy ban đồng thời đề xuất các kiến nghị về các vấn đề thông qua các biện pháp ngắn và dài hạn nhằm đảm bảo mức độ cần thiết việc cung ứng các loại ngũ cốc.

Trong quá trình hoạt động của mình ủy ban dựa vào sự trợ giúp của một mạng lưới rộng lớn của sự kiểm tra thường xuyên và thăm dò vũ trụ của FAO. Một mắt xích quan trọng của hệ thống này là Hệ thống thông tin toàn cầu và những thông tin trước đó. Hệ thống này có một sự thừa nhận rộng rãi với tính chất như một nguồn thông tin quốc tế có uy tín về các vấn đề lương thực và dự báo trước về những thảm họa thiên nhiên đó với các quốc gia đang phát triển.

Dân số và sự phát triển

LHQ quan tâm tới vấn đề dân số ngay từ ngày đầu thành lập. Ủy ban về dân số và phát triển được thành lập năm 1947 là một trong các ủy ban chức năng của Hội đồng kinh tế xã hội. Phân ban dân số của ban thông tin kinh tế xã hội và phân tích chính sách thực hiện chức năng thư ký cho Ủy ban ngay từ ngày thành lập.

Ủy ban giải quyết các vấn đề thực hiện chương trình dân số của LHQ. Ủy ban có nhiệm vụ: đề xuất các kiến nghị cho Hội đồng về tổ chức nghiên cứu các vấn đề và các xu hướng phát triển trong lĩnh vực nhân khẩu học, trong đó có các yếu tố xác định và hậu quả của sự phát triển; phối hợp chiến lược trong lĩnh vực dân số và phát triển; mối quan hệ giữa các vấn đề nhân khẩu học với các phát triển có liên quan; các vấn đề đường lối chính trị và các chương trình phát triển có liên quan; các vấn đề giúp đỡ trong lĩnh vực dân số; tổ chức nghiên cứu và đưa ra các kiến nghị cho hội đồng không chỉ vấn đề số lượng và cơ cấu có những sự dao động trong số đó mà còn các yếu tố dân chủng học và các yếu tố dân chủng kinh tế - xã hội.

Một trong bộ phận nổi bật nhất của chương trình dân số của LHQ là: 1) hoạt động trong lĩnh vực đề ra chiến thuật và biện pháp, đặc biệt là những

đánh giá và dự báo có uy tín của LHQ về số lượng dân số và những thay đổi của nó; 2) sự chuẩn bị chỉ đạo tiến hành nghiên cứu nhân khẩu học.

Trong những năm 1960 sự bùng nổ dân số trên thế giới đã trở thành đối tượng cho sự quan tâm đặc biệt. Nhịp độ dân số cao diễn ra tới cuối những năm 1960, sau đó có nhịp độ chậm lại vào những năm 1970 và tương đối ổn định trong những năm 1980. Dân số trên hành tinh đã tăng lên hai lần trong giai đoạn từ năm 1950 tới 1990 (từ 2,5 tỷ lên tới 5,3 tỷ).

Sự tăng dân số đáng kể đã tạo ra gánh nặng cho nguồn tài nguyên và môi trường, làm giảm hiệu quả của các nỗ lực dành cho sự phát triển. LHQ, vì thế, đã đặc biệt quan tâm tới xem xét sự phụ thuộc giữa vấn đề gia tăng dân số và sự phát triển.

Quỹ LHQ về dân số

Năm 1947 LHQ lập Quỹ với mục đích chủ yếu là giúp đỡ các nước đang phát triển trong lĩnh vực dân số. Quỹ được hình thành từ sự đóng góp tự nguyện của các quốc gia thành viên LHQ.

Quỹ có các chức năng sau: thành lập một cơ chế quốc tế có khả năng tính được các nhu cầu của các quốc gia trong lĩnh vực dân số và kế hoạch gia đình; số nhân chủng học (như sự gia tăng dân số, mức độ sinh ra và chết đi, cơ cấu tuổi tác của dân cư, sự phân bố lãnh thổ và di cư); giúp đỡ các chính phủ trong việc soạn thảo các chương trình và dự án trong lĩnh vực dân số; hỗ trợ tài chính trong việc thực hiện các chương trình và dự án trên.

Gần một nửa nguồn lực của Quỹ được dành cho các chương trình của các bà mẹ và trẻ em (trong đó có vấn đề kế hoạch hoá gia đình). Lĩnh vực hoạt động bao gồm tổng thể các vấn đề: từ việc ủng hộ sự nghiên cứu trong lĩnh vực tránh thai với việc chuẩn bị đội ngũ chuyên gia, mở rộng việc cung cấp các dịch vụ cần thiết.

Hội nghị quốc tế về dân số và phát triển

Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới một hội nghị toàn cầu cấp chính phủ về dân số và phát triển được tổ chức vào năm 1974 tại Bu-ca-ret (Ru-ma-ni). Hội nghị đã thông qua bản kế hoạch hành động toàn thế giới trong lĩnh vực dân số, trong đó sự phụ thuộc căn bản giữa vấn đề nhân khẩu học và cấp độ phát triển kinh tế - xã hội được đặc biệt nhấn mạnh. Hội nghị quốc tế về dân số năm 1984 tại Mê-xi-cô xem xét các vấn đề như di cư, đô thị hoá và già hoá dân cư.

Năm 1989 theo sự xem xét và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hành động năm 1974 về dân số, Hội đồng về vấn đề dân số ra quyết định tổ chức hội nghị quốc tế về dân số vào năm 1994.

Hội nghị quốc tế về dân số và phát triển được tổ chức tại Ai Cập năm 1994 với thành phần bao gồm đại diện của 179 nước.

Sự quan tâm lớn của Hội nghị là: sự gia tăng dân số và cơ cấu nhân khẩu học, chính sách của các chương trình trong lĩnh vực dân số, môi trường xung quanh và sự phát triển, phân bố và di cư, dân số và tình trạng phụ nữ; kế hoạch gia đình, sức khỏe và sự thịnh vượng của gia đình.

Tội phạm.

Trong hoạt động của mình về dự báo tội phạm và xét xử LHQ tiến hành theo đuổi 6 mục đích:

- + Phòng ngừa tội phạm trong nội bộ các quốc gia và trên phạm vi quốc tế;
- + Giám sát nội bộ trong nội bộ quốc gia cũng như trên phạm vi quốc tế;
- + củng cố sự hợp tác quốc tế và khu vực trong sự nghiệp phòng ngừa tội phạm, xét xử hình sự và cuộc đấu tranh với tội phạm mang tính quốc gia;
- + Phối hợp và củng cố sức mạnh của các quốc gia thành viên LHQ trong phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm xuyên quốc gia;
- + Tăng cường hiệu quả hoạt động xét xử, sự tôn trọng đúng mức các quyền của con người trong quan hệ với những người bị hại và tất cả những người tham gia tố tụng;
- + Hỗ trợ việc đạt được các tiêu chí cao nhất về nhân đạo và công bằng;

Trên cơ sở đó LHQ mong muốn hạ thấp mức độ thiệt hại do tội phạm gây ra (mức độ được xác định bởi sự thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, vật chất và ảnh hưởng của chúng tới sự phát triển kinh tế - xã hội), hỗ trợ sự tuân thủ các tiêu chí quốc tế và các quy phạm xét xử hình sự, tiến hành giúp đỡ trong việc phổ biến và trao đổi thông tin, chuẩn bị các lực lượng chuyên viên và cung cấp sự giúp đỡ cho các chính phủ.

Năm 1950 Đại hội đồng quyết định triệu tập 5 năm một lần Hội nghị của LHQ về phòng ngừa tội phạm và trừng trị những người phạm tội. Thành phần tham gia hội nghị bao gồm các chuyên viên điều tra hình sự, các nhà chức trách và các chuyên gia về luật hình sự.

Ủy ban về phòng ngừa tội phạm và luật hình sự là cơ quan chức năng của Hội đồng Kinh tế xã hội được thành lập năm 1992 để tăng cường hoạt động của LHQ trong lĩnh vực tội phạm. Ủy ban bao gồm 40 thành viên và tiến hành họp hàng năm tại Viên.

Trên cơ sở các khuyến nghị của ủy ban vào năm 1994 tại Italia đã tiến hành Hội nghị toàn thế giới ở cấp bộ trưởng về vấn đề tổ chức tội phạm xuyên quốc gia. Cũng trong năm này tại Italia đã tổ chức hội nghị quốc tế về phòng ngừa và đấu tranh với tội rửa tiền và sử dụng các thu nhập từ con

đường phạm tội. Các khuyến nghị của các hội nghị đó đã được Đại hội đồng LHQ thông qua. Ủy ban đã được giao nhiệm vụ hỗ trợ việc thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định đó.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Hãy cho biết những hoạt động cơ bản của LHQ trong lĩnh vực bảo vệ hoà bình?*
- 2. Hãy cho biết hoạt động cụ thể của LHQ trong lĩnh vực gìn giữ hoà bình ở một số nơi trên thế giới?*
- 3. Hãy cho biết hoạt động của LHQ trong lĩnh vực kiểm tra hoạt động vũ trang và giải trừ quân bị?*
- 4. Hãy cho biết hoạt động cơ bản của LHQ trong sự phát triển kinh tế - xã hội?*
- 5. Hãy cho biết những hoạt động cụ thể của LHQ trong lĩnh vực kinh tế - xã hội?*

Chương IV

VAI TRÒ CỦA LHQ TRONG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ NHÂN ĐẠO

I. VAI TRÒ CỦA LIÊN HỢP QUỐC TRONG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI

1. Khái niệm quyền con người trong lịch sử nhân loại

Năm mươi hai năm trước đây, vào ngày 10-12-1948 Đại hội đồng LHQ ra “Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người”. Từ đó đến nay ngày 10-12 hàng năm được coi là ngày quyền con người của toàn thế giới. Cũng từ đó, lịch sử quyền con người đã đánh dấu cột mốc để bước sang một trang mới trong lịch sử chung của toàn nhân loại.

Từ xa xưa cho đến ngày nay quyền con người luôn là vấn đề nằm trong trung tâm của các học thuyết chính trị, triết học và pháp lý; là cơ sở xã hội, pháp lý cho các lực lượng chính trị khác nhau đấu tranh giành ảnh hưởng trong xã hội để củng cố địa vị xã hội của mình.

Quyền con người là một phạm trù xã hội pháp lý, không thể tồn tại độc lập tách khỏi xã hội và Nhà nước, đồng thời là công cụ của giai cấp thống trị trong từng xã hội nhất định. Vì thế, trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau thì quan niệm, nội dung và tổng thể các quyền và tự do của con người cũng không giống nhau. Khái niệm quyền con người luôn mang bản chất giai cấp, và việc thực hiện các quyền con người phụ thuộc vào chế độ kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia nhất định. Không có khái niệm quyền con người một cách chung chung, trừu tượng, cũng như không có tự do nói chung hoặc dân chủ nói chung.

Là một hiện tượng xã hội - pháp lý phức tạp, vấn đề quyền con người luôn gắn liền với bước đi của lịch sử xã hội loài người.

2. Lịch sử vấn đề quyền con người trước khi có LHQ

Từ khi xã hội loài người phân chia thành giai cấp và xuất hiện các Nhà nước đầu tiên thì số lượng các quyền của cá nhân bắt đầu được xác định bằng sự phụ thuộc của cá nhân với mỗi giai cấp hoặc nhóm xã hội nhất định.

Trong xã hội chiếm hữu nô lệ người nô lệ hoàn toàn không có quyền hành gì cả, vì họ chỉ được coi là những con vật biết nói. Khi đó giữa những người tự do tồn tại sự phân chia thứ hạng khác nhau với số lượng quyền cá nhân khác nhau. Trong xã hội nô lệ lần đầu tiên đã xuất hiện khái niệm “tự do” để phân biệt giữa nô lệ và những người không phải nô lệ; tuy nhiên khi ấy chưa xuất hiện khái niệm công dân và cũng không thể có khái niệm quyền con người.

Trong xã hội phong kiến số lượng các quyền cá nhân được xác định căn cứ vào địa vị của từng tầng lớp người theo thang bậc đẳng cấp. Khái niệm công dân và quyền con người chưa xuất hiện.

Những cuộc cách mạng tư sản nổ ra ở châu Âu, châu Mỹ trong thế kỷ XVIII đã cống hiến cho nhân loại những giá trị nhân văn to lớn với sự xuất hiện những khẩu hiệu “Tự do”, “Bình đẳng”, “Bác ái”. Bản tuyên ngôn đầu tiên về quyền con người trong lịch sử nhân loại là *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, trong đó khẳng định “*Tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng. Tạo hóa cho họ quyền bất khả xâm phạm, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*”. Như vậy “Tuyên ngôn độc lập” năm 1776 của Mỹ là một sự xác nhận đầu tiên về mặt Nhà nước đối với quyền con người và cũng từ đó xuất hiện chế định pháp lý về quyền con người.

Cuộc cách mạng tư sản nổ ra ở Pháp năm 1789 đã dẫn đến sự ra đời của bản “Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền” bất hủ.

Điều 1 Tuyên ngôn 1789 của Pháp trịnh trọng tuyên bố “Người ta sinh ra đều tự do và bình đẳng về quyền lợi”. Các quyền đó là “quyền tự do, quyền sở hữu, quyền an ninh, quyền chống lại áp bức, quyền tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do báo chí ”.

Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp đã đưa ra hai loại quyền là quyền con người (*droits du l’homme*) và quyền công dân (*droits du citoyen*). Theo Tuyên ngôn, con người được xem xét ở hai khía cạnh: một là, con người với nghĩa tự nhiên, tự bản thân khi sinh ra đã có các quyền bất khả xâm phạm; hai là, con người với nghĩa công dân, là thành viên của xã hội, thuộc về một Nhà nước, một xã hội nhất định.

Khái niệm về quyền con người (nhân quyền) trong Tuyên ngôn 1789 của Pháp bắt nguồn từ các học thuyết về quyền tự nhiên của Rutsô, Groxi, Iox, Monteskiơ, là những quyền bẩm sinh đương nhiên, xuất phát từ chính bản

chất của con người mà ai cũng được hưởng kể từ khi sinh ra, không phân biệt, tất cả đều bình đẳng.

Theo Tuyên ngôn năm 1789, quyền công dân xuất hiện muộn hơn quyền con người, trong kết quả của việc ký kết khế ước xã hội, khi mà công dân trở thành thành viên chính thức của cộng đồng chính trị - xã hội.

Như vậy, quyền con người được hiểu là các quyền tự do và bất khả xâm phạm về sở hữu mà bất kỳ một Nhà nước nào cũng phải đảm bảo cho mỗi cá nhân.

Ngoài “Tuyên ngôn độc lập” của Mỹ và “Tuyên ngôn dân quyền và nhân quyền của Pháp”, trong nửa đầu thế kỷ 19 ở châu Âu đã có nhiều bản hiến pháp đề cập đến vấn đề nhân quyền và dân quyền. Tuy nhiên các bản hiến pháp này đều thể hiện quyền lợi của giai cấp tư sản thông qua việc đề cao quyền bất khả xâm phạm về sở hữu.

Như vậy, chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn đầu, lần đầu tiên đã đề cập tới vấn đề quyền con người, đã khai sinh ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử nhân loại về quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của con người.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển về sau khi đã củng cố vững chắc địa vị thống trị của mình thì giai cấp thống trị trong xã hội tư bản đã chà đạp lên các quyền tự do, bình đẳng, bác ái mà chính họ đã đề xướng ra trong buổi hoàng hôn của thời kỳ tư bản chủ nghĩa.

Công xã Paris năm 1871 và Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại lần đầu tiên đã đề cập đến quyền con người một cách toàn diện và triệt để. Từ sau Cách mạng tháng Mười, Nhà nước Xô Viết gắn quyền con người với các điều kiện cụ thể của xã hội, đồng thời nêu ra các biện pháp để bảo đảm thực hiện trên thực tế. Trong số các quyền con người có nhiều quyền mà trước đây chưa hề được đề cập tới trong hiến pháp tư sản như quyền bình đẳng nam nữ, quyền trẻ em, quyền của người có nhược điểm về thể chất và cao hơn nữa là quyền của con người được sống trong hòa bình, quyền dân tộc tự quyết.

3. Nguyên nhân xuất hiện việc bảo vệ quyền con người của LHQ.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất Hội quốc liên đã ban hành quy chế hoạt động, trong đó các quốc gia thành viên có trách nhiệm bảo đảm các quyền bình đẳng và nhân đạo về điều kiện lao động cho tất cả nam nữ và trẻ em là công dân của mình, đồng thời đã cố gắng thực hiện hợp tác quốc tế về tôn trọng và bảo đảm các quyền cơ bản và tự do cá nhân. Tuy vậy, hoàn cảnh quốc tế lúc bấy giờ chưa cho phép thực hiện sự hợp tác quốc tế này, nhất là khi đó thành viên của Hội quốc liên lại chỉ là các nước tư bản chủ nghĩa.

Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, trong điều kiện so sánh lực lượng nghiêng về phía các nước tư bản, ảnh hưởng lực lượng dân chủ và chủ nghĩa xã hội đến quan hệ quốc tế còn vô cùng ít ỏi. Mặc dù Hiến chương Hội quốc liên đã có nội dung liên quan gián tiếp đến việc bảo vệ quyền con người nhưng các nước thành viên Hội quốc liên không đặt ra nhiệm vụ soạn thảo một văn kiện có tính chất toàn cầu về tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

Trong cuộc đấu tranh của loài người chống chủ nghĩa Phát xít đã xuất hiện tư tưởng về sự cần thiết hợp tác quốc gia trong việc tôn trọng và bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của con người.

Ngay từ trong quá trình chuẩn bị cho việc thành lập LHQ, 24 quốc gia trong trạng thái chiến tranh với Đức cùng 21 quốc gia khác đã ký bản “Tuyên bố” vào ngày 1 tháng 1 năm 1942, trong đó thể hiện sự tin tưởng rằng thắng lợi cuối cùng trước kẻ thù là sự cần thiết cho việc bảo vệ cuộc sống, tự do độc lập cho việc bảo vệ quyền con người và sự bình đẳng ở tất cả các nước.

Tháng 9 năm 1944 các nước Liên Xô, Mỹ, Anh cùng nhau soạn thảo Hiến chương LHQ đã nêu ra yêu cầu đưa vào Hiến chương LHQ đã nêu ra yêu cầu đưa vào Hiến chương chế định về tôn trọng và bảo vệ quyền con người, coi đó là một trong các tiền đề quan trọng nhất trong mục đích hoạt động của mình. Ba cường quốc thế giới này đã cùng nhau thống nhất quan điểm thành lập tổ chức LHQ với mục đích tạo ra các điều kiện ổn định và thuận lợi cần thiết cho việc thiết lập quan hệ hòa bình, hợp tác, đồng thời khuyến khích việc tôn trọng các quyền tự do cơ bản của con người.

Trong quá trình thỏa thuận giữa Liên Xô, Mỹ, Anh, Trung Quốc, cho việc hoàn thành Hiến chương LHQ, cuối cùng vấn đề quyền con người và hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ quyền con người đã được ghi nhận là một trong các mục đích hoạt động của LHQ.

4. Hiến chương LHQ và vấn đề bảo vệ quyền con người

Từ khi sinh ra (ngày 24/10/1945) LHQ bắt đầu trở thành trung tâm hợp tác của các quốc gia trong việc bảo vệ quyền con người. LHQ theo Điều 55 Hiến chương, có nhiệm vụ khuyến khích và thúc đẩy:

- a. Việc nâng cao mức sống, bảo đảm cho mọi người đều có công ăn việc làm cùng những điều kiện tiến bộ và phát triển trong lĩnh vực kinh tế - xã hội;*
- b. Việc giải quyết những vấn đề quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, y tế và những vấn đề liên quan khác; sự hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực văn hóa giáo dục;*
- c. Sự tôn trọng và tuân thủ triệt để các quyền và tự do cơ bản của tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ hay tôn giáo.*

Điều 56 quy định tất cả các quốc gia thành viên LHQ để đạt được việc tôn trọng và bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của con người. Như vậy, với việc thành lập LHQ, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại vấn đề quyền con người và hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ quyền con người được đề cập đến trong một điều ước quốc tế đa phương toàn cầu. Từ đây lịch sử vấn đề bảo vệ quyền con người đã bước sang trang mới ở phạm vi toàn thế giới.

5. LHQ và việc xây dựng các văn kiện quốc tế về quyền con người.

a. “Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người”

Hiến chương LHQ mặc dù đã đề cập đến quyền con người ở phạm vi rộng nhưng cũng chỉ đưa ra các nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, mà chưa đề cập đến một cách cụ thể những quyền nào của con người cần được bảo vệ cũng như biện pháp thực hiện như thế nào. Vì thế ngày 10/12/1948 Đại hội đồng LHQ đã thông qua "Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người". Tuyên ngôn là văn kiện đầu tiên không chỉ khẳng định các nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người đã được ghi nhận trong Hiến chương LHQ mà còn cả những quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

Như vậy, với việc ra "Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người", LHQ đã bước đầu thể hiện vai trò của mình là trung tâm hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người trong thời đại mới.

Việc Tuyên ngôn ghi nhận các quyền kinh tế - xã hội là một trong các quyền cơ bản của con người là một thắng lợi của các lực lượng dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Vì thế, Tuyên ngôn đã giành được sự công nhận và ủng hộ của cộng đồng quốc tế, thường được các quốc gia viện dẫn như là một văn kiện có giá trị to lớn.

Mặc dù có ý nghĩa quan trọng trong đời sống quốc tế nhưng tuyên ngôn cũng chỉ là khuyến nghị mà không phải là điều ước quốc tế có giá trị pháp lý ràng buộc các quốc gia. Vấn đề đặt ra là phải soạn thảo công ước quốc tế chung về quyền con người. Đại hội đồng LHQ đã ra nghị quyết giao cho các cơ quan của mình soạn thảo công ước này. Công việc này kéo dài 18 năm. Các nước tư bản luôn kiên trì quan điểm chỉ đưa vào công ước các quyền dân sự, chính trị mà không muốn đề cập tới các quyền kinh tế - xã hội và văn hóa. Do tương quan lực lượng trong LHQ vào những năm 1966 LHQ đã soạn thảo và thông qua 2 công ước, đó là:

- Công ước về các quyền dân sự và chính trị;
- Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

Các Công ước quốc tế năm 1966 về quyền con người đã chứng minh kinh nghiệm đầu tiên của cộng đồng quốc tế về xây dựng và thông qua các quy phạm về những quyền cơ bản của con người.

b. Công ước năm 1966 về các quyền kinh tế - xã hội và văn hóa và Công ước về các quyền dân sự và chính trị

Điểm chung nhất mà cả hai Công ước đều đề cập là: quyền dân tộc tự quyết; quyền bình đẳng của mọi người trong việc hưởng các quyền con người; cấm tuyên truyền chiến tranh xâm lược và mọi hành vi gây thù hằn dân tộc...; nghĩa vụ của các quốc gia thành viên phải bảo đảm thực hiện và tôn trọng các quyền con người.

Công ước về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 quy định con người có quyền được sống, quyền tự do và bất khả xâm phạm về thân thể, không bị bắt bớ tùy tiện, bình đẳng trước tòa án, tự do tư tưởng, tín ngưỡng, tự do hội họp, lập hội; cấm lao động cưỡng bức, cấm tuyên truyền chiến tranh.

Công ước về các quyền kinh tế - xã hội và văn hóa quy định con người được hưởng các quyền: lao động, điều kiện lao động công bằng và thuận lợi thành lập công đoàn, bảo đảm xã hội, được giúp đỡ về y tế, học tập, tham gia vào đời sống văn hóa.

Đến nay LHQ đã thông qua 23 công ước quốc tế về bảo vệ quyền con người, trong đó Việt Nam đã tham gia trong số 23 công ước này:

- Công ước năm 1966 về các quyền dân sự và chính trị;
- Công ước năm 1966 về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa;
- Công ước năm 1965 về chống phân biệt chủng tộc;
- Công ước năm 1973 về chống tội ác diệt chủng;
- Công ước năm 1975 về chống phân biệt đối xử với phụ nữ;
- Công ước năm 1948 về chống tội ác diệt chủng;
- Công ước năm 1980 về quyền trẻ em.

Trong tất cả Công ước quốc tế về quyền con người đều quy định các quốc gia thành viên có trách nhiệm ban hành các văn bản pháp luật và áp dụng các biện pháp cần thiết để thực hiện trong cuộc sống các nội dung cam kết, đồng thời định kỳ báo cáo trước các uỷ ban liên quan của LHQ về việc thực hiện các Công ước này.

6. Vai trò của LHQ và các cơ quan của nó trong việc bảo đảm thực hiện các quy phạm luật quốc tế về bảo vệ quyền con người

Một trong những đặc điểm của sự phát triển hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người là việc thiết lập hệ thống kiểm soát quốc tế. Hoạt động của hệ thống kiểm soát này được xác định trong Hiến chương LHQ và

các cơ quan chuyên môn của nó, cũng như trong các điều ước quốc tế khác nhau.

Thường là trên thực tế bảo đảm thực hiện quyền con người thuộc thẩm quyền của mỗi quốc gia; tuy nhiên, vấn đề lại có sự điều chỉnh quốc tế và ở chừng mực nhất định lại là trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Vấn đề đặt ra là hệ thống kiểm soát việc bảo đảm quyền con người được thực hiện thông qua sự thỏa thuận hành động của các quốc gia, sao cho không vi phạm chủ quyền quốc gia và không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia thành viên.

Một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế hiện đại là nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia và nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác. Tôn trọng chủ quyền quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác là tôn trọng quyền tộc tự quyết - quyền cơ bản của con người.

Một trong những hình thức kiểm soát phổ biến là việc các quốc gia thông báo cho Tổng thư ký LHQ hoặc cơ quan chuyên trách của LHQ về việc thực hiện quyền con người ở nước mình.

Theo nghị quyết số 6248 năm 1965 của Hội đồng Kinh tế và Xã hội, theo khuyến nghị của Ủy ban quyền con người, các quốc gia thành viên LHQ có trách nhiệm mỗi năm một lần báo cáo cho Tổng thư ký LHQ theo chu kỳ 3 năm:

- Năm thứ nhất: Gồm các thông tin về thực hiện các quyền dân sự và chính trị.

- Năm thứ hai: Các thông tin về thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa:

- Năm thứ ba: Về tự do thông tin. Để tổng hợp và xử lý các thông tin trên, LHQ thành lập Ủy ban chuyên trách về báo cáo định kỳ. Ủy ban này có trách nhiệm tổng hợp các thông tin và chuẩn bị dự thảo các nghị quyết của Ủy ban quyền con người của LHQ. Tuy nhiên, cả Ủy ban LHQ về quyền con người, cả Ủy ban chuyên trách về báo cáo định kỳ đều không có quyền ra các khuyến nghị cho từng quốc gia đó sau khi thu nhận các thông tin từ họ.

Từ năm 1976 sau khi hai Công ước về các quyền dân sự, chính trị và các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa có hiệu lực, hệ thống báo cáo của các quốc gia thành viên LHQ đến Tổng thư ký LHQ được thay đổi theo quy trình mới. Theo Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, các quốc gia thành viên báo cáo về các biện pháp của mình áp dụng và những thành tựu trong việc bảo đảm quyền con người được ghi nhận trong Công ước.

Trên cơ sở thông tin thu nhận được, Hội đồng Kinh tế và Xã hội có quyền ra khuyến nghị chung cho tất cả các nước. Ủy ban quyền con người của LHQ cũng chỉ có quyền nhận xét, đánh giá chung về việc thực hiện quyền con người trong phạm vi toàn thế giới.

Tóm lại, để thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quyền con người LHQ đã tạo ra cơ chế kiểm soát với nhiệm vụ chính là xem xét báo cáo của các quốc gia thành viên về việc thực hiện các Công ước quốc tế về quyền con người. Cơ chế này hoạt động phù hợp với Hiến chương LHQ, thúc đẩy sự hợp tác của cộng đồng quốc tế để bảo vệ các quyền cơ bản của con người trong thế giới hiện đại.

7. Các cơ quan chính là cơ quan giúp việc của LHQ trong việc bảo vệ quyền con người.

a. Hệ thống các cơ quan của LHQ trong việc bảo vệ quyền con người

Các cơ quan của LHQ giữ vị trí vô cùng quan trọng trong hợp tác quốc tế về bảo vệ quyền con người. Vai trò quan trọng hơn cả thuộc về Đại hội đồng và Hội đồng kinh tế - xã hội. Trong phạm vi LHQ còn có các cơ quan chuyên trách về hợp tác quốc tế nhằm thúc đẩy việc bảo vệ quyền con người.

Để thực hiện chức năng của mình trong việc bảo vệ quyền con người LHQ đã thành lập Ủy ban quyền con người trực thuộc Hội đồng kinh tế - xã hội. Trong Ủy ban quyền con người có các tiểu ban về tự do thông tin và xuất bản, về chống phân biệt chủng tộc và bảo vệ các dân tộc nhỏ. Ngoài Ủy ban quyền con người còn có Ủy ban về quyền phụ nữ thuộc Hội đồng Kinh tế và Xã hội.

Phần lớn công việc trong lĩnh vực quyền con người, trong đó có việc thảo luận các vấn đề toàn cầu về quyền con người cũng như việc soạn thảo các văn kiện của LHQ đều do Ủy ban quyền con người thực hiện.

Các tiểu ban trực thuộc Ủy ban quyền con người nghiên cứu từng lĩnh vực riêng lẻ về quyền con người, đó là Tiểu ban về chống phân biệt chủng tộc, Tiểu ban về bảo vệ các dân tộc nhỏ.

Ngoài ra còn thành lập các tiểu ban tạm thời để xem xét về việc vi phạm quyền con người ở từng nước. Ví dụ, Ủy ban về hoạt động của Ixraen chiếm đóng lãnh thổ các nước Ả rập.

Các ủy ban chuyên trách hoạt động thường xuyên để điều tra về việc vi phạm quyền con người ở các nước. Ví dụ Ủy ban chuyên trách về chủ nghĩa Apacthai.

Theo Hiến chương LHQ trách nhiệm chính về thực hiện hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ quyền con người thuộc về Đại hội đồng LHQ mà trực tiếp là Hội đồng Kinh tế và Xã hội.

Theo Điều 13 Hiến chương LHQ, chức năng của Đại hội đồng là tổ chức nghiên cứu và ra những quyết định, khuyến nghị. Công việc nghiên cứu về bảo vệ quyền con người thuộc về trách nhiệm của Hội đồng Kinh tế và Xã hội, các cơ quan giúp việc phụ trợ của LHQ và Ban thư ký LHQ.

Để thực hiện chức năng của mình trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người, Đại hội đồng có thể thành lập các cơ quan giúp việc, ví dụ Ủy ban chuyên trách về quá trình thực hiện Tuyên bố về trao trả độc lập cho các nước và các dân tộc thuộc địa. Ủy ban chuyên trách về chủ nghĩa Apartheid v.v...

b. Hoạt động của các cơ quan của LHQ trong việc bảo vệ quyền con người

Trong số các cơ quan chính của LHQ, Hội đồng Kinh tế và Xã hội cùng với Đại hội đồng chịu trách nhiệm về việc thực hiện chức năng của LHQ trong lĩnh vực quyền con người. Hội đồng làm việc dưới sự lãnh đạo của Đại hội đồng.

Trong hoạt động của mình Hội đồng Kinh tế và Xã hội đưa ra các khuyến nghị nhằm khuyến khích sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người. Hội đồng chuẩn bị dự thảo các công ước về quyền con người để trình Đại hội đồng LHQ.

Hội đồng Kinh tế và Xã hội thực hiện hoạt động của mình thông qua các Ủy ban: Ủy ban kinh tế, Ủy ban xã hội, Ủy ban phối hợp. Các vấn đề về quyền con người do Ủy ban xã hội đảm nhiệm.

Năm 1946 Ủy ban quyền con người của LHQ được thành lập để thực hiện chức năng của Hội đồng Kinh tế và Xã hội trong lĩnh vực quyền con người với chức năng soạn thảo các công ước quốc tế về quyền con người cũng như chuẩn bị các báo cáo cho Hội đồng về các vấn đề sau:

- Tình hình thực hiện quyền con người ở các nước.
- Bảo vệ các dân tộc nhỏ yếu.
- Cấm phân biệt chủng tộc
- Tất cả các vấn đề khác liên quan đến quyền con người.

Ủy ban quyền con người thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, đưa ra các khuyến nghị, tổng hợp tình hình thực hiện quyền con người. Trong quá trình hoạt động của mình Ủy ban đã trực tiếp soạn thảo hàng loạt các công ước quốc tế trong lĩnh vực quyền con người, như: Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người (1948); Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng (1948); Công

ước về các quyền của phụ nữ (1952); Công ước về chống phân biệt chủng tộc (1965); hai Công ước về quyền con người (1966); Công ước về chống A pacthai (1973); Công ước về quyền trẻ em (1989) v.v...

Cơ quan giúp việc thứ hai của LHQ về lĩnh vực quyền con người là Ủy ban về tình trạng của phụ nữ. Ủy ban đã tham gia vào việc dự thảo nhiều văn kiện quốc tế như: Công ước về các quyền chính trị của phụ nữ; Tuyên bố về chấm dứt sự phân biệt đối xử với phụ nữ v.v...

Hội đồng Bảo an LHQ giữ vị trí đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người. Là cơ quan chính của LHQ có trách nhiệm giữ gìn hòa bình và an ninh thế giới. Hội đồng Bảo an có quyền hạn rộng lớn trong việc giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế, trong trường hợp có đe dọa hòa bình v.v... Hội đồng Bảo an có thể thực hiện các biện pháp cần thiết kể cả các biện pháp cưỡng chế khi có sự đe dọa hòa bình, an ninh thế giới và xâm phạm thô bạo các quyền con người, bởi vì xâm phạm các quyền con người cũng là sự đe dọa hòa bình và khi ấy đã không còn là công việc nội bộ của từng quốc gia.

Ngoài các cơ quan kể trên còn có các cơ quan khác của LHQ có đóng góp không nhỏ vào việc khuyến khích tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người. Trước tiên đó là Ban thư ký LHQ - cơ quan chính của LHQ.

Trong Ban thư ký LHQ có Phòng quyền con người có trách nhiệm chính trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền con người. Đây là Phòng có chức năng bảo đảm sự phục vụ đầy đủ cho các cơ quan chính và cơ quan phụ của LHQ về quyền con người, cung cấp đầy đủ các tài liệu cần thiết cho các cơ quan này.

Nhiệm vụ tiếp theo của Phòng là chuẩn bị các công việc để xuất bản các văn kiện về quyền con người, tham gia vào việc thực hiện chương trình tư vấn về quyền con người và chương trình chống chủ nghĩa Apacthai và chống phân biệt chủng tộc.

8. Vai trò của LHQ trong cuộc đấu tranh chống vi phạm thô bạo hàng loạt các quyền và tự do cơ bản của con người.

Luật quốc tế hiện đại coi sự vi phạm thô bạo hàng loạt các quyền và tự do cơ bản của con người là tội phạm quốc tế, đe dọa hòa bình và an ninh thế giới. Vì thế cuộc đấu tranh chống sự vi phạm thô bạo quyền con người là một hướng hoạt động của LHQ trong lĩnh vực nhân quyền.

LHQ trong hoạt động của mình đã soạn thảo và thông qua hàng loạt điều ước quốc tế, trong đó có các quy định về cấm tội phạm quốc tế vi phạm thô bạo quyền con người, đó là:

- Công ước quốc tế về loại trừ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (1965);
- Tuyên bố về trao trả độc lập cho các nước và các dân tộc thuộc địa (1960);
- Công ước về phòng ngừa và trừng trị tội diệt chủng (1948);
- Công ước về không áp dụng thời hiệu đối với tội phạm chiến tranh và tội ác chống loài người (1968);
- Công ước về ngăn chặn và trừng trị chủ nghĩa Apacthai (1973) v.v...

a. LHQ trong việc đấu tranh chống tội diệt chủng

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng LHQ ngày 11/12/1946 về Nghị quyết ngày 21/11/1947, tội diệt chủng được coi là tội ác chống loài người, LHQ đã giao cho Hội đồng Kinh tế và Xã hội nghiên cứu và soạn thảo công ước về tội ác diệt chủng. Với tinh thần trách nhiệm cao của Hội đồng, ngày 9/12/1948 Đại hội đồng LHQ đã thông qua Công ước về phòng ngừa và trừng trị tội diệt chủng.

Điều 1 Công ước đã chỉ rõ diệt chủng là tội phạm vi phạm luật quốc tế và chống các quốc gia, chống loài người, vì thế các quốc gia có trách nhiệm áp dụng các biện pháp ngăn ngừa và trừng trị nó. Các quốc gia thành viên Công ước có trách nhiệm ban hành văn bản pháp luật phù hợp và áp dụng mọi biện pháp cần thiết để trừng trị thích đáng các cá nhân thực hiện hành vi tội phạm.

Nhận rõ tính chất nguy hiểm của tội ác diệt chủng, LHQ đã thành lập các cơ quan chuyên trách để nghiên cứu các trường hợp cụ thể và điều tra sự vi phạm thô bạo, có hệ thống quyền con người.

Theo Nghị quyết số 2 năm 1966, Ủy ban quyền con người đã thành lập nhóm công tác đặc biệt gồm 5 chuyên gia cao cấp có nhiệm vụ điều tra sự vi phạm quyền con người ở Nam Phi. Trong quá trình hoạt động Ủy ban quyền con người của LHQ đã tăng cường thêm lực lượng chuyên gia điều tra về tội ác diệt chủng ở Nammibia và các nước châu Phi khác.

Ví dụ khác về tội diệt chủng là chính sách của bọn Pôn Pốt- Iêng-xa-ri ở Campuchia đã giết hại gần 3 triệu người dân.

Như vậy, Công ước của LHQ về phòng ngừa và trừng trị tội ác diệt chủng đã thể hiện vai trò của LHQ trong cuộc đấu tranh nhằm chống sự vi phạm thô bạo các quyền và tự do cơ bản của con người.

b. LHQ trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Apacthai

Ngày 30 tháng 11 năm 1973 Đại hội đồng LHQ thông qua Công ước về ngăn chặn và trừng trị chủ nghĩa Apacthai. Việc thông qua Công ước quốc tế này là minh chứng hùng hồn về sự đóng góp to lớn của nhân loại

tiến bộ vào cuộc đấu tranh chung vì quyền con người thông qua tổ chức LHQ.

Điều 1 Công ước chỉ rõ Apacthai là tội ác chống loài người, là sự tiếp nối của chính sách diệt chủng, giết người hàng loạt, vi phạm thô bạo các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế và đe dọa nghiêm trọng hòa bình, an ninh thế giới.

Các đoàn chuyên gia cao cấp của LHQ sau khi điều tra ở Nam Phi đã báo cáo Đại hội đồng về tình hình phát triển của chủ nghĩa Apacthai ở nước này. Hội đồng Bảo an LHQ đã nhiều lần thảo luận về sự vi phạm quyền con người ở Nam Phi. LHQ cũng đã thành lập uỷ ban chuyên trách về Apacthai để báo cáo Đại hội đồng về thực chất của tội ác này tại Nam Phi.

Qua quá trình điều tra Uỷ ban đã báo cáo Đại hội đồng và Hội đồng Bảo an đã áp dụng các biện pháp, kể cả biện pháp trừng phạt đối với Nam Phi.

Tháng 6 năm 1980 Hội đồng Bảo an LHQ đã thông qua nghị quyết cực lực lên án chính quyền Nam Phi vì tội khủng bố các chiến sĩ chống chủ nghĩa Apacthai, vì việc giết hại các tù nhân chính trị.

Chính sách của chủ nghĩa Apacthai là thể hiện chính sách tội phạm chống danh dự và nhân phẩm của con người, đe dọa nghiêm trọng hòa bình và an ninh thế giới. Hội đồng Bảo an thông qua nghị quyết kêu gọi cộng đồng thế giới trừng phạt Nam Phi bằng cách cắt đứt quan hệ kinh tế với Nam Phi, đồng thời yêu cầu chính quyền Nam Phi đình chỉ việc vi phạm quyền con người ở nước này, đình chỉ các hoạt động xâm lược chống các quốc gia láng giềng châu Phi.

Như vậy, bằng nỗ lực của mình LHQ đã phát huy vai trò một cách cao nhất trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Apacthai và biểu hiện của nó, bảo vệ có hiệu quả nhất các quyền và tự do cơ bản của con người.

II. VAI TRÒ CỦA LHQ TRONG VẤN ĐỀ NHÂN ĐẠO

1. Các công ước của LHQ năm 1949 về bảo hộ nạn nhân chiến tranh.

Bảo hộ nạn nhân chiến tranh là phạm trù nhân đạo đã được LHQ đặt trong mối quan tâm đặc biệt trong hoạt động của mình. Với vai trò là trung tâm quốc tế bảo vệ quyền con người, trung tâm giữ gìn và bảo vệ giá trị nhân văn của loài người, LHQ đã có những đóng góp tích cực trong việc xây dựng những điều ước quốc tế về bảo hộ nạn nhân chiến tranh và bảo đảm để các điều ước quốc tế này được nghiêm chỉnh thực thi trong đời sống quốc tế.

Năm 1949, Đại hội đồng LHQ đã thông qua bốn Công ước về bảo hộ nạn nhân chiến tranh và vào ngày 10/6/1977 thông qua Nghị định thư bổ sung cho các Công ước này.

a. Quy định về sử dụng vũ khí và phương tiện chiến tranh

Công ước về bảo hộ nạn nhân chiến tranh đã quy định các bên không được sử dụng vũ khí huỷ diệt hàng loạt một cách dã man. Công ước đã nghiêm cấm sử dụng vũ khí hóa học, vũ khí vi trùng, vũ khí hạt nhân và vũ khí giết người hàng loạt khác.

Nghị định thư năm 1977 bổ sung Công ước 1949 đã nghiêm cấm các thủ đoạn tiến hành chiến tranh gây ra nạn đói cho dân các nước đối địch như phá huỷ mùa màng, dê điều...; nghiêm cấm sử dụng các phương tiện chiến tranh huỷ diệt môi trường tự nhiên;

Khi chiếm đóng trên lãnh thổ của đối phương quân chiếm đóng phải đảm bảo cuộc sống bình thường của dân cư; phải tôn trọng danh dự, sở hữu tài sản của dân cư địa phương ; cấm cướp bóc, cưỡng bức v.v...

Công ước về bảo hộ nạn nhân chiến tranh còn nghiêm cấm các hình thức trả thù, cấm đối xử vô nhân đạo với dân cư vùng bị chiếm đóng.

b. Về bảo vệ nạn nhân chiến tranh

- Bảo hộ dân thường trong chiến tranh

Với vai trò hoạt động vì mục đích gìn giữ hòa bình và an ninh thế giới, phối hợp và thúc đẩy sự hợp tác giữa các quốc gia, bảo vệ các quyền cơ bản của con người... LHQ đã ban hành nhiều văn bản pháp lý quốc tế quan trọng, trong đó có các điều ước quốc tế thể hiện tính nhân đạo của tổ chức quốc tế này. Các công ước Giơ-ne-vơ năm 1949 đã quy định trách nhiệm của các bên tham chiến trong chiến tranh như sau:

+ Quân đội chiếm đóng trên lãnh thổ của đối phương có nghĩa vụ khôi phục trật tự xã hội, đảm bảo cuộc sống bình thường của dân cư trong vùng bị chiếm đóng.

+ Quân đội chiếm đóng phải tôn trọng danh dự, gia đình, sở hữu tài sản của dân cư địa phương.

+ Cấm cướp bóc, trả thù hoặc đối xử vô nhân đạo với dân cư vùng bị chiếm đóng. Cấm giết hại dân thường hoặc đối xử dã man tàn bạo với dân thường.

+ Cấm bắt dân làm con tin hay làm vật thí nghiệm khoa học.

+ Cấm dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để khủng bố dân thường.

+ Bảo hộ tù binh, thương binh, bệnh binh trong chiến tranh.

Theo công ước Giơ-ne-vơ năm 1949 tất cả tù binh, thương binh, bệnh binh của các bên tham chiến khi bị bắt thì các bên tham chiến có trách nhiệm phải bảo hộ và đối xử nhân đạo, không được xâm phạm đến tính mạng, nhân phẩm của họ.

Công ước triệt để nghiêm cấm việc tra tấn, tàn sát tù binh, thương binh, bệnh binh; quy định các bên tham chiến có trách nhiệm chăm sóc y tế cho thương binh, bệnh binh.

Đối với tù binh, Công ước Giơ-ne-vơ năm 1949 và Nghị định sửa đổi, bổ sung năm 1977 quy định:

- + Nước giữ tù binh phải đảm bảo cho tù binh có điều kiện ăn ở như điều kiện của binh sĩ nước họ.

- + Vũ khí, đạn dược và các giấy tờ quân sự, tư trang của tù binh không bị tịch thu.

- + Sau chiến tranh các bên tham chiến phải nhanh chóng phóng thích tù binh theo các quy định của hiệp định liên quan.

2. LHQ với quyền cư trú của con người

a. Khái niệm quyền cư trú

Quyền cư trú là việc một quốc gia cho phép những người nước ngoài đang bị truy nã ở nước họ do hoạt động chính trị trái với chủ trương đường lối của Nhà nước được phép nhập cảnh và cư trú trên lãnh thổ nước mình.

Trên cơ sở nguyên tắc tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người, quyền cư trú đồng thời cũng là quyền của mỗi người được tìm nơi cư trú ở nước khác khi họ phải chạy khỏi nước mình do bị truy nã vì hoạt động chính trị.

Trong thực tiễn quốc tế có hai hình thức cư trú là cư trú lãnh thổ và cư trú ngoại giao:

- + Cư trú lãnh thổ là việc quốc gia dành cho người nước ngoài quyền cư trú trên lãnh thổ nước mình;

- + Cư trú ngoại giao là việc những cá nhân riêng biệt được giành quyền cư trú trong cơ quan ngoại giao hoặc lãnh sự của nước ngoài. Thông thường quyền cư trú này dành cho công dân của nước đại diện ngoại giao.

Về mặt lý luận, việc trao quyền cư trú cho người nước ngoài là thẩm quyền của mỗi quốc gia. Người nước ngoài khi được phép cư trú thì đồng thời cũng có quyền được bảo đảm về an ninh, không bị dẫn độ và trục xuất theo yêu cầu của nước mà họ là công dân.

b. Các văn kiện của LHQ về quyền cư trú

Trong lịch sử hoạt động của mình LHQ đã ban hành hai văn bản trong đó hoặc trực tiếp quy định về quyền cư trú, hoặc có một số quy định về quyền cư trú, đó là:

- + Tuyên bố về cư trú lãnh thổ năm 1967;
- + Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1947.

Theo các văn bản này quyền cư trú là quyền của mỗi người yêu cầu được phép cư trú ở nước khác, trừ trường hợp bị truy nã về tội phạm hình sự, tội chống hòa bình, tội phạm chiến tranh hoặc tội phạm chống loài người.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, vấn đề quyền cư trú trở thành một trong những vấn đề quan tâm của LHQ.

Trong Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người đã nói rõ quyền cư trú cần phải được trao cho những người đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Các quốc gia cần phải giúp đỡ và tạo điều kiện để những người này khỏi bị trục xuất hoặc bị cưỡng bức trở về nước họ.

Theo "Tuyên bố về quyền cư trú lãnh thổ" năm 1967 thì quyền cư trú là quyền phát sinh trên cơ sở chủ quyền quốc gia, có tính chất chính trị tuyệt đối. Để được hưởng quyền cư trú cá nhân phải có đơn yêu cầu gửi tới Nhà nước nơi mình xin cư trú.

Quyền cư trú với tính chất là một chế định pháp lý quốc tế là quyền của quốc gia chứ không phải là quyền của thể nhân. Xét về mặt pháp lý quốc tế, quốc gia không có nghĩa vụ phải dành cho những nhóm thể nhân này hay khác quyền cư trú nếu như họ không đáp ứng các yêu cầu là LHQ đề ra.

Trong các văn bản pháp luật quốc gia không hề có các quy định đương nhiên dành quyền cư trú cho công dân nước khác. Để được hưởng quyền cư trú thì công dân nước ngoài phải đáp ứng cơ sở chung là do bị truy đuổi vì lý do chính trị tại đất nước mình.

Không dành quyền cư trú cho những đối tượng sau đây:

- + Những cá nhân là tội phạm quốc tế (tội phạm chiến tranh, tội phạm diệt chủng v.v...)
- + Những người phạm tội hình sự trong nước hoặc phạm tội hình sự quốc tế như buôn bán ma túy, không tặc v.v...
- + Người thực hiện các hành vi trái với mục đích và nguyên tắc của LHQ.

CÂU HỎI HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

- 1. Hãy nêu khái niệm quyền con người trong lịch sử nhân loại?*
- 2. Hãy cho biết sơ bộ về lịch sử quyền con người trước khi có LHQ?*
- 3. Nguyên nhân bảo vệ quyền con người của LHQ là gì?*
- 4. Vấn đề bảo vệ quyền con người được quy định trong Hiến chương LHQ ra sao?*
- 5. Hãy cho biết vai trò của LHQ trong việc xây dựng các văn kiện quốc tế về quyền con người?*
- 6. Hãy cho biết vai trò của LHQ trong việc đảm bảo và thực hiện các quy phạm luật quốc tế về quyền con người?*
- 7. Hãy cho biết vai trò của các cơ quan chính và cơ quan giúp việc của LHQ trong việc bảo vệ quyền con người?*
- 8. Hãy nêu vai trò của LHQ trong cuộc đấu tranh chống vi phạm thô bạo hàng loạt các quyền và tự do cơ bản của con người?*
- 9. Hãy nêu nội dung cơ bản của các công ước năm 1949 về bảo vệ các nạn nhân chiến tranh?*
- 10. Hãy cho biết vai trò của LHQ trong việc bảo vệ các quyền cư trú của con người?*

Chương V

LIÊN HỢP QUỐC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN LUẬT QUỐC TẾ

Nhiệm vụ trọng tâm của LHQ được ghi rõ trong Hiến chương của mình là giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với các nguyên tắc công bằng và luật pháp quốc tế. Trong số các phương thức giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế của LHQ có hình thức trọng tài và hệ thống tòa án.

Theo Điều 13, một trong các chức năng của Đại hội đồng LHQ là "khuyến khích phát triển tiến bộ luật pháp quốc tế và pháp điển hóa chúng". Chức năng này được Đại hội đồng và các cơ quan chức năng khác thực hiện bằng cách tiến hành nhiều hội nghị quốc tế. Trong vòng 50 năm qua LHQ đã đảm bảo cho việc ký kết được hơn 450 thỏa thuận quốc tế, bao trùm hầu như toàn bộ các lĩnh vực quan hệ giữa các quốc gia và các lĩnh vực hoạt động xã hội con người. Công việc của LHQ trong các lĩnh vực được quan tâm rộng lớn như vấn đề môi trường, khoảng không vũ trụ, lao động việc làm của người nhập cư, đấu tranh chống tội phạm ma túy và khủng bố.

I. ĐIỀU CHỈNH PHÁP LÝ CÁC TRANH CHẤP QUỐC TẾ

Cơ quan chủ yếu của LHQ thực hiện sứ mạng điều chỉnh các tranh chấp quốc tế là Tòa án quốc tế (xem thêm chương II). Kể từ khi thành lập năm 1946 cơ quan này đã tiếp nhận xem xét trên 72 vụ tranh chấp do các quốc gia đệ trình lên, ngoài ra còn có 22 khuyến nghị do các tổ chức quốc tế yêu cầu xem xét. Hầu như toàn bộ các vụ việc được Tòa án quốc tế xem xét giải quyết với cơ cấu đầy đủ của mình, tuy nhiên từ 1981, bốn vụ việc được đệ trình lên các Ủy ban đặc trách theo yêu cầu của các bên tranh chấp. Hiện nay, thời hạn để Tòa xem xét thẩm định đưa ra các khuyến nghị theo yêu cầu là 21 ngày. Các vụ việc đệ trình lên tòa bao gồm các lĩnh vực rộng lớn trong xã hội loài người.

Không ít các vấn đề trên liên quan tới luật về biên giới. Năm 1953 xảy ra tranh chấp giữa Cộng hòa Pháp và Vương quốc Anh, Tòa phán quyết một số hòn đảo tại eo biển La-mans thuộc chủ quyền của Vương quốc Anh.

Trong một tranh chấp khác (năm 1959) Tòa án ủng hộ khiếu nại của Vương quốc Bỉ đối với Hà Lan về mảnh đất không có cửa biển thông thương nằm gần biên giới giữa hai nước. Năm 1960 Tòa án quốc tế tuyên bố rằng hành động của Ấn Độ không phương hại đến quyền qua lại không gây hại của Bồ-đào-nha giữa các vùng đất bị bao bọc bởi lãnh thổ Ấn Độ. Năm 1986 Ủy ban đặc biệt của Tòa án quốc tế ra phán quyết phân chia một phần biên giới giữa Buk-ki-na-pha-xô và Mali. Còn một tranh chấp lãnh thổ nữa đã được đưa ra xem xét tại tòa án giữa Li Bi và Cộng hòa Set năm 1990.

Những vụ việc khác đã được Tòa án xem xét lại liên quan tới luật biển. Năm 1949 Tòa án quyết định An-ba-ni phải chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất do mìn trong khu vực nội thủy của mình gây ra cho tàu chiến của Anh đang thực hiện quyền qua lại vô hại trong khu vực này. Về tranh chấp quyền đánh bắt cá giữa Vương quốc Anh và Na Uy, Tòa án quốc tế năm 1951 phán quyết rằng phương thức thiết lập đường biên giới nội thủy của Na Uy không trái với luật quốc tế hiện hành. Năm 1969 theo yêu cầu của Đan Mạch, Hà Lan và Cộng hòa liên bang Đức, Tòa án đã xác định những nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế làm cơ sở cho việc hoạch định đường biên giới các vùng thêm lục địa Biển Bắc thuộc chủ quyền của mỗi quốc gia đó. Năm 1974 Tòa quyết định Ai-xlen có quyền đơn phương giữ tàu của Vương quốc Anh và Cộng hòa liên bang Đức tại những vùng nằm giữa các ranh giới đã được hoạch định là vùng đánh bắt cá (thỏa thuận năm 1961) và nằm giữa khu vực ranh giới 50 hải lý do Ai-xlen thiết lập năm 1972.

Năm 1982, theo yêu cầu của Tuy-ni-di và Li Bi và năm 1985 nhân có vụ việc do Li-bi và Man-ta đệ trình xem xét, Tòa án đã đề ra các nguyên tắc và chuẩn mực luật quốc tế áp dụng để phân chia ranh giới các vùng thêm lục địa vùng biển Địa Trung Hải thuộc chủ quyền của mỗi quốc gia nói trên. Năm 1984 Ủy ban đặc biệt của Tòa án quốc tế định ra đường biên giới trên biển phân chia thêm lục địa và vùng đánh bắt cá của Canada và Mỹ tại vùng vịnh Men. Năm 1993 Tòa án với cơ cấu đầy đủ của mình đã ra quyết định về quyền đi lại qua biên giới biển giữa Grin Len và đảo Ian Ma En, phân chia thêm lục địa và vùng đánh bắt cá giữa Đan Mạch và Na Uy. Tòa còn xem xét một vụ việc nữa về tranh chấp quyền qua lại vùng biên giới biển giữa Ghinê và Xê-nê-gan. Năm 1995 Ai-xlen khởi kiện Canada liên quan tới luật Canada về bảo vệ quyền đánh bắt và khai thác cá ở vùng ven biển và việc áp dụng luật này trong thực tế. Năm 1992 ủy ban đặc biệt của Tòa án ra quyết định giải quyết tranh chấp giữa Xan-va-đo và Hôn-đu-rát liên quan tới ranh giới đường bộ và

đường biển giữa các quốc gia này. Trong quá trình xem xét giải quyết lại nảy ra hai tranh chấp nữa giữa Quata và Bắc-rên, giữa Ca-mơ-run và Ni-giê-ri-a cũng về vấn đề phân chia ranh giới đường bộ và đường biển.

Những tranh chấp khác lại liên quan tới các vấn đề trao quyền đảm bảo ngoại giao trong các vụ việc như quyền tị nạn ở châu Mỹ La Tinh (Cô-lôm-bi-a chống lại Pê-ru năm 1950) và quyền công dân Hợp chủng quốc Hoa-kỳ ở Ma-rốc (Pháp chống lại Mỹ năm 1951) cũng như vấn đề về quyền công dân Liechtenstein chống lại Goa-tê-ma-la. Năm 1970 tòa án ra phán quyết rằng Bỉ đã bảo vệ một cách bất hợp pháp quyền lợi của người đầu tư là công dân Bỉ vào công ty của Ca-na-đa trong khi công ty này còn là đối tượng của một số biện pháp cưỡng chế ở Ai-xlen. Năm 1989 Ủy ban đặc biệt của tòa án từ chối vụ kiện đòi hỏi bồi thường do Mỹ kiện Ý liên quan đến việc trưng dụng các công ty nằm ở Xi-xin thuộc các công ty mẹ của Mỹ.

Tòa án quốc tế còn xem xét tranh chấp về dự án do Bỉ và cộng hòa Xlô-va-ki-a đệ trình năm 1994 liên quan tới các vấn đề về bảo vệ môi trường. Vụ tranh chấp trên đã được tòa án quốc tế xem xét với đầy đủ cơ cấu của mình. Tuy nhiên năm 1993 các quốc gia chỉ có thể đệ trình các tranh chấp trong lĩnh vực này lên các ủy ban đặc biệt giải các vấn đề về môi trường của tòa án.

Xem xét các vụ việc về thực hiện nghĩa vụ của các quốc gia bảo hộ đối với lãnh thổ vùng Tây-nam châu Phi (Nam-mi-bi-a) năm 1966 tòa án đã quyết định rằng Ê-ti-ô-pi-a và Li-bê-ri-a không có bất cứ quyền hạn và quyền lợi nào trong vụ kiện do các nước trên kiện Nam Phi. Tòa cũng đã đưa ra 4 khuyến nghị liên quan đến Nam-mi-bi-a. Ba trong số các khuyến nghị trên đã được chất vấn tại Đại hội đồng LHQ. Trong khuyến nghị thứ nhất (năm 1950). Tòa cho thấy Nam Phi tiếp tục duy trì chế độ bảo hộ mặc dù Hội quốc liên đã tuyên bố chấm dứt sự tồn tại của nó. Khuyến nghị thứ tư được Hội đồng Bảo an LHQ chất vấn, được đệ trình năm 1971, Tòa án quốc tế đã tuyên bố việc tồn tại một Nam Phi trong Nam-mi-bi-a là bất hợp pháp, và rằng Nam Phi phải rút toàn bộ bộ máy hành chính của mình về nước và chấm dứt việc chiếm đóng lãnh thổ. Còn một vụ việc nữa do các nước đệ trình (Áo, và Cộng hòa Nauru) năm 1993 sau khi các nước này ký kết thỏa thuận với nhau liên quan tới tranh chấp lãnh thổ trước kia từng là vùng đất bảo hộ - hòn đảo Nauru. Năm 1991 Bồ-đào-nha từng là cường quốc thuộc địa, chiếm đóng vùng Đông Ti-mo, đã khởi kiện nước Áo trong việc tranh chấp về "một số hoạt động của Áo liên quan đến Đông Ti-mo".

Một số những khuyến nghị được Đại hội đồng LHQ chất vấn liên quan đến quan hệ giữa LHQ và các thành viên. Một trong số khuyến nghị đó được

đưa ra vào năm 1949, về những phát sinh sau khi có vụ ám sát chuyên gia trung gian hòa giải của LHQ tại Pa-lét-xtin: Tòa án cho rằng LHQ có quyền kiện đòi bồi thường, đối với bất cứ quốc gia nào, về tổn hại gây ra cho cộng tác viên của mình. Năm 1988, Tòa án quốc tế đưa ra quan điểm rằng với nội dung đang có hiệu lực thi hành của thỏa thuận về đặt địa điểm cho trụ sở các cơ quan trung ương của LHQ, Mỹ buộc phải đưa ra xem xét hòa giải vụ tranh chấp liên quan tới lệnh đóng cửa uỷ ban quan sát viên của Phong trào giải phóng dân tộc Pa-let-xtin đóng tại Niu Oóc. Một vụ việc khác đòi hỏi đưa ra khuyến nghị liên quan tới việc một số quốc gia từ chối đóng góp cho các khoản chi phí cho chiến dịch gìn giữ hòa bình ở Trung Đông và Công-gô. Tòa đã quyết định vào năm 1962 rằng theo Hiến chương của LHQ thì các khoản chi phí kể trên phải do tất cả các quốc gia thành viên đóng góp. Khuyến nghị cuối cùng trong năm 1989 do Tòa án đưa ra do yêu cầu của Hội đồng Kinh tế và Xã hội về áp dụng bản báo cáo trước đây của tiểu ban soạn thảo các điều khoản của Công ước về quyền đặc quyền và bất khả xâm phạm của LHQ.

Năm khuyến nghị đề cập đến một số khía cạnh của các quyết định tòa án hành chính của LHQ và Tổ chức lao động quốc tế. Hiện nay, Tòa án đang trong quá trình chuẩn bị đưa ra 2 khuyến nghị: một được đưa ra theo yêu cầu của Tổ chức y tế thế giới liên quan tới tính pháp lý của việc sử dụng vũ khí hạt nhân của các quốc gia trong xung đột vũ trang; khuyến nghị thứ hai do chính Đại hội đồng LHQ yêu cầu liên quan tới tính chất pháp lý của việc đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân.

Một số vụ việc gần đây trong thời kỳ chiến tranh lạnh và xung đột khu vực cũng đã được đệ trình lên Tòa án quốc tế xem xét. Năm 1980 theo đơn kiện của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về vụ chiếm đại sứ quán của Mỹ ở Tê-hê-ran và bắt giữ nhân viên ngoại giao và lãnh sự của nước này, Tòa quyết định I-ran phải giải phóng toàn bộ con tin, bồi thường tổn thất cho đại sứ quán. Tuy nhiên, trước khi Tòa án định ra mức bồi thường thì sau khi đạt được thỏa thuận giữa hai nước vụ kiện đã được thu hồi. Vào năm 1989 I-ran đệ trình Tòa án quốc tế yêu cầu xét xử vụ tàu chiến "Vincenes" của Mỹ bắn rơi máy bay chở khách của hãng hàng không quốc gia I-ran Avialiner và định ra trách nhiệm phía Mỹ để I-ran được bồi thường thiệt hại. Cho đến nay sự việc trên mới chỉ dừng ở giai đoạn thẩm tra.

Năm 1984 Ni-ca-ra-go tuyên bố Mỹ sử dụng vũ lực chống lại Ni-ca-ra-go và can thiệp vào công việc nội bộ của mình. Mỹ không công nhận thẩm quyền xét xử của Tòa án trong vụ việc này. Tuy nhiên sau xem xét theo thể thức tố tụng, Tòa phán quyết rằng vụ việc trên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án và thông

báo với phía Ni-ca-ra-goa rằng vụ việc có thể được đưa ra xét xử. Mỹ vẫn từ chối công nhận cả phán quyết trên lẫn quyết định năm 1986 trong đó Tòa án quy định Mỹ đã hành động vi phạm nghĩa vụ quốc tế của mình trong quan hệ với Ni-ca-ra-goa, phải chấm dứt mọi hành động nêu trên và bồi thường tổn thất. Ni-ca-ra-goa đề nghị Tòa án quốc tế phân định hình thức và mức độ bồi thường, tuy nhiên đề nghị trên đã được rút lại vào năm 1991.

Năm 1986 Ni-ca-ra-goa cũng khởi kiện chống lại Cô-xta-ri-ca và Hôn-đu-rát, tuyên bố rằng các nước này phải chịu trách nhiệm về hành động vũ trang ở vùng biên giới. Sự việc trên cũng được bãi bỏ do đạt được thỏa thuận giữa các bên.

Năm 1992 Libi kiện Vương quốc Anh và Mỹ về việc diễn giải Công ước Mông-rê-an về răn đe các hành động bất hợp pháp đối với an toàn hàng không dân dụng, liên quan tới thảm họa máy bay "Pan America" chuyến 103 ở bầu trời Lốc-cơ-bai (Scốt-len) ngày 21 tháng 12 năm 1988.

Năm 1993 Bôx-nhia và Héc-xe-gô-vi-na khởi kiện chống lại Nam Tư cũ về vấn đề thực hiện Công ước quốc tế về ngăn ngừa tội phạm diệt chủng và hình phạt đối với loại tội phạm này. Tháng 4 và tháng 9 năm 1993 Tòa án trong các nghị quyết của mình về biện pháp phòng vệ đã kêu gọi các bên ngăn chặn các hành động diệt chủng và không làm cho tranh chấp thêm căng thẳng và lan rộng hơn nữa.

II. SỰ PHÁT TRIỂN VÀ QUÁ TRÌNH PHÁP ĐIỂN HÓA LUẬT QUỐC TẾ

Ủy ban luật quốc tế được Đại hội đồng LHQ sáng lập năm 1947 với mục đích thúc đẩy hướng phát triển tiến bộ của luật quốc tế và pháp điển hóa chúng. Ủy ban với lịch trình tiến hành hội nghị mỗi năm một lần, được cơ cấu từ 34 thành viên do Đại hội đồng LHQ bầu trong thời hạn 5 năm. Các thành viên thực hiện nghĩa vụ quyền hạn của mình với tư cách cá nhân mà không phải với tư cách đại diện cho chính phủ của mình. Công việc của Ủy ban chủ yếu là soạn thảo tài liệu về lĩnh vực luật quốc tế. Một số chủ đề do Ủy ban lựa chọn làm việc, một số lại chuyển cho Đại hội đồng LHQ hoặc Hội đồng kinh tế và xã hội. Sau quá trình soạn thảo các điều khoản về một vấn đề cụ thể được Ủy ban thực hiện xong, Đại hội đồng LHQ thường triệu tập hội nghị quốc tế với thành phần là các đại diện có thẩm quyền đầy đủ của các chính phủ để đưa dự thảo các điều khoản luật vào nội dung công ước, và công ước sau đó sẽ được đề nghị cho các quốc gia ký kết.

Ví dụ:

Năm 1958 hội nghị LHQ đã thông qua 4 công ước về luật biển: Công ước về công hải, Công ước về lãnh hải và vùng phụ cận. Công ước về đánh bắt cá và bảo vệ tài nguyên khu vực công hải, và Công ước thêm lục địa;

Năm 1961 hội nghị LHQ biểu quyết thông qua Công ước về giảm thiểu tình trạng không quốc tịch;

Hai hội nghị LHQ tổ chức tại Viên năm 1961 và 1963 đã thông qua, theo thư tự là Công ước Viên về quan hệ ngoại giao và Công ước Viên về quan hệ lãnh sự;

Hội nghị quốc tế tại Viên năm 1968 và 1969 thông qua Công ước về luật ký kết hợp đồng quốc tế;

Bản dự thảo do Ủy ban biên soạn bao gồm các điều khoản về các sứ mạng đặc biệt và về ngăn chặn và trừng phạt các loại tội phạm xâm hại những người được hưởng quyền bảo vệ quốc tế, trong đó bao gồm cả các chính khách ngoại giao. Đại hội đồng LHQ trực tiếp xem xét và đã thông qua công ước về những vấn đề này vào năm 1969 và 1973.

Năm 1975 hội nghị quốc tế đã thông qua Công ước Viên về đại diện của các quốc gia trong quan hệ giữa các quốc gia với các tổ chức quốc tế.

Một hội nghị khác do Đại hội đồng LHQ triệu tập và tiến hành tại Viên tháng 4 năm 1977 và tháng 8 năm 1978 kết thúc bằng việc thông qua Công ước Viên về kế thừa điều ước quốc tế;

Tháng 4 năm 1983 Hội nghị LHQ về vấn đề kế thừa tài sản, tài liệu lưu trữ, hay công nợ nhà nước, đã thông qua tại Viên công ước về vấn đề này;

Thế theo quyết nghị do Đại hội đồng thông qua năm 1984, tháng 3 năm 1986 tại Viên đã tổ chức Hội nghị LHQ và Hội nghị đã thông qua Công ước Viên về luật ký kết điều ước quốc tế giữa các quốc gia và các tổ chức quốc tế hoặc giữa các tổ chức quốc tế với nhau.

Năm 1978 sau khi Ủy ban hoàn thành bản thảo các điều khoản và chế độ tối huệ quốc (trong quan hệ thực tiễn thương mại). Đại hội đồng LHQ lưu ý rằng công việc trong lĩnh vực này đã thực sự có bước tiến quan trọng và đã ra quyết nghị chuyển bản dự thảo trên cho các quốc gia thành viên và các tổ chức quốc tế có quan tâm về lĩnh vực này để bản thảo tiếp tục được xem xét bàn luận.

Năm 1989 và năm 1991 Ủy ban thông qua dự thảo các điều khoản quy chế tùy viên ngoại giao và thư tín ngoại giao không chuyển cùng tùy viên ngoại giao, dự thảo các điều khoản về quyền bất khả xâm phạm thẩm quyền xét xử của các quốc gia và tài sản nhà nước, dự thảo về quyền sử dụng các loại phương tiện ống truyền tải quốc tế không tự hành và dự thảo quy chế tòa hình sự quốc

tế. Đại hội đồng LHQ đang tiến hành xem xét các bước đi cần thiết để tiến tới thông qua các bản thảo này.

Hiện tại Ủy ban đang tiến hành pháp điển hoá và thúc đẩy quá trình phát triển tiến bộ các chuẩn mực luật pháp trong lĩnh vực trách nhiệm pháp lý của các quốc gia; trách nhiệm nghĩa vụ quốc tế đối với các hành động gây hậu quả có hại mà còn chưa bị luật pháp quốc tế hiện hành ngăn cấm, cũng như tiến hành soạn thảo Bộ luật tội phạm chống lại hoà bình và an ninh nhân loại (về vấn đề này, năm 1991 Ủy ban đã biểu quyết thông qua toàn bộ các bản thảo điều khoản ngay trong bản báo cáo thuyết trình đầu tiên). Năm 1994 Ủy ban đã đưa vào chương trình nghị sự vấn đề luật và thực tiễn liên quan tới điều khoản bảo lưu trong quan hệ điều ước và vấn đề chuyển quyền và nghĩa vụ quốc gia trong mối liên quan ảnh hưởng của nó đối với quốc tịch của thể nhân và pháp nhân.

1. Luật thương mại quốc tế

Với nỗ lực nâng cao vai trò của LHQ trong việc loại bỏ hay hạn chế những khiếm khuyết, trở ngại pháp lý về lĩnh vực thương mại, Đại hội đồng LHQ năm 1966 sáng lập ra Ủy ban LHQ về luật thương mại quốc tế (UNSCITRAL) với mục đích thúc đẩy ký kết các thỏa thuận tiến bộ và thống nhất hóa các quy phạm pháp luật thương mại quốc tế. Ủy ban với thành phần đại diện từ 36 quốc gia và vì vậy các thành viên của Ủy ban đại diện cho các vùng địa lý, hệ thống kinh tế và pháp lý khác nhau trên thế giới, hàng năm đệ trình báo cáo lên Đại hội đồng LHQ, cũng như lên Hội nghị LHQ về thương mại và phát triển (UNCTAD).

Trong số các nhiệm vụ được giao cho Ủy ban có: phối hợp hoạt động của các tổ chức quốc tế có chức năng nghiên cứu, làm việc về luật thương mại quốc tế; thúc đẩy sự phát triển, tham gia của các quốc gia hơn nữa vào các công ước quốc tế hiện hành; và soạn thảo ra các công ước và các tài liệu pháp lý mới về luật thương mại quốc tế. Các chức năng của Ủy ban cũng đồng thời bao gồm việc chuẩn bị đội ngũ cán bộ và trợ giúp trong lĩnh vực luật thương mại bằng cách tổ chức các hội thảo chuyên đề và tư vấn ở mức độ quốc gia và khu vực. Trợ giúp kỹ thuật tức là tư vấn cho các quốc gia trong quá trình soạn thảo hệ thống luật pháp nhà nước trên cơ sở các văn bản đã được Ủy ban soạn sẵn.

Ủy ban tập trung chủ yếu vào việc nghiên cứu và soạn thảo quy phạm pháp lý thống nhất trong các lĩnh vực sau: mua bán hàng hóa quốc tế, thanh toán quốc tế, bao gồm cả việc điều chỉnh pháp lý việc chuyển giấy tờ có giá trị bằng tiền có trợ giúp của máy tính điện tử, trọng tài thương mại quốc tế và hệ

thống pháp luật về lĩnh vực vận chuyển, môi giới, cung ứng thương mại hàng hải.

Công ước về thời hạn kiện tụng trong lĩnh vực mua bán quốc tế là công ước đầu tiên mà Ủy ban phải tổ chức thực hiện và được thông qua năm 1974 tại Hội nghị của các đại diện có thẩm quyền đầy đủ của LHQ do Đại hội đồng LHQ triệu tập. Công ước này đã có một số sửa đổi sau khi Nghị định thư 1980 ban hành. Một hội nghị quốc tế tương tự đã thông qua vào năm 1978 Công ước LHQ về vận chuyển hàng hóa bằng đường biển (Công ước còn được gọi là những nguyên tắc Hăm bước). Hội nghị quốc tế thứ 3 được tổ chức năm 1980 thông qua Công ước LHQ về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, còn tại hội nghị quốc tế ở Viên năm 1991, Công ước của LHQ về trách nhiệm của chủ khai thác phương tiện vận tải cố định trong buôn bán quốc tế. Năm 1988 Đại hội đồng LHQ thông qua Công ước về hối phiếu quốc tế chuyển nhượng được và hối phiếu quốc tế không chuyển nhượng. Ủy ban đã thông qua bộ luật mẫu của UNSITRAL về trọng tài thương mại quốc tế (năm 1985), bộ luật mẫu của UNSITRAL về ngân phiếu tín dụng quốc tế (năm 1992) và bộ luật mẫu của UNSITRAL về ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa, xây dựng và dịch vụ (năm 1994). Quy chế trọng tài của UNSITRAL (năm 1976) và qui chế thỏa thuận của UNSITRAL (năm 1980) là những quy chế mẫu bổ sung do Ủy ban soạn thảo ra. Năm 1987 Ủy ban công bố Chỉ đạo pháp lý của UNSITRAL về việc lập các hợp đồng quốc tế trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp, còn năm 1992 khuyến nghị pháp lý của UNSITRAL về hợp đồng môi giới quốc tế.

Ngày nay, các dự thảo khác cũng đang được tiến hành nghiên cứu, trong đó có dự thảo công ước về những đảm bảo vô điều kiện và tín phiếu dự trữ, dự thảo bộ luật mẫu về trao đổi những tín phiếu trên với sự tham gia của phương tiện thông tin điện tử, dự thảo về giới thiệu thực tiễn kế hoạch hóa quá trình điều tra xét xử, cũng như nghiên cứu về các vấn đề phá sản xuyên quốc gia, về khía cạnh pháp lý công nợ tài chính, và về các dự thảo dạng "xây dựng - khai thác- chuyển giao".

2. Luật biển

Hội nghị đầu tiên của LHQ về luật biển (Giơ-ne-vơ, năm 1958) kết thúc với việc thông qua bốn công ước: công ước về công hải, công ước về lãnh hải và vùng phụ cận, công ước về thềm lục địa, công ước về đánh bắt cá và bảo vệ tài nguyên vùng công hải, cơ sở nội dung của các công ước này là các bản dự thảo đã được Ủy ban luật quốc tế chuẩn bị (xem trên). Hội nghị thứ hai của

LHQ về luật biển (năm 1960) đã không đạt được thỏa thuận về chiều rộng vùng nội thủy và vùng đánh bắt cá.

Năm 1968 Đại hội đồng LHQ thành lập Tiểu ban về sử dụng vào mục đích hòa bình khu vực đáy biển và đại dương nằm ngoài phạm vi quyền tài phán của quốc gia. Năm 1969 bắt đầu công việc bằng việc tuyên bố các nguyên tắc pháp lý điều chỉnh việc sử dụng, khai thác khu vực đáy biển và tài nguyên của nó. Một năm sau đó, Đại hội đồng LHQ nhất trí thông qua Tuyên cáo do Tiểu ban soạn thảo về các nguyên tắc, trong đó nêu rõ "đáy biển và đại dương và lớp đất bên dưới nằm ngoài phạm vi quyền tài phán quốc gia... cũng như tài nguyên của khu vực này là thành quả chung của nhân loại", chúng được sử dụng và khai thác với mục đích hòa bình, không thuộc sở hữu, thăm dò, khai thác của riêng của quốc gia nào, và việc sử dụng chúng phải tuân thủ quy định quốc tế. Đại hội đồng đồng thời thông qua quyết định về triệu tập hội nghị mới về luật biển để chuẩn bị cho việc ký kết văn bản pháp lý thống nhất và toàn diện.

Hội nghị thứ 3 của LHQ về luật biển bắt đầu bằng phiên họp và tổ chức năm 1973. Tại phiên họp thứ hai tổ chức tại Ca-ra-cát (Vê-nê-du-ê-la) năm 1974, phiên họp đã chuẩn y đề nghị của Tiểu ban về đáy biển, theo đó Ủy ban phải tiến hành xem xét soạn thảo văn bản mới về luật biển theo thể thức "cả gói". Theo thể thức này, một điều khoản hay một chương không thể được thông qua trong khi chưa bàn thảo tất cả các điều khoản khác. Vì vậy, không những mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các vấn đề đang xem xét được chú trọng mà còn cần phải đạt được thỏa hiệp từ những bất đồng còn gay gắt, để văn bản pháp lý cuối cùng có thể có hiệu lực.

Văn bản không chính thức đầu tiên được soạn thảo vào năm 1975, với mục đích làm cơ sở cho đàm phán. Cả quá trình 7 năm tiếp sau, trong quá trình đàm phán diễn ra ở các tiểu ban của Hội nghị và ở các nhóm riêng biệt, nội dung văn bản đã không ít lần được sửa đổi sâu sắc.

Phương án cuối cùng của công ước mới đã được thông qua bởi Hội nghị diễn ra trong các trụ sở chính của LHQ vào ngày 30 tháng 4 năm 1982 với 130 phiếu thuận, 4 phiếu chống và 17 phiếu trắng. Khi Công ước mới của LHQ về luật biển được công bố cho các quốc gia ký kết tại Mông-te-gô (Gia-mai-ca) ngày 10 tháng 12 năm 1982 đã có 117 quốc gia và 2 tổ chức khác ký, nhiều hơn bất cứ văn bản pháp lý quốc tế nào được mở ra ký kết trong ngày đầu tiên. Đến cuối giai đoạn đưa ra ký kết, ngày 9 tháng 12 năm 1984 Công ước đã được 159 quốc gia và các tổ chức khác như Tổ chức kinh tế châu Âu ký. Công ước có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 1994, một năm sau đó đã có 60 văn bản các nước

đề trình xin phê chuẩn hoặc tham gia. Đến 2 tháng 3 năm 1995 thành viên tham gia Công ước bao gồm 75 quốc gia phê chuẩn.

Công ước bao trùm lên hầu như toàn bộ các lĩnh vực sử dụng khai thác biển và đại dương của con người: giao thông trên biển và vùng trời trên biển, thăm dò và khai thác tài nguyên, bảo vệ và vấn đề ô nhiễm môi trường biển, đánh bắt cá và giao thông tàu thuyền. Với 320 điều khoản và 9 phụ trương, Công ước là bộ luật mang tính chỉ dẫn đối với hoạt động của các quốc gia trên biển và đại dương, định ra các khu vực biển, thiết lập các quy chế phân chia đường biên giới biển, định ra quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý của các quốc gia và đảm bảo cơ cấu điều chỉnh các tranh chấp.

Trong số các quy chế chủ yếu của Công ước cần lưu ý các quy chế sau:

Các quốc gia ven biển thực hiện chủ quyền của mình đối với lãnh hải và khu vực ven biển rộng không quá 12 hải lý, tuy nhiên tàu bè nước ngoài có quyền "qua lại vô hại" ở các vùng nước này chỉ với mục đích thông thương trên biển;

Tàu và các phương tiện bay của tất cả các nước có quyền "quá cảnh" qua các eo biển sử dụng vào mục đích vận tải đường biển quốc tế; các quốc gia nằm trên vùng bờ các eo biển có quyền điều hành giao thông vận tải tàu thuyền và các hình thức giao thông vận tải khác trong khu vực này;

Các quốc gia quần đảo gồm một quần đảo hay nhiều quần đảo có mối liên kết chặt chẽ với nhau và vùng nước giữa chúng, có chủ quyền đối với toàn bộ khu vực biển, mà giới hạn là đường kẻ thẳng nối các điểm của quần đảo nằm xa nhất về phía biển. Các quốc gia khác được quyền qua lại dọc theo các hành lang biển đã được thiết lập;

Các quốc gia ven biển trong phạm vi 200 hải lý vùng đặc quyền kinh tế, thiết lập chủ quyền của mình đối với tài nguyên thiên nhiên và một số hoạt động kinh tế và có quyền trong lĩnh vực thăm dò khoa học và bảo vệ môi trường; các quốc gia khác có quyền tự do hoạt động giao thông vận tải và hàng không trên vùng biển này, cũng như được tự do lắp đặt cáp và đường ống trong phạm vi vùng biển này; các quốc gia không có đường thông thương ra biển và nằm ở vị trí địa lý không thuận lợi, có thể được tham gia vào khai thác một phần nguồn cá của vùng biển này theo tỷ lệ nhất định, nếu như quốc gia ven biển không khai thác hết nguồn tài nguyên cá ở vùng này; hơn nữa, Công ước còn quy định riêng bảo vệ các loài cá di cư và sinh vật biển.

Các quốc gia ven biển có chủ quyền trên vùng thềm lục địa (khu vực đất đai quốc gia nằm ở đáy biển) đối với các hoạt động thăm dò và khai thác; thềm lục địa trải dài trong phạm vi 200 hải lý kể từ đường bờ biển, nhưng trong

những điều kiện nhất định, nó còn được tính dài hơn; Các quốc gia ven biển phải chia sẻ với cộng đồng một phần lợi nhuận mà họ đã thu được từ việc khai thác tài nguyên bất kỳ phần nào của thêm lục địa của mình nằm ngoài phạm vi 200 hải lý; Ủy ban về biên giới thêm lục địa sẽ cho các quốc gia những chỉ dẫn liên quan tới phía ngoài biên giới thêm lục địa, nếu như thêm lục địa được tính rộng hơn phạm vi 200 hải lý.

Tất cả các quốc gia có quyền hạn tự do giao thông vận tải đường thủy, hàng không, tiến hành nghiên cứu thăm dò khoa học và đánh bắt cá vùng công hải theo truyền thống của mình; các quốc gia phải có trách nhiệm tự mình hoặc hợp tác với các quốc gia khác đề ra các chính sách, quy định điều chỉnh và bảo vệ động thực vật biển;

Các quốc gia có bờ biển không thông thương hoặc bán thông thương cũng được mời tham gia hợp tác trong các vấn đề điều chỉnh nguồn tài nguyên sinh vật biển, vào quá trình soạn thảo đường lối chính sách và thực hiện hoạt động trong lĩnh vực môi trường và thăm dò nghiên cứu khoa học;

Các quốc gia không có đường thông thương ra biển có quyền được tự do quá cảnh qua lãnh thổ của quốc gia "quá cảnh" để tới được biển và từ biển vào.

Các quốc gia cùng có nghĩa vụ tìm biện pháp ngăn chặn hoặc kiểm soát được ô nhiễm biển và chịu trách nhiệm về tổn thất do mình gây ra do vi phạm nghĩa vụ đấu tranh chống những loại ô nhiễm này;

Tất cả các nghiên cứu thăm dò khoa học ở vùng đặc quyền kinh tế và vùng thêm lục địa chỉ được tiến hành sau khi có sự đồng ý của quốc gia ven biển, tuy nhiên quốc gia ven biển nói chung phải cho phép các quốc gia khác tiến hành công việc thăm dò nêu trên nếu việc thăm dò nghiên cứu này được tiến hành với mục đích hòa bình nhằm thực hiện những yêu cầu định trước;

Các quốc gia phải hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ biển trên nguyên tắc "công bằng bình đẳng và hợp lý";

Các quốc gia phải giải quyết bằng phương pháp hòa bình các bất đồng phát sinh với nhau trong quá trình giải thích và áp dụng Công ước; Các vấn đề tranh chấp mâu thuẫn cũng có thể được đệ trình lên Tòa án quốc tế về luật biển, được lập ra phù hợp với nội dung Công ước, lên Tòa án hay trọng tài quốc tế. Có thể áp dụng những thủ tục thỏa thuận mà trong những điều kiện nhất định, những thủ tục đó trở thành bắt buộc đối với các bên. Tòa án quốc tế về luật biển mang tính thẩm quyền xét xử đặc biệt đối với các tranh chấp liên quan tới khai thác tài nguyên hữu ích ở đáy biển thuộc các vùng nước sâu.

Khai thác khoáng sản đáy biển ở những khu vực nước sâu

Trải qua nhiều năm tháng sau khi Công ước được thông qua năm 1982, các điều khoản của chương XI, quy định việc khai thác đáy biển những khu vực nước sâu, được các quốc gia đánh giá là những trở ngại cho việc thông qua toàn bộ Công ước. Đặc biệt dễ nhận thấy là quan điểm chủ đạo xây dựng nên các điều khoản này là của các nước có nền công nghiệp hiện đại.

Theo nội dung của Công ước thì tất cả các hoạt động tìm kiếm và khai thác đáy biển nằm dưới sự kiểm soát của Tổ chức quốc tế về đáy biển; Tổ chức này có toàn quyền tiến hành các hoạt động riêng của mình để khai thác khoáng sản thông qua cơ quan điều hành của mình là Xí nghiệp khai thác, hoặc cũng có thể ký kết hợp đồng với xí nghiệp, công ty tư nhân và nhà nước, trao cho các xí nghiệp này quyền được tiến hành khai thác trong vùng biển và vì vậy các xí nghiệp này có khả năng tiến hành các hoạt động song song với các hoạt động của chính Tổ chức quốc tế về đáy biển. "Những người" đầu tiên chạm được đáy biển - "Những người đầu tư đầu tiên" trở thành những người có lợi thế vì đã nhận được giấy phép thăm dò tìm kiếm thì cũng có nghĩ là họ tự đảm bảo cho mình khả năng được khai thác tài nguyên trong tương lai.

Các quốc gia thể hiện những bất đồng đối với Công ước và chủ yếu họ yêu cầu phải soạn thảo kỹ lưỡng hơn nữa vấn đề về thủ tục cấp giấy phép để tổ chức thăm dò địa điểm có khoáng sản dưới đáy biển khu vực nước sâu; những khiếm khuyết của Công ước còn được kể đến là sự công kênh nhiều khe của các quy định tài chính trong ký kết hợp đồng; trong việc nhận quyết định của Hội đồng tổ chức về đáy biển trong thủ tục cũng nhắc về chuyển giao công nghệ.

Với mục đích loại bỏ những bất đồng trên, Tổng thư ký LHQ đã tiến hành hàng loạt cuộc họp tư vấn không chính thức với các bên hữu quan. Các cuộc họp tư vấn này kéo dài tới gần 4 năm. Kết quả là năm 1994 Đại hội đồng LHQ đã thông qua Thỏa thuận về việc hoàn thiện chương XI Công ước LHQ về luật biển. Thỏa thuận này xóa bỏ những vướng mắc làm cản trở việc thông qua toàn bộ Công ước, bằng việc thay thế những điều khoản chung, bằng quy định trình tự thủ tục chi tiết cụ thể, những trình tự thủ tục này hoặc là được quy định ngay trong Công ước hoặc là làm nguồn cho các quy định cụ thể về trình tự cấp giấy phép khai thác tài nguyên khoáng sản đáy biển khu vực nước sâu mà Tổ chức quốc tế về đáy biển sẽ thông qua sau này. Thỏa thuận cũng loại bỏ yêu cầu bắt buộc chuyển giao công nghệ và đảm bảo cho một số quốc gia hoặc nhóm các quốc gia có quyền đại diện trong Hội đồng và cho các quốc gia đó

quyền hạn nhất định trong việc thông qua các quyết định của Hội đồng. Trụ sở của Tổ chức thế giới về đáy biển đặt tại King-ston (Gia-mai-ca).

Hiệu lực của Công ước.

Thậm chí trước khi có hiệu lực thi hành, Công ước đã tạo cho các quốc gia một chỗ dựa vững chắc cho các hoạt động trong tất cả các lĩnh vực liên quan tới các đại dương trên thế giới, tới việc sử dụng khai thác chúng và tài nguyên của chúng. Các quốc gia kế tiếp nhau, bằng luật pháp quốc gia và quốc tế và cùng với quá trình thông qua những quyết định phù hợp, đã khẳng định giá trị của Công ước như một văn bản pháp lý quốc tế cơ bản trong lĩnh vực khai thác và sử dụng biển. Hiện tại kết quả chủ yếu của Công ước là việc 128 quốc gia ven biển thiết lập vùng lãnh hải với bề rộng không vượt quá 12 hải lý hoặc vùng đặc quyền đánh bắt cá không vượt quá 200 hải lý và trong mọi trường hợp đều phù hợp với Công ước. Ảnh hưởng tích cực của Công ước trong một lĩnh vực khác là tàu thuyền được tự do qua lại vùng lãnh hải hoặc là qua các vịnh sử dụng vào mục đích thông thương quốc tế. Các quy định của Công ước về vấn đề trên đã được nhiều quốc gia ven biển đưa vào hệ thống luật pháp của mình.

3. Tòa án quốc tế

Đứng trước thực trạng xảy ra hàng loạt các vi phạm luật pháp quốc tế về nhân đạo ở Nam Tư cũ và Ru-an-đa, Hội đồng Bảo an LHQ đã thành lập 2 tòa án quốc tế để thực hiện quyền xét xử những người phải chịu trách nhiệm đối với những tội phạm này. Tòa án hình sự quốc tế đối với Nam Tư cũ và Tòa án quốc tế đối với Ru-an-đa đã được thiết lập vào tháng 5 năm 1993 và tháng 11 năm 1994. Cả hai tòa án này được thành lập trên cơ sở chương VII của Hiến chương, trong đó có quy định về các biện pháp cưỡng chế. Tòa án về Nam Tư cũ đã được ra những phán quyết đầu tiên vào đầu năm 1995.

4. Khủng bố quốc tế

Quan tâm tới thực trạng phát triển lan tràn của chủ nghĩa khủng bố, Đại hội đồng LHQ vào năm 1972 đã sáng lập Tiểu ban chuyên trách về chống khủng bố quốc tế, bao gồm 35 thành viên. Năm 1977 Đại hội đồng yêu cầu nghiên cứu những nguyên nhân cụ thể của chủ nghĩa khủng bố và đệ trình biện pháp bài trừ tệ nạn khủng bố này.

Năm 1979 Đại hội đồng nhấn mạnh tới tầm quan trọng của việc hợp tác quốc tế trong vấn đề đấu tranh chống nạn khủng bố quốc tế Đại hội đồng đã phê chuẩn báo cáo do Tiểu ban đệ trình và lên án gay gắt tất cả các hành động khủng bố quốc tế đe dọa cuộc sống hoặc vi phạm quyền tự do cơ bản của con người, cũng như lên án sự tiếp diễn của các hành động đàn áp và khủng bố

của các chế độ thực dân, chế độ phân biệt chủng tộc, ngoại bang, các chế độ tước bỏ quyền hợp pháp của các dân tộc như quyền tự quyết, quyền độc lập. Đại hội đồng kiên trì kêu gọi tất cả các quốc gia tiêu diệt tận gốc nguyên nhân của chủ nghĩa khủng bố quốc tế.

Năm 1994 Đại hội đồng LHQ công bố Tuyên ngôn về phương thức bài trừ nạn khủng bố quốc tế. Tuyên ngôn lên án tất cả các hành động khủng bố và coi chúng là tội ác và không thể biện minh, không phụ thuộc vào việc khi nào và ai đã thực hiện chúng. Các quốc gia luôn được khuyến nghị thực thi những biện pháp ở mức độ quốc gia hay quốc tế, nhằm bài trừ nạn khủng bố quốc tế.

Đã có những công ước quốc tế về đấu tranh chống nạn khủng bố sau được thông qua: Công ước về tội phạm và một số hành vi khác thực hiện trên máy bay (ở Tokiô, năm 1963); Công ước về phòng ngừa bắn giết máy bay bất hợp pháp (ở La Hay - 1970); Công ước về ngăn ngừa hành động bất hợp pháp nguy hại đến thông tin tín hiệu hàng không dân dụng (Mông-re-an, năm 1971); Công ước về răn đe và trừng phạt đối với các loại tội phạm đe dọa tính mạng những người có quyền miễn trừ quốc tế, bao gồm cả các đại diện ngoại giao (ở Niu-ước, năm 1973); Công ước về bảo vệ vật lý các nguyên liệu hạt nhân (ở Viên năm 1980); Nghị định thư về ngăn chặn các hành động cưỡng bức bất hợp pháp xảy ra trên các sân bay hàng không phục vụ cho các hãng hàng không dân dụng (ở Mông-re-an, năm 1988); Công ước về loại trừ các hành động bất hợp pháp nguy hại đến an toàn tàu biển (ở Rim, năm 1988); Nghị định thư về loại trừ các hành động bất hợp pháp gây nguy hại cho công trình cố định, xây dựng trên thêm lục địa (ở Rim, năm 1988) và Công ước về loại trừ dùng vật liệu chất nổ palsite vào mục đích tìm kiếm khai thác (ở Mông-rê-an, năm 1991).

5. Công ước chống hành động bắt giữ con tin

Vào năm 1976, nhận rõ sự cần thiết phải soạn thảo những chế định ngăn ngừa hành động bắt giữ con tin, về điều tra xét xử và trừng phạt những kẻ bắt giữ con tin, Đại hội đồng LHQ lập ra tiểu ban soạn thảo dự án công ước quốc tế về vấn đề trên.

Công ước chống hành động bắt giữ con tin được Đại hội đồng LHQ thông qua năm 1979. Các thành viên tham gia Công ước nhất trí phải nội luật hóa chế định trừng phạt đối với hành động bắt giữ con tin vào bộ luật hình sự của mình. Các thành viên cũng nhất trí ngăn cấm, trên toàn bộ lãnh thổ của mình, một số hình thái hoạt động, trao đổi thông tin và quy định các điều kiện để tiến hành điều tra hình sự hoặc dẫn độ tội phạm. Nếu một quốc gia từ chối dẫn độ can phạm, thì quốc gia đó phải đưa vụ việc ra tòa án của nước mình để xét xử. Tính đến 30 tháng 9 năm 1994 đã có 75 quốc gia tham gia vào Công ước.

6. Công ước đảm bảo an ninh cho cán bộ của tổ chức LHQ

Quan tâm tới mức độ phát triển của tình trạng cán bộ LHQ bị xâm hại đến tính mạng sức khỏe, Đại hội đồng LHQ năm 1993 đã thành lập Tiểu ban soạn thảo văn bản công ước quốc tế. Công ước về đảm bảo an ninh cho cán bộ làm việc cho LHQ và thành viên trong gia đình họ đã được Đại hội đồng LHQ thông qua và công bố cho các quốc gia ký kết và phê chuẩn năm 1994.

7. Những sửa đổi Hiến chương LHQ

Những sửa đổi của Hiến chương LHQ có hiệu lực khi những sửa đổi này được Đại hội đồng thông qua với số phiếu của hai phần ba thành viên và được hai phần ba thành viên Hội đồng Bảo an bao gồm cả 5 nước thành viên thường trực phê chuẩn. Cho đến nay, bốn điều khoản của Hiến chương LHQ đã được sửa đổi, một trong những điều khoản đó được sửa đổi tới hai lần:

Năm 1965 thành viên Hội đồng Bảo an đã được tăng từ 11 lên 15 (Điều 23), số phiếu cần thiết để biểu quyết các quyết định về nhân sự trong Hội đồng tăng từ 7 lên 9, và về các vấn đề khác cũng tăng lên 9, bao gồm cả phiếu biểu quyết của cả 5 thành viên thường trực Hội đồng (Điều 27);

Năm 1965 số lượng thành viên Hội đồng kinh tế và xã hội tăng từ 18 lên 27, và vào năm 1973 tăng lên 54 (Điều 61);

Năm 1968 số phiếu cần thiết để Hội đồng Bảo an triệu tập Hội nghị LHQ với mục đích sửa đổi Hiến chương, đã được sửa tăng từ 7 lên 9 (Điều 109).

8. Các vấn đề pháp lý khác

Đại hội đồng LHQ đã thông qua công ước và những văn bản pháp lý về rất nhiều vấn đề khác. Nghị định thư về tăng cường hiệu lực nguyên tắc không sử dụng vũ lực trong các quan hệ quốc tế đã được Đại hội đồng thông qua năm 1987; Bộ tổng hợp các nguyên tắc bảo vệ những người bị giam giữ hay tù đầy dưới mọi hình thức, được thông qua năm 1988; Công ước quốc tế về đấu tranh với việc tuyển dụng, sử dụng, tài trợ và huấn luyện lính đánh thuê được thông qua và công bố để các bên ký kết và phê chuẩn vào năm 1989.

Ngoài ra, Đại hội đồng LHQ còn thông qua hàng loạt các văn bản pháp lý trên cơ sở các văn bản đệ trình của Tiểu ban chuyên trách về Hiến chương LHQ và tăng cường vai trò tổ chức này. Tiểu ban gồm 47 thành viên, được Đại hội đồng LHQ lập ra năm 1974.

Năm 1988 theo đề nghị của Tiểu ban chuyên trách, Đại hội đồng đã thông Nghị định thư về ngăn chặn và loại bỏ những tranh chấp và những tình trạng có thể đe dọa hòa bình và an ninh, và về vai trò LHQ trong lĩnh vực này.

Năm 1990 Tiểu ban chuyên trách đã hoàn tất công việc soạn thảo bản dự thảo về hợp lý hóa thủ tục tổ chức LHQ, được Đại hội đồng LHQ thông qua với hình thức phụ lục cho những quy định về thủ tục của mình.

CÂU HỎI HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

- 1. Hãy cho biết vai trò của LHQ trong việc điều chỉnh các tranh chấp quốc tế?*
- 2. Hãy nêu vai trò của LHQ trong sự phát triển và pháp điển hóa luật quốc tế?*